



CHÁNH PHÁP

PHÁT HÀNH MỖI ĐẦU THÁNG

HOÀNG PHÁP — TIN TỨC PHẬT SỰ — VĂN HỌC PHẬT GIÁO

SỐ 17 - THÁNG 9.2010

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **TÂM BÌNH THẾ GIỚI BÌNH** (HT. Thích Nguyên An), trang 1
- **HAI THỨ TỰ DO** (HT. Thích Trí Chơn dịch), trang 2
- **TÌNH PHÁP LỮ: TÍN NGHĨA – TRÍ HIẾN** (Điều Ngự Từ Tín Nghĩa), tr. 3
- **NGHĨA LÝ TỤNG NIỆM** (HT. Thích Thắng Hoan), trang 4
- **NÉT CỌ CUỘC ĐỜI** (thơ Hàn Long An), trang 5
- **CON ĐƯỜNG MẸ CHỈ CON ĐI, HỒN LÊN BÀN CHÂN MẸ** (thơ Tâm Không – Vinh Hữu), trang 6
- **SUY NGHĨ VỀ HƯỚNG GIÁO DỤC ĐẠO PHẬT CHO TUỔI TRẺ** (Tuệ Sỹ), trang 6
- **BÊN KIA BỜ, LỜI HUẪN** (thơ Vũ Tiến Lập), trang 8
- **LỜI KINH QUÁN NIỆM NGÂN VANG...** (Tịnh Minh soạn dịch), trang 9
- **NỤ CƯỜI CỦA CHA** (Mã Nhược Mai), trang 9
- **MỘT CỐI TỊNH ĐỘ TRONG MÔI NGƯỜI CHÚNG TA** (Hoàng Phong dịch), trang 10
- **LÊ VU LAN** (thơ Điều Ngự Từ Tín Nghĩa), trang 11
- **MỘT CON ĐƯỜNG** (Trần Lăng), trang 12
- **CÂU CHUYỆN CỦA SỰ TỬ VÀ CHÓ RỪNG** (Bạch Xuân Phê dịch), tr. 13
- **ĐÓI DIỆN, CHIA TAY, RONG RUỐI, CẢM NGHE...** (thơ Huyền Vũ), tr. 13
- **TUỔI THƠ VÀ NGƯỜI LỚN** (Tâm Minh – Vương Thúy Nga), trang 14
- **BUỒN THI NHÂN, ẮNG MÂY, DU TỬ CA...** (thơ Phù Du), trang 14
- **TÌM THỎA MÃN GIỮA DÒNG BIẾN DỊCH** (Thị Giới dịch), trang 15
- **HÌNH ẢNH CUNG NGHINH PHẬT NGỌC TẠI CHÙA CỔ LÂM, SEATTLE** (Chùa Cổ Lâm), trang 16
- **QUÊ MẸ** (thơ Tường Vân), trang 18
- **PHẬT NGỌC: HÌNH TƯỢNG VÀ THẬT TÁNH CỦA HÒA BÌNH, AN LẠC** (Trần Kiếm Đoàn), trang 18
- **ÔNG VUA QUÉT ĐƯỜNG** (Hoàng Mai Đạt), trang 20
- **BÓNG MÁT** (Ngô Kỳ Diệp), trang 22
- **MẸ TÔI** (Vô danh), trang 22
- **TRÊN SÔNG** (Thu Nguyệt), trang 23
- **HẠNH PHÚC THẬT GẦN** (thơ Thích Ánh Tuệ), trang 23
- **THEO DÒNG NƯỚC TRÔI** (Chiêu Hoang), trang 24
- **GỬI CON TRAI CHƯA RA ĐỜI** (thơ TM Ngô Tăng Giao dịch), trang 24
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 25



TÂM BÌNH THẾ GIỚI BÌNH

DIỄN VĂN KHAI MẠC
LỄ CUNG NGHINH PHẬT NGỌC
VÌ HÒA BÌNH THẾ GIỚI
TẠI CHÙA CỔ LÂM
SEATTLE, WASHINGTON
21/8/2010

HT. Thích Nguyên An

Kính bạch chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni, Kính thưa quý vị quan khách, quý vị lãnh đạo tinh thần các tôn giáo, quý vị đại diện các hội đoàn, tổ chức của cộng đồng người Việt tự do, Kính thưa đạo hữu Ian Green và toàn thể quý đồng hương, quý thiện nam tín nữ Phật tử hiện diện hôm nay,

Kính thưa toàn thể liệt quý vị, Thế giới ngày nay đã không còn lạ gì với nền giáo lý giải thoát và giác ngộ của Đức Phật. Bước vào đầu thiên kỷ thứ III của nhân loại, Liên Hiệp Quốc cũng đã vinh danh nền tư tưởng và học thuật Phật giáo là con đường của Hòa Bình, có thể mang lại hạnh phúc an lạc cho bất kỳ cá nhân, xã hội hay quốc gia nào đón nhận và thực hành Phật Pháp.

Nói như thế có nghĩa rằng, trên bình diện tương giao giữa cá thể con người và cộng đồng nhân loại, chúng ta có thể đạt đến nền hòa bình chung cho toàn hành tinh chỉ khi nào mỗi người chúng ta phải tuân thủ tinh thần bất hại, bất bạo động, và có được sự an tĩnh nội tâm đó, mỗi người chúng ta, qua sự thực nghiệm của Phật Pháp, phải chuyển hóa được các phiền não căn bản thành những tâm trạng thanh cao, đẹp sáng: tức là chuyển hóa tham vọng thành thiếu dục tri túc, biết san sẻ bố thí, chuyển hóa hận thù thành thương yêu tha thứ, và chuyển hóa si mê thành tỉnh thức, cảm thông...

Thực hiện được sự chuyển hóa tích cực như vậy, tâm chúng ta là tâm hòa bình, cảnh chúng ta sinh sống là cảnh hòa bình. Từ tâm và cảnh hòa bình, bước chân và cái nhìn của chúng ta đặt đến nơi đâu, đối tượng nào, cũng đều mang lại hòa bình cho hoàn cảnh và đối tượng đó. Như vậy, Phật ngọc, Phật tranh, Phật gỗ, Phật đá, thậm chí Phật đất sét của trẻ nhỏ nắn thành, cũng đều là biểu tượng của hòa bình,

an lạc. Tuy nhiên, khi một biểu tượng được an vị tại một nơi chốn, chỉ có thể đem lại ứng cảm cho một số người nhất định nào đó tại địa phương ấy. Tâm ảnh hưởng của biểu tượng sẽ bị giới hạn. Trong khi đó, thế giới đầy những bất an, khủng hoảng và biến động ngày nay, rất cần một biểu tượng chung thật sáng ngời của Hòa Bình, của Phật Pháp -- một biểu tượng có thể chiêu cảm và hội tụ niềm tin của hàng triệu người khắp năm châu, để từ đó, trong mỗi đồng cảm và ý lực chung của cộng đồng Phật tử, lòng từ bi và tinh thần hòa bình bất bạo động có thể cùng lúc được khơi dẫn và bùng tỏa để thắp sáng cho toàn nhân loại. Đây là lý do mà đạo hữu Ian và Judy Green, với sự cố vấn dẫn đạo của Lạt-ma Zopa Rinpoche tại Úc, đã phát tâm hoàn thành một tượng Phật bằng ngọc bích, cao 2 mét rưỡi, nặng trên 4 tấn, đặt tôn hiệu là "Phật Ngọc Vì Hòa Bình Thế Giới"; và trong hai năm qua, đã tổ chức một chuyến viễn trình trên nhiều quốc gia và châu lục để người người được chiêm quan, lễ bái.

Kính thưa liệt quý vị, Hoàn thành vào tháng 12 năm 2008, Phật Ngọc đã nhanh chóng trở thành biểu tượng thiêng liêng của Phật tử nhiều quốc gia, đồng thời được ghi nhận như là một kỳ quan nghệ thuật của Phật giáo hiện đại. Như thế, có thể nói rằng, Phật Ngọc mà người Phật tử hay không phải Phật tử khắp nơi trên thế giới, dù không đồng ngôn ngữ và văn hóa, đã cùng hân hoan cung đón và chiêm ngưỡng, không chỉ là biểu tượng của Phật bảo (tức là Chân), không chỉ là biểu tượng của Hòa Bình (tức là Thiện), mà còn là biểu tượng của Nghệ thuật (tức là Mỹ).

Hôm nay nơi lễ đài này, sau nhiều tháng ngày chờ đợi, cuối cùng chúng ta cũng đã được thân hành chiêm bái Phật Ngọc, cũng như chính thức cử hành Đại lễ Cung Nghinh bảo tượng. Trong mười ngày Phật Ngọc ngự tọa tại đạo tràng

Chùa Cổ Lâm, chúng tôi thực hiện một chương trình tu tập, thiền định, tụng kinh bái sám, lập đàn tràng giải oan bạt độ, cầu siêu hương linh, để cầu nguyện cho dân tộc và nhân loại sớm chấm dứt chiến tranh, khắc phục mọi thiên tai và nhân họa, chung hưởng một đời sống an lạc, hạnh phúc chân thật. Với chương trình tu tập và cầu nguyện như thế, chúng tôi muốn nhấn mạnh ý nghĩa đích thực của việc chiêm bái "Phật Ngọc Vì Hòa Bình Thế Giới" là mỗi cá nhân chúng ta, trước biểu tượng tôn nghiêm của Đức Phật, tinh tấn thực hành lời Phật dạy để chuyển hóa tâm thức của mình cho thật an bình, tinh tại, thì thế giới sẽ hòa bình, an lạc.

Với lòng chân thành hướng về bảo tượng và niềm tin bất hoại nơi sự trường tồn của Chánh Pháp, chúng tôi xin long trọng tuyên bố khai mạc lễ Cung Nghinh Phật Ngọc tại Chùa Cổ Lâm hôm nay.

Thành thật tri ân toàn thể liệt quý vị.
Nam mô Tối Thắng Trang Nghiêm
Công Đức Phật



HAI THỨ TỰ DO

Nguyên tác: **Ajahn Brahm**

Chuyển ngữ: **H.T. Thích Trí Chơn**

Giới thiệu tác giả: Ajahn Brahm sinh năm 1951 tại Luân Đôn (London). Năm 16 tuổi, lúc còn là học sinh, ông đã tự nhận mình là Phật tử, sau khi đọc vài cuốn sách Phật. Ông bắt đầu nghiên cứu Phật giáo và thiền định trong thời gian theo học môn Vật Lý (Physics) tại đại học Cambridge (Anh quốc). Sau khi hoàn tất học vấn năm 23 tuổi, ông qua Bangkok, thọ giới xuất gia với vị Sư trụ trì chùa (Wat) Saket. Sau đó, ông vào rừng Thái Lan tu thiền 9 năm dưới sự hướng dẫn của Thiền Sư nổi tiếng thế giới Ajahn Chah. Năm 1983 ông được mời sang thành lập Thiền Viện trong rừng gần Perth, miền Tây Úc đại lợi. Hiện nay Ajahn Brahm làm trụ trì Tu Viện Bodhinyana và Giám Đốc Tinh Thần Hội Phật Giáo Tây Úc (Spiritual Director of The Buddhist Society of Western Australia)-Ghi chú của người dịch

oOo

Hiện nay nhân loại trên thế giới công nhận có hai thứ tự do. Một là tự do thỏa mãn dục vọng và hai là tự do thoát khỏi dục lạc. Các nước Âu Mỹ hiện đại đề cao loại tự do đầu tiên, chủ trương con người sống càng hưởng thụ được nhiều thú vui dục lạc càng tốt. Có thể nói rằng đa số các nước dân chủ Tây Phương đều cố gắng bảo vệ quyền tự do thỏa mãn các dục vọng của con người. Tuy nhiên, điều đáng ghi nhận là trong các quốc gia đó, thực ra người ta cảm thấy chẳng có tự do gì hết.

Thứ hai là loại tự do thoát khỏi các dục vọng, mà những tổ chức và đoàn thể tôn giáo thường đề cao. Tại đó người ta tán dương cuộc sống bình an không tranh chấp hơn thua và hoàn toàn giải thoát. Điều đáng chú ý là những nơi an bần lạc đạo như ở tu viện của chúng tôi, người ta lại cảm thấy tự do.

Bạn Mong Ước Thứ Tự Do Nào?

Ngày nọ có hai vị Sư Thái Lan được mời đến thọ trai ở nhà một đạo hữu. Trong phòng khách nơi họ ngồi chờ thấy có một bể nuôi đủ loại cá. Vị Sư ít tuổi hơn tỏ ý không bằng lòng vì làm vậy là không phù hợp với giáo lý từ bi của Phật giáo bởi lẽ chúng có tội tình gì mà bị giam trong nhà tù bằng kính như thế? Chúng cần được tự do bơi lội trong sông hay ao hồ tùy thích. Nhưng vị Sư thứ hai phản bác lại ý kiến đó và giải thích rằng hẳn nhiên là những con cá ấy không được tự do theo đuổi sở thích riêng của chúng, nhưng sống trong bể thì chúng thoát khỏi nhiều mối nguy hiểm. Rồi vị đó liệt kê ra các loại tự do ấy như sau:

1. Có khi nào quý vị thấy người đi câu buông câu trong một bể cá trong nhà? Chưa! Vậy thì tự do trước tiên mà những con cá kia có được là không bị người đi câu đe dọa. Còn hoàn cảnh của cá trong tự nhiên khi chúng nhìn thấy một con sâu béo mập hay một con ruồi hấp dẫn, chúng không bao giờ có thể biết chắc là đớp mỗi vào có an

toàn hay không. Chắc chắn là chúng đã từng nhìn thấy nhiều bà con và bạn bè nuốt một con sâu hết sức ngon lành rồi sau đó bắt thành linh biến mất vĩnh viễn khỏi cuộc đời của chúng. Rõ ràng là việc ăn của một con cá trong tự nhiên có thể gặp nhiều nguy hiểm và thường kết thúc cuộc sống một cách bi thảm. Đúng là bữa ăn mang đến tai họa.

2. Cá trong tự nhiên thường lo sợ bị cá lớn nuốt. Thời buổi này ở nhiều sông lội ngược dòng vào ban đêm ắt hẳn không còn được an toàn như trước! Nhưng không có người nuôi nào lại thả những con cá lớn vào để ăn những con cá nhỏ mình nuôi. Vậy thì những con cá trong bể thoát khỏi mối hiểm nguy sẽ bị cá lớn ăn thịt.

3. Trong tự nhiên, đôi lúc cá có thể không kiếm được thức ăn. Còn cá trong bể thì giống như sống bên cạnh một nhà hàng vậy. Mỗi ngày hai lần bữa ăn đầy đủ chất bổ dưỡng được mang đến tận nơi tiện lợi còn hơn là đặt mua bánh pizza giao tại nhà vậy và cũng không phải trả tiền. Cho nên những con cá trong bể không bị cái đói đe dọa.

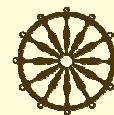
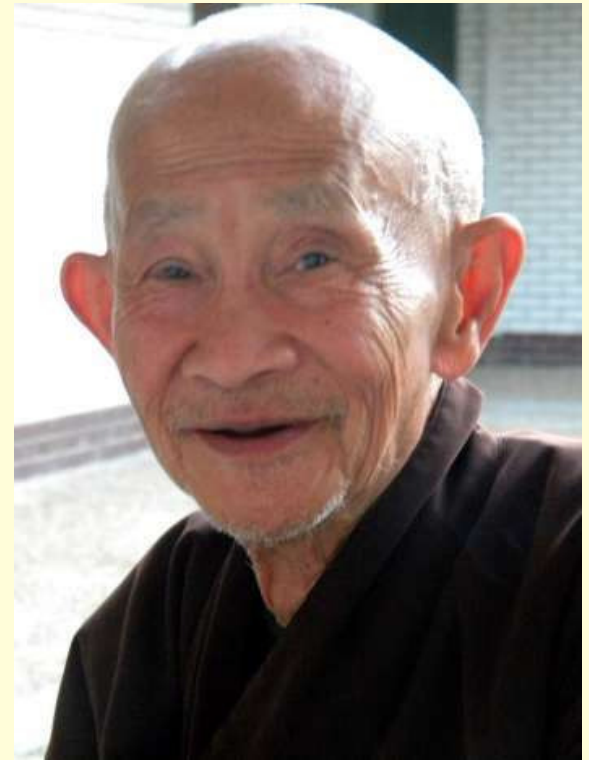
4. Thời tiết bốn mùa luôn thay đổi, sông và hồ phải chịu các nhiệt độ khắc nghiệt. Vào mùa đông thì lạnh buốt và có thể bị tuyết che phủ. Mùa hè khí hậu lại rất nóng, đôi lúc bị khô cạn đối với cá. Nhưng cá trong hồ thì như ở trong phòng có máy điều hòa không khí, nhiệt độ nước trong bể luôn được giữ không thay đổi và dễ chịu cả ngày, quanh năm suốt tháng. Như thế con cá trong bể có được tự do thoát khỏi thời tiết nóng lạnh bất thường.

5. Trong tự nhiên, khi cá bị bệnh, chẳng có ai chăm sóc và chữa trị. Còn cá trong bể thì có bảo hiểm y tế. Khi đau ốm, chủ nhà liền mời bác sĩ đến khám bệnh và chúng cũng chẳng cần phải đi bệnh viện nữa. Như thế con cá trong bể được tự do thoát khỏi mối nguy cơ mắc bệnh tật và không có bảo hiểm sức khỏe.

Vị Sư lớn thứ hai tóm tắt ý tưởng lập luận của mình: Làm thân cá trong bể được hưởng nhiều thuận lợi. Mặc dù chúng không được tự do bơi lội đi đây đi đó theo đuổi các sở thích của mình, nhưng chúng được tự do thoát khỏi nhiều mối hiểm nguy và nỗi khó khăn trong cuộc sống.

Vị Sư lớn tiếp tục giải thích rằng những người sống cuộc đời tu hành cũng thế. Đúng là họ không được tự do theo đuổi các dục vọng và thỏa mãn mọi ham muốn, nhưng họ tự do thoát khỏi những khổ đau phiền lụy của cuộc đời. Nói tóm, tự do là bằng lòng với nơi chốn mình đang sống. Nhà tù là nơi bạn không muốn ở. Thế giới tự do là thế giới mà người ta ham thích sinh sống. Tự do thực sự là giải thoát khỏi ái dục chứ không bao giờ là tự do thỏa mãn ái dục. **Vậy thì bạn muốn thứ tự do nào?**

(Trích dịch từ "Who Ordered This Truckload of Dung?")



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
COUNCIL OF MANAGEMENT
CENTRAL OFFICE

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Kính gửi: Chư tôn Giáo Phẩm Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni và cư sĩ thành viên Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Trên Thế Giới, cùng môn đồ pháp quyến Đại lão Hòa thượng tân viên tịch

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Được tin Đại Lão Hòa Thượng thượng **TRÍ** hạ **HIỀN**, Đệ Nhất Phó Thượng Thủ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Trên Thế Giới, Viện Trưởng Trung Tâm Phật Giáo Khuông Việt – Chùa Pháp Quang, đã an nhiên thân thị tịch vào lúc 4 giờ 20 phút chiều ngày Chủ Nhật, ngày 08 tháng 08 năm 2010 (nhằm ngày 28 tháng 06 năm Canh Dần) tại Grand Prairie, Texas, Hoa Kỳ, hưởng thọ 74 tuổi đời và 54 hạ lạp.

Thay mặt Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHNK, nhất tâm dâng lễ Giác Linh Đại Lão Hòa Thượng cao đẳng Phật Quốc, hồi nhập Ta Bà giáo hóa chúng sinh. Xin thành kính phân ưu cùng Đại lão Hòa thượng Thượng Thủ và chư tôn giáo phẩm thành viên GHPGVN Trên Thế Giới, cũng như môn đồ pháp quyến của Cố Đại lão Hòa thượng tân viên tịch.

Kính mong chư tôn đức Giáo Phẩm Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni hành đạo tại hải ngoại, tùy hoàn cảnh sở tại thiết lễ cầu nguyện và truy niệm công đức Đại Lão Hòa Thượng tân viên tịch đã một đời cống hiến cho Đạo Pháp và Dân Tộc.

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật
Thành kính phân ưu,

Santa Ana, ngày 10 tháng 8 năm 2010,
Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHNK

Chủ tịch
(ấn ký)

Sa Môn Thích Trí Chơn



Tình Pháp Lữ: TÍN NGHĨA - TRÍ HIỀN

Điều Ngự Từ TÍN NGHĨA

Tôi đến định cư Hoa Kỳ vào ngày 19 tháng 09 năm 1979 do nhậm vị Hòa thượng Thiên Ân và Mãn Giác bảo lãnh về chùa Việt Nam, Los Angeles. Tôi ở đây được mười tám hôm thì vàng lời hai Ngài lên làm Lãnh đạo kiêm trụ trì chùa Việt Nam ở số 369 South Pearl, thành phố Denver, tiểu bang Colorado. Sau này biến dạng danh xưng qua nhiều thành phố, rồi trở lại Denver với tên chùa Như Lai bây giờ.

Tôi đến đây gần sáu tháng và tổ chức Đại lễ Phật Đản 2526-1982, đầu tiên với riêng tôi, có lễ đài lộ thiên và được đài truyền hình địa phương loan tải rộng rãi.

Mùa thu năm này, thầy Trí Hiền tổ chức trại cho những đơn vị Gia đình Phật tử vùng Trung Mỹ tại chùa Pháp Hoa cũ, ở thành phố Wichita, tiểu bang Kansas. Chùa Việt Nam Denver được thư mời tham dự, tôi hướng dẫn đoàn Thanh Niên Phật Tử Thiện Minh do tôi thành lập trong mùa Phật Đản vừa rồi cũng đi tham dự. Cũng lần đầu tiên tôi được đi xuyên bang.

Những ngày trên đất trại với thầy Trí Hiền : Chúng tôi đến sáng thứ sáu, trời hơi nóng, đất trại đang còn thừa thớt. Mấy anh em đã hơn một lần quen biết chạy ra tay bắt mặt mừng và dẫn tôi đến gặp thầy Trí Hiền cũng như ban Trị Sự của chùa. Chùa là ngôi nhà cũ cải gia vị tự do thầy sáng lập, trực tiếp hướng dẫn với tư cách lãnh đạo tinh thần. Chùa này sau bán đi và tìm một cơ sở mới hơn, nghe ra đã xây cất tương đối tốt đẹp và khang trang hơn. Những lần du hóa ở vùng này, tôi có ghé một vài lần thăm thầy Nguyễn Tâm, đương kim Trụ Trì khi chưa xây cất.

Lần đầu tiên tôi gặp thầy Trí Hiền, thầy mời tôi giảng cho hội cũng như nhờ tôi có giải pháp nào hay để dung hòa giữa Hội và Gia đình Phật tử. Tôi không còn nhớ bác Gia trưởng tên gì, nhưng cứ theo tôi nói về sự khó khăn sinh hoạt trong chùa. Bác cho biết là:

- *Thưa thầy, con rất khổ tâm là, con vừa nằm trong ban Trị Sự lại là Gia trưởng của đơn vị, nên cả hai phía dồn vào cái khó cho con. Thầy có cách gì giúp con với.*

Tôi chỉ cười và trả lời:
- *Để thầy giảng chiều nay, xem ý các bác ra sao đã, khi đó thầy mới có ý kiến.*

Thầy Trí Hiền tính năng động. Lâu lâu thầy họp anh em toàn trại để làm cái này, cái nọ. Trại vốn vẹn hai ngày mà thầy bắt làm một đống bích báo. Trại sinh chạy người chạy xuôi và có hải đến tôi. Tôi cười và chỉ tặng cho bích báo này một bài thơ tứ tuyệt. Trên hai mươi lăm năm, giờ thì tôi cũng không còn nhớ đến. Đó là lần đầu tiên tôi được gặp thầy Trí Hiền.

Ngày đầu tiên đến vùng Dallas: Hằng năm, cứ đến ngày 30 tháng Tư, tôi thường đi giảng. Được các anh em: Ba, Xuân, Hè, Tín, Năng, ... ở thành phố Euless mời qua tham dự đêm không ngủ để cầu nguyện cho hòa bình

Việt Nam.

Vừa đến phi trường Dallas, mấy anh em chờ ngay đến thăm thầy Trí Hiền, chùa Pháp Quang và thầy Pháp Nhẫn, chùa Liên Hoa. Hai thầy tay bắt mặt mừng. Hai ngôi chùa ấy, khi đó đang còn phôi thai, chưa được khang trang và rộng rãi như bây giờ. Chủ nhật ấy, ngài Pháp Nhẫn mời tôi giảng một bài pháp cho Phật tử gọi là giao tình pháp lữ trên xứ người.

Mấy anh em thấy tôi giảng cũng vui, giọng tụng kinh trầm bổng vừa ý người nghe nên tất cả có nhã ý mời tôi về vùng này lập một ngôi chùa. Tôi nói:

- *Để xem lại ra sao, vì ở đây có hai vị vừa có chùa, vừa là những vị đã từng du học ở Nhật và Ấn Độ nữa. Vị nào cũng đạo cao đức trọng, chưa chắc gì thầy lập được chùa..*

Mấy anh em cười và đồng thanh nói:
- *Chúng ta qua thưa với hai thầy, xem ý các ngài bảo sao?*

Tôi cười và chia tay trở lại Phật Học Viện, lo đi học và làm Phật sự.

Lập Tổ Đình Từ Đàm tại Dallas: Tháng Tư năm 1983, đi du hóa vùng Trung Mỹ, đặc biệt là thành phố Dallas. Mặc dù trước đó, tôi đã đi qua đi về nhiều lần. Cuối cùng, tôi nhờ một số anh em gặp lại hai ngài Trí Hiền và Pháp Nhẫn vừa tham, vừa tâm sự chuyện tôi lập chùa gần quý thầy.

Ngài Pháp Nhẫn vừa cười vừa nói:
- *Thượng tọa về lập chùa ở đây cho vui. Ở đây người Huế cũng đông. Giọng tụng kinh của thầy chắc hợp lắm.*

Tôi cười và thưa:
- *Nếu Thượng tọa không có gì trở ngại, tôi xin về ở gần nhau cho vui.*

Đám đạo xong và chia tay rồi đi thẳng qua ngài Trí Hiền.

Bước xuống xe, tôi thấy thầy Trí Hiền vừa cầm chiếc búa và con ve để đẽo những chỗ thừa Xi-măng (Cement) ở bên hai vai của Bồ tát Quán Thế Âm. Thấy tôi, thầy nghi tay và vào liêu uống trà, nói chuyện.

Tôi hỏi:
- *Sao thầy đục đẽo hai vai của tượng ngài Quán Thế Âm như vậy.*

Thầy trả lời:
- *Thợ nhà vùng quá. Nó đắp quá nhiều xi-măng, vừa thô lại không cân đối. Đục bên này coi được, lại đục bên kia. Minh không phải chuyên nghiệp nên cứ đục, rồi sa tay làm hư tiếp. Cứ thế mà sửa hoài chưa vừa ý.*

Hai chúng tôi vừa uống nước, vừa nói chuyện. Tôi thưa tiếp :

- *Thưa Thượng tọa (thầy được tấn phong ngôi vị Thượng tọa một lần với thầy Giác Đức, trong đại hội mà các ngài Tâm Châu, Thanh Cát, Thanh Tuất, ... đều lên ngôi vị Hòa thượng), Tín Nghĩa có ý định qua đây lập một cái thất để tu tập cho vui.*

Thầy liền tiếp ngay sau đó :
- *Thôi, ngài lập làm gì cho mệt. Qua đây tôi cúng cơ sở này cho ngài.*

Tôi cười :
- *Tôi không có khả năng lớn như vậy. Chỉ lập thảo am nho nhỏ, có chỗ để tu là được.*

Cái gì rồi cũng phải đến. Tôi trở lại Phật Học Viện Quốc Tế để sắp đặt và thưa lại với ngài Giám đốc Thích Đức Niệm là tôi có ý niệm lập chùa ở thành phố Dallas.

Mặc dầu tôi đã mua xong cơ sở, nhưng mãi đến ngày 22 tháng 08 năm 1983 (nhằm ngày 14 tháng 07 năm Quý Hợi), tôi mới thực sự có mặt và ngày chính thức sinh hoạt, nhập tự và hoạt động với quảng đại quần chúng vào ngày 20 tháng 12 nhằm dịp lễ Hạ nguyên rằm tháng Mười Quý Hợi. Trong buổi lễ nhập tự có sự hiện diện chúng minh của thầy Trí Hiền. Ngài có tặng cho Từ Đàm hai trụ cờ cao 20 feet, bằng sắt, đã hơn hai mươi năm nay vẫn còn sử dụng tốt.

Ba ngôi chùa xây cất khang trang, với ba vị Thượng tọa chân tu thực học đứng thế tam giác cân.

Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại chung với Liên hoa cùng một thành phố, lại là dân Huế, nhưng khác môn phái (Hòa thượng Pháp Nhẫn Hiện là Phó Tăng thống, Giáo hội Nam Tông tại Hoa Kỳ). Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại cùng Bắc tông với Pháp Quang, nhưng khác thành phố, khác miền (ngài Trí Hiền sinh quán Bắc kỳ). Sinh hoạt rất hài hòa và nhịp nhàng làm sao. Từ Đàm Hải Ngoại đi đến hai chùa kia cũng chỉ mười lăm phút.

Vận động tinh thần tổ chức Phật Đản chung: Phật Đản đầu tiên 2528, chúng tôi cùng thỉnh ngài Đức Niệm về thuyết giảng và chúng minh cho Đại lễ. Một ngày trước đó, tôi chờ ngài Đức Niệm đi thăm hai chùa. Trong buổi đàm đạo, chúng tôi ngỡ ý muốn tổ chức Phật Đản chung hằng năm cho ba chùa để làm niềm tin cho hàng Phật tử và Đồng hương. Một bữa cơm đạm bạc do ngài Trí Hiền khoảng đãi. Bốn chúng tôi vui cười và hy vọng Phật Đản 2529 sẽ có lễ đài chung. Không biết cơ sự ra sao, trước đó một tháng, tôi lái xe qua hai chùa thỉnh ý hai ngài Pháp Nhẫn và Trí Hiền. Mỗi ngài trả lời một cách. Cuối cùng chùa nào lo chùa nấy.

Những ngày bệnh hoạn của thầy Trí Hiền : Thầy Trí Hiền bị bệnh là dạ dày đờ lên ruột già, nên ăn uống không được. Con người ngày một gầy ốm. Đi bác sĩ khám và cho hay là phải cắt bỏ một đoạn ruột già. Thầy chữa trị ở bệnh viện Fort Worth, hằng ngày có ông bà Bình ở gần đó thân cận thuốc men. Tôi và Ni sư trú trì Thích nữ Hạnh Thanh lên xuống thăm viếng hoài. Ngày thầy khỏe trở lại chùa, chúng tôi vẫn qua lại thăm viếng hỏi han sức khỏe. Mỗi lần thầy có những Phật sự khá quan trọng, thầy đều có hỏi ý kiến chúng tôi như là dựng tượng đức Phật Di Đà, sửa và thay những giao cụ trên nóc chùa, v.v...

Con người của thầy thì ốm o, nhỏ nhoi mà trí huệ và đại nguyện của thầy thì rộng lớn. Ai đến viếng cảnh thiên môn Pháp Quang đều phải thán phục. Thầy không quan tâm về sức khỏe cũng như sự ăn uống của chính thầy.

Thế duyên đã mãn: Chủ nhật ngày 08-08-2010, vào lúc bốn giờ chiều, thầy tiếp khách. Câu chuyện khách chủ đang vui, thầy kêu khát nước, đưa tay bưng ly nước để uống thì thầy gục xuống bàn (tôi được nghe trực tiếp anh Liên Đoàn Trưởng GDPT Pháp Quang kể lại như vậy). Các Phật tử đang đứng hầu chuyện thấy vậy liền gọi thầy,

thầy,... không được cấp tốc gọi xe chở đi cứu cấp tại bệnh viện Arlington. Nửa giờ sau, tôi nghe tin, liền có mặt ngay lập tức. Đến nơi tôi thấy có vị thì khóc thút thít, đa phần thì niệm tiếp dẫn cho thầy. Tôi cùng Phật tử tiếp tục niệm được hơn nửa giờ thì Hòa thượng Tịnh Đức chùa Đạo Quang ở Ganland cũng đến và thầy cũng niệm tiếp dẫn như chúng tôi. Gần hai mươi phút sau thì tu viện Quang Chiếu, Fort Worth và Hòa thượng Pháp Nhẫn chùa Liên Hoa, Irving cùng phái đoàn đều đến. Tôi thấy trong lúc trợ niệm có hai môn phái. Tôi đi ra ngoài bàn một vài công việc với quý đệ tử của chùa Pháp Quang để cho Hòa thượng Pháp Nhẫn cùng quý thầy đồng môn tụng theo nghi thức Nam Tông.

Tất cả chư Tăng Ni ra về hết. Chỉ còn tôi và Ni sư Hạnh Thanh tiếp tục niệm Phật như thế với Phật tử. Kế tiếp, chúng tôi cùng nhân viên bệnh viện di chuyển nhục thân thầy qua một phòng khác để dễ dàng ra vào thì quý thầy chùa Đại Bi và chùa Từ Quang cùng đến và đồng tụng Đại Bi thần chú ba biến và niệm Phật. Mười một giờ đêm tôi mới trở lại chùa.

Đám táng của thầy tổ chức tương đối khá đầy đủ và đông đảo chư Tăng, đa phần quý thầy kinh sư đều là cố đồ Huế về từ California, Atlanta, Nebraska, Houston, Wichita và địa phương. Tôi trực tiếp làm Sám chủ trong những ngày tang lễ của thầy từ khi nhập quan cho đến lúc trà trà.

Hòa Thượng THÍCH TRÍ HIỀN

Thế danh **Đàm Trọng Phúc**,
Thọ sanh ngày 20 tháng 10 năm 1937 (Đinh Sửu)

Hưởng thọ 74 tuổi,

Hạ lạp 54 tuổi đạo

Thuận tịch vào lúc 5 giờ 00 pm ngày 28 tháng 06 năm Canh Dần (nhằm ngày 08-08-2010), tại bệnh viện Arlington, Texas, trong sự hộ niệm :

- Hòa thượng Phó Chủ tịch Thích Tín Nghĩa, Viện chủ Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại và Ni sư Trụ Trì Thích Nữ Hạnh Thanh.

- Hòa thượng Thích Tịnh Đức, Viện chủ chùa Đạo Quang.

- Hòa thượng Thích Pháp Nhẫn, Viện chủ Tự Viện Liên Hoa, và Tăng chúng gồm sư Chánh Niệm, Thượng tọa Giác Hạnh, Sư cô Trí Hạnh.

- Đại đức Trụ trì chùa Đại Bi Thích Giải Ngộ và chư Tăng Đại đức Thích Minh Thiện, Đại đức Thích Pháp Lạc,

- Đại đức Trụ trì chùa Từ Quang Thích Giải Đức.

- Ni chúng Tu viện Quang Chiếu gồm sư cô Linh Phong, Sư cô Linh Toại, Sư cô Huệ Thanh và Sư cô Huyền Quán.

Cùng đơn vị Gia đình Phật Tử Pháp Quang, Gia đình Phật Tử Từ Đàm và toàn thể Phật tử chùa Pháp Quang và quý chùa phụ cận.

Nam Mô Từ Lâm Tế Chánh Tông Tứ Thập Tứ Thế Đế Nhất Phó Thượng Thủ Giáo Hội Tăng Già Việt Nam Trên Thế Giới, Viện Trưởng Trung Tâm Phật Giáo Khuôn Việt, Khai sáng Pháp Quang Tự thượng Trí Hạ Hiền Hòa Thượng Giác Linh Cao Đăng Phật Địa.

Kính bái,

Điều Ngự Từ TÍN NGHĨA



NGHĨA LÝ TỤNG NIỆM

HT. Thích Thắng Hoan

(tiếp theo)

V.- NHỮNG KINH CHÚ THƯỜNG TRÌ TỤNG

Theo như các Thiền Môn xưa quy định, những Kinh Chú căn bản thường trì tụng gồm có:

1.- Những Kinh thường trì tụng:

a. Cầu vãng sanh Cực Lạc hay cầu siêu độ vong linh thì trì tụng:

- *- Kinh tiểu bản A Di Đà
- *- Kinh Bát Nhã

b. Cầu Sanh về Niết Bàn của Phật Thích Ca và cầu tăng thêm phước báo cho đời sống của mình và của gia đình mình thì trì tụng:

- *- Kinh Pháp Hoa
- *- Kinh Bát Nhã

c. Cầu an gia đạo thì trì tụng:

- *- Kinh Phổ Môn
- *- Kinh Bát Nhã

d. Cầu giải trừ tật bệnh thì trì tụng:

- *- Kinh Dược Sư
- *- Kinh Bát Nhã

e. Sám hối tội lỗi thì tụng:

- *- Hồng Danh Bửu Sám, hoặc
- *- Kinh Thủy Sám, hoặc
- *- Kinh Lương Hoàng Sám

g. Ngoài ra người tu tập còn tụng thêm các Kinh khác như:

- *- Kinh Vô Lượng Thọ,
- *- Kinh Lăng Nghiêm,
- *- Kinh Bát Đại Như Lai Giác, v.v....

2.- Những Thần Chú thường trì tụng:

- *- Chú Lăng Nghiêm
- *- Chú Đại Bi
- *- Thập Chú, v.v....

VI.- Ý NGHĨA VÀ CÔNG DỤNG NHỮNG KINH TỤNG

Mỗi quyển Kinh Phật có ý nghĩa và công dụng khác nhau do công đức đạt đạo và hạnh nguyện độ tha của chư Phật và chư Bồ Tát, Thiên Long Bát Bộ, Hộ Pháp Thiện Thần thiết lập để làm gạch nối gieo duyên với tất cả chúng sanh trên con đường giải thoát sanh tử khổ đau. Chúng sanh từ vô thủy đến nay nghiệp chướng tích lũy sâu dày, tội căn phủ đầy kiếp sống, nẻo trước mập mờ lối bước, đường sau lấp ngõ quay về, cho nên khổ đau, nhất là khổ đau sanh tử chông chênh lên kiếp sống mong manh tạm bợ trần ai. Cũng vì lẽ đó, chư Phật, chư Bồ Tát, v.v... cho ra nhiều pháp được để trị liệu nhiều tâm bệnh của chúng sanh. Từ đó Kinh Phật được ra đời để cứu khổ quần sanh sớm thoát vòng tục lụy. Những ý nghĩa và công dụng của những Kinh Phật nói trên lần lượt được giải thích như sau:

1)- Kinh A Di Đà: là quyển kinh với mục đích diễn tả cảnh giới y báo trang nghiêm thanh tịnh có công đức

vô lượng vô biên của Phật A Di Đà, đồng thời khuyên chúng sanh niệm Phật để làm nhân vãng sanh Tịnh Độ và trì tụng Kinh A Di Đà để làm duyên giải thoát sanh tử. *Nhị Khoá Hiệp Giải* của Hoà Thượng Thích Khánh Anh dịch, trang 37 giải thích: "Kinh A Di Đà là để cho tó được cái cảnh màu nhiệm chánh báo là căn thân, y báo là quốc thổ của nước Cực lạc."

Theo Kinh Pháp Hoa, phần Nghi Thức Sám Hối, trang 13, cảnh giới Cực Lạc của Phật A Di Đà làm giáo chủ có bốn quốc độ: Thường Tịch Quang Tịnh Độ, Thật Bảo Trang Nghiêm Tịnh Độ, Phương Tiện Thánh Cư Độ và Phạm Thánh Đồng Cư Tịnh Độ.

Thường Tịch Quang Tịnh Độ là cảnh giới y báo của Pháp Thân Phật A Di Đà thường an trụ. Thật Bảo Trang Nghiêm Tịnh Độ là cảnh giới y báo của báo thân Phật A Di Đà thường an trụ để giáo hoá các hàng Bồ Tát từ Quyền Thừa đến Nhất Sanh Bồ Xứ để lên đường hoá độ chúng sanh trên phương diện giác tha. Phương Tiện Thánh Cư Độ là cảnh giới y báo của hoá thân Phật A Di Đà thường hoá độ các bậc A La Hán. Còn Phạm Thánh Đồng Cư Tịnh Độ là cảnh giới phương tiện ứng thân của Phật A Di Đà để hoá độ chúng sanh phàm nhân chưa sạch nghiệp trần gian và cảnh giới này là nơi để cho các chúng sanh phàm nhân mang nghiệp vãng sanh tiếp tục tu tập để được chứng quả trên phương diện tự giác. Chỉ cảnh giới Phạm Thánh Đồng Cư Tịnh Độ mới có chín bậc liên hoa, gọi là chín Phẩm Liên Hoa.

Bốn cảnh giới tịnh độ nói trên đều ở hướng tây tính theo quốc độ của chư Phật mà không phải tính theo cõi Ta Bà này và lại càng không phải tính theo quả địa cầu này. Hơn nữa Phạm Thánh Đồng Cư thuộc về tịnh độ ở cõi Tây Phương mà không phải Phạm Thánh Đồng Cư thuộc về uế độ ở cõi Ta Bà. Phạm Thánh Đồng Cư thuộc về Tịnh Độ, nghĩa là trong cảnh giới tịnh độ này chúng sanh đối nghiệp vãng sanh thuộc về người phàm và các vị Bồ Tát qua đó hướng dẫn những người đối nghiệp vãng sanh để được giải thoát sanh tử thuộc về bậc Thánh nên gọi là Phạm Thánh Đồng Cư Tịnh Độ. Còn Phạm Thánh Đồng Cư Uế Độ, nghĩa là cõi Ta Bà Uế Độ này là cõi ngũ trước ác thế ô nhiễm như bản của tất cả chúng sanh phàm phu đầy đầy nghiệp báo sanh sống thì thuộc về hạng phàm phu tục tử, nhưng trong đó có các bậc Bồ Tát ứng hoá thân xuất hiện để độ sanh như Phật Thích Ca, Bồ Tát Quán Thế Âm, Đức Phật Di Lặc hiện thân Bồ Đại Hoà Thượng, v.v... thì thuộc về bậc Thánh, nên gọi chung là Phạm Thánh Đồng Cư Uế Độ hay Phạm Thánh Đồng Cư Độ. Các hành giả đối nghiệp vãng sanh muốn về cảnh giới Phạm Thánh Đồng Cư Tịnh Độ nói trên thì phải hành trì Kinh A Di Đà thâm nhập vào tâm làm trợ duyên thuyên Bát Nhã để chuyên chờ mình đến bến bờ giải thoát sau khi quả cổ.

2)- Kinh Bát Nhã: tức là quyển kinh thường tụng trong các khoá lễ. Kinh này diễn tả cái tướng chân thật nơi thế giới chân như pháp tánh không sanh, không sanh, không diệt, không cấu, không tịnh, không tăng, không giảm, của chư Phật và cái tướng này không phải là tướng ngã, tướng pháp, tướng như, tướng chúng sanh và tướng thọ mạng của ngũ uẩn hợp thành. Các tướng của ngũ uẩn hợp thành đều là giả tướng, nguyên vì các tướng này có sanh có diệt có cấu có tịnh có tăng có giảm và các tướng này cũng là ngọn gốc sanh ra vô lượng nghiệp báo tội phước sanh tử khổ đau của chúng sanh. Theo như *Nhị Khoá Hiệp Giải* của Hoà Thượng Thích Khánh Anh dịch, mục Tổng Quát Ý Nghĩa Thời Kinh Chiếu, trang 38 giải thích Bát Nhã Tâm Kinh: "Tò được lẽ tội phước đều vô chủ, như pháp đều vô tướng, mới rõ thấu được cái tướng chân thật, vì thật tướng nó phi như tướng ngã, tướng như, tướng chúng sanh, tướng thọ mạng, bởi các tướng ấy đều có diệt, vì có sanh, còn 'tướng thật' thì không diệt, vì nó không sanh, vậy cái bất sanh bất diệt, mới là 'tướng chân thật'."

Kinh này quán chiếu khai triển thật tướng chân như pháp tánh qua con đường quy nạp (induction) khởi điểm từ sự hiển lý, từ tướng hiển tánh, từ vọng hiển chân và nhờ thần lực Yết Đế chuyển tất cả công đức của kẻ hành trì tu tập về nơi thế giới thật tướng chân như pháp tánh của chư Phật qua con đường quy nạp nói trên. Vì ý nghĩa và công dụng đó, quyển kinh Bát Nhã này được các thiền môn sử dụng vào pháp môn Hồi Hướng các công đức sau khi hành trì xong các Kinh Tạng, các Mật Chú trong các thời khoá tụng.

3)- Kinh Pháp Hoa: là quyển kinh nhằm diễn tả quốc độ thường trú, niết bàn tịch tĩnh bốn môn của Pháp Thân đức Phật Thích Ca Mâu Ni an trụ. Quốc độ này, theo *Yếu Chỉ Kinh Pháp Hoa*, của tác giả Thích Thắng Hoan, trang 59 gọi là "Thế Giới Ta Bà Thường Tịch Quang Tịnh Độ". Quyển Kinh này cũng thiết lập trên tiến trình quy nạp, khởi điểm từ sự hiển lý, từ tướng hiển tánh, từ vọng hiển chân nối liền Tích Môn với Bốn Môn. Theo Kinh này, hành giả muốn giác ngộ và chứng nhập được trí kiến của Phật phải trì tụng Kinh

Pháp Hoa cho được thâm nhập kinh tạng mới có thể phát huy được Vô Tác Diệu Lực của Linh Giác Diệu Tâm, nhờ Vô tác Diệu Lực này soi sáng linh quang, xóa tan vô minh nghiệp chướng, diệt tận phiền não nhiễm ô khiến cho sáu căn được thanh tịnh, xây dựng lộ trình Linh Giác Diệu Tâm nối liền giữa Bốn Môn và Tích Môn và nhờ đó trí kiến của hành giả mới có thể trực diện được thế giới Niết Bàn Thường Tịch Quang Tịnh Độ Bốn Môn của Pháp Thân Phật Thích Ca Mâu Ni. Ngoài ra hành giả cũng nhờ trì tụng thâm nhập Kinh Diệu Pháp Liên Hoa năng lực màu nhiệm Thần Chú Đà La Ni (Phẩm Đà La Ni) nương theo lộ trình Linh Giác Diệu tâm, chuyên chờ những tâm nguyện của hành giả trình lên Pháp Thân đức Phật Thích Ca Mâu Ni Bốn Môn chứng minh; hơn nữa hành giả đến khi cuối cuộc đời cũng nhờ thần lực Đà La Ni nói trên dẫn người đến trình diện trước Pháp Thân đức Phật Thích Ca Mâu Ni Bốn Môn thọ ký.

4)- Kinh Phổ Môn: Kinh Phổ Môn là quyển kinh được rút ra từ phẩm thứ 25 của bộ Kinh Pháp Hoa. Quyển kinh này nói về hạnh nguyện của đức Bồ Tát Quán Thế Âm. Theo Kinh Bi Hoa, đức Bồ Tát Quán Thế Âm khi còn là phàm phu tên là Thái Tử Bất Thuần, con vua Vô Tránh Niệm Chuyển Luân Thánh Vương sau ba tháng cúng dường đức Phật Bảo Tạng và trước đức Phật phát tâm Bồ Đề lập đại nguyện rằng: "Nếu có thế giới chúng sanh bị khổ não mà xưng niệm danh hiệu tôi và được thiên nhãn của tôi xem thấy và được thiên nhĩ của tôi nghe thấy, nếu kẻ ấy chẳng được cứu thoát tôi sẽ chẳng thành Phật". Ngay khi đó, đức Phật Bảo Tạng khen tặng và thọ ký với danh hiệu là Quán Thế Âm. Theo Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni, đức Bồ Tát Quán Thế Âm đã thành Phật từ lâu với danh hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai, nhưng vì Bồ Tát đối với cõi Ta Bà chúng ta cơ duyên đã thuận thực, cho nên thường hiện thân cứu khổ giải nạn cho chúng sanh, đồng thời hỗ trợ cho những chúng sanh nào muốn về cõi Cực Lạc phương tây của đức Phật A Di Đà. Theo Kinh Phổ Môn, đức Bồ Tát Quán Thế Âm thường hiện 32 Ứng Hoá Thân tùy duyên thuyết pháp độ



sanh, không cõi nào chẳng hiện thân không chỗ nào chẳng cứu vớt. Hành giả muốn giao cảm đến đức Quán Thế Âm thì phải hành trì Kinh Phổ Môn cho được thâm nhập vào tâm để tâm mình giao cảm đến tâm của Bồ Tát và năng lực của Kinh Phổ Môn chuyển lời nguyện của mình đến Bồ Tát nhờ Bồ Tát hiện thân cứu khổ.

Sau đây bài sám cầu an sau khi tụng Kinh Phổ Môn mà Thích Thắng Hoan biên soạn:

SÁM CẦU AN

*Chúng con dâng chút lòng thành,
Trước Đài Sen báu tụng kinh khẩn
nguyện,*

*Cầu cho tín chủ hiện tiền,
Thân bằng quyến thuộc vạn niên thọ
trường,*

*Phước như đông hải an khương,
Tông môn vĩnh thịnh muôn phương
sáng ngời.*

*Bên mình gia hộ suốt đời,
Quán Âm Bồ Tát chính người chờ che.
Lỡ chìm trong biển, sông mê,
Trầm luân khổ ải, lối về mờ xa,*

*Quán Âm Bồ Tát hiện ra
Từ Bi tế độ hàng sa kiếp người.
Công phu mỗi một chẳng rời
Phổ Môn kinh tụng cho đời sáng
thông.*

*Lời nguyện Bồ Tát Quán Âm
Xét xem dương thế nổi chìm tử sinh,
Thuyền từ cứu vớt quần sanh
Những ai thành kính xưng danh hiệu
Ngài.*

*Như người khi gặp hoả tai
Niệm danh Bồ Tát biển ngay lạc
thành.*

*Như người trôi giạt biển xanh
Niệm danh Bồ Tát đài minh chi
đường.*

*Như người tù tội đau thương
Niệm danh Bồ Tát tai ương thoát nạn.
Như người lạc bước rừng hoang
Niệm danh Bồ Tát bình an trở về.*

*Như người bệnh tật trầm nề,
Tâm thần suy nhược khó bề thoát
thân,*

*Thành tâm tưởng niệm Quán Âm
Thầy hay thuốc quý gặp nhằm cứu
nguy.*

*Trường đời lắm nẻo chông gai,
An vui thì ít, đắng cay thì nhiều,
Thịnh suy, vinh nhục đủ điều,
Cuộc đời may rủi, sớm chiều khó
phân,*

*Chỉ thành niệm đức Quán Âm,
Cam lồ tẩy trừc thoát vòng khổ đau.
Muốn cho lẽ sống đạt dào,
Con đường Chánh Đạo bước vào
thành thới.*

*Mười hai câu nguyện độ đời,
Hiệu danh Bồ Tát sáng ngời từ tâm.
Giờ đây trước án hương trầm,
Con nguyện Bồ Tát Quán Âm nhiệm
mầu.*

*Lắng nghe tiếng gọi thâm sâu
Quần sanh thống khổ vọng cầu kính
dâng,*

*Dĩi lòng tế độ, chứng chơn
Cứu đời thoát nạn, góp phần an vui.*

5)- Kinh Dược Sư: là quyển kinh nói về hạnh nguyện của đức Phật Dược Sư. Đức Phật Dược Sư là một vị lương y vô thượng (Dược Sư Quang Vương Như Lai) chuyên trị cả thân bệnh và tâm bệnh của chúng sanh. Ngài là Giáo Chủ của thế giới Tịnh Lưu Ly ở phương Đông.

Theo Tự Điển Phật Học Huệ Quang, thời quá khứ, Đức Phật này khi còn làm Bồ Tát đã phát 12 nguyện lớn: “Nguyện giải trừ các bệnh khổ cho chúng sanh, khiến cho họ đầy đủ các căn và dẫn dắt vào đường giải thoát.” Nhờ 12 nguyện này, Đức Phật Dược Sư được chứng quả Bồ Đề, hiện trụ ở thế giới Tịnh Lưu Ly phương Đông, cho nên thường gọi Đức Phật này là Đông Phương Giáo Chủ Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai, hoặc gọi là Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật.

Cũng theo Bộ Tự Điển này, Thế nguyện của Đức Phật này không thể nghĩ bàn, nếu có người nào bị bệnh nặng, hiện tướng suy vong, lúc lâm chung, quyến thuộc của họ đốt 49 ngọn đèn, làm 49 cái phan trời năm màu (ngũ sắc), ngày đêm hết lòng lễ bái cúng dường Đức Phật Dược Sư, đọc tụng Kinh Dược Sư Như Lai Bản Nguyên Công Đức 49 biến, người ấy sẽ được sống lại.

Ngoài ra, quyển thuộc của bệnh nhân, còn phải trì chú Dược Sư Quán Đảnh Chơn Ngôn 49 biến để nhờ oai lực của Thần Chú hỗ trợ lời khẩn bạch của gia chủ nguyện cầu.

Với ý nghĩa và công dụng nêu trên, hành giả nào trong người đang gặp phải tai ương bệnh hoạn nan y nếu như muốn sớm gặp thầy hay thuốc tốt để tật bệnh được tiêu trừ, mệnh căn được thuyên giảm thì hãy thành tâm trì tụng Kinh Dược Sư cho được thâm nhập vào tâm theo lời chỉ dẫn trong kinh.

6)- Hồng Danh Bửu Sám: là bài sám văn do các Thiền gia biên soạn, tập trung các vị Phật giáng trần kể từ đời quá khứ cho đến đời vị lai quan hệ rất gần với cõi Ta Bà này và chọn lấy đức Phật Thích Ca giáng trần ở Ấn Độ làm chuẩn thời gian, còn các đức Phật khác không quan hệ với cõi Ta Bà này thì không liệt vào đây. Chúng ta chọn 89 vị Phật trong Hồng Danh Bửu Sám để sám hối có nghĩa là khi các vị Phật đó ra đời, thí dụ như vị Phật Phổ Quang xuất hiện giáng trần chúng ta đã có mặt trong thời gian ngài hoá độ và đã gây tạo rất nhiều nghiệp chướng oan khiên mà chưa trả xong, ngày nay chúng ta sám hối trước vị Phật nói trên như Phật Phổ Quang, ngưỡng cầu vị Phật này chứng minh gia hộ hoá giải những nghiệp chướng oan khiên nói trên cho chúng ta sớm được tiêu trừ.

Ngoài ra hiện nay trong mỗi nửa tháng, chúng ta cũng gây tạo rất nhiều nghiệp chướng oan khiên được thâm nhập vào tâm thành chủng tử và những chủng tử đó mới nội kết (huân tập) thành hạt giống, nhưng những hạt giống đó còn non yếu chưa đủ chất lượng (chưa huân sanh) để sanh trưởng (để huân trưởng), trong thời gian nửa tháng đó chúng ta sám hối để nhờ Phật lực xoá tan những hạt giống non yếu này không còn dấu vết trong tâm thức chúng ta. Những hạt giống nói trên nếu để lâu ngày qua năm này tháng nọ trở thành chất lượng (huân sanh) thì khó bề tiêu diệt, lúc đó chỉ chờ sanh trưởng (huân trưởng) để trả quả báo mà thôi.

Vì những lý do trên các Thiền gia mới soạn *Nghi Thức Hồng Danh Bửu Sám* để cho các đệ tử Phật mỗi nửa tháng sám hối một lần trước khi tụng giới.

7)- Kinh Thủy Sám: gọi cho đủ là *Từ Bi Tam Muội Thủy Sám*, quyển kinh này là phương pháp sám hối bằng Tam Muội do Quốc Sư Ngô Đạt đời vua Ý Tôn nhà Đường biên soạn. Nội dung quyển Kinh này gồm có ba Phẩm: Phẩm Thượng (Quyển Thượng), Phẩm Trung (Quyển Trung) và Phẩm Hạ (Quyển Hạ).

Phẩm Thượng hay quyển Thượng dạy cách sám hối về Phiền Não Chướng của thời quá khứ. Phiền Não Chướng khiến cho tâm loạn động và do tâm loạn động sanh ra ác nghiệp gọi là Nghiệp Chướng, vì Nghiệp Chướng phải chịu quả báo gọi là Báo Chướng. Phiền Não Chướng là do Ý Nghiệp gây tạo, khi Ý Nghiệp phát khởi thì chỉ đạo cho Thân Nghiệp và Khẩu Nghiệp theo đó phát sanh.

Phẩm Trung hay quyển Trung dạy cách sám hối về Nghiệp Chướng đã được nội kết từ lâu trong tâm khảm là những nghiệp nhân sẽ kết thành những nghiệp quả thuộc báo chướng cho đời sau. Đây là những tội chướng do ba nghiệp sáu căn gây ra chẳng những của thời quá khứ mà cho đến cả thời hiện tại, tất cả đều phải sám hối cho thanh tịnh.

Phẩm Hạ hay quyển Hạ dạy cách sám hối về Báo Chướng. Trong Phẩm này có hai phần: Phần đầu vẫn tiếp tục dạy cách sám hối những nghiệp chướng đối với Tam Bảo và phần sau dạy cách sám hối những Báo Chướng.

Điều đặc biệt theo Kinh Thủy Sám, hành giả chỉ lạy mười vị Phật và sáu vị Bồ Tát quan hệ với đức Phật Thích Ca Mâu Ni là đủ giải quyết vô lượng Phiền Não Chướng, Nghiệp Chướng và Báo

Chướng của hành giả từ vô lượng kiếp về trước cho đến ngày nay mà không cần phải lạy nhiều vị Phật khác.

8)- Lương Hoàng Sám: là bộ kinh sám hối cũng giống như Kinh Thủy Sám, nhưng nội dung gồm có mười quyển, trong đó trình bày so với Thủy Sám có phần khác nhau, phân tích chi ly hơn, sắp xếp có thứ tự và khoa học hơn.

Theo Lương Hoàng Sám, người sám hối phải phát tâm Bồ Đề, hành Bồ Tát Hạnh để sám hối, nghĩa là hành giả chẳng những sám hối nghiệp chướng oan khiên cho mình mà còn phải đại diện sám hối thay thế cho tất cả chúng sanh trong sáu đường.

Mục đích bộ Lương Hoàng Sám trình bày chi ly tội nhân và khổ quả khiến người nghe phải khiếp sợ để phát tâm bỏ ác theo lành; ngoài ra nhờ công năng sám hối diệt trừ được tiền khiên, oan trái nhiều đời nhiều kiếp của chúng sanh; hơn nữa còn có ý nghĩa là trên đền trả bốn ơn, dưới cứu thoát ba cõi, sám hối thay thế cho chúng sanh trong lục đạo, cầu nguyện muôn loài trong ba cõi thoát khỏi trầm luân và cuối cùng vì tất cả chúng sanh thay thế phát nguyện và hồi hướng

(còn tiếp một kỳ)

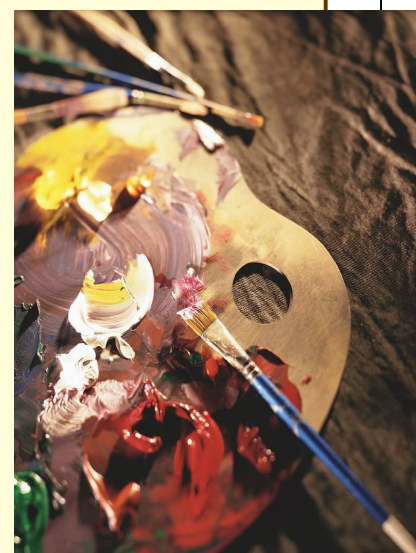
Nét cọ cuộc đời

*Ta lấy viết phết cuộc đời lên giấy
Nghe đất trời cuộn cuộn âm ba
Giữa thình không ẩn hiện bóng sơn hà
Nghiêng nét bút phóng ngang bờ ảo mộng.*

*Từ điểm khởi ta số dài kiếp sống
Như đường gươm vun vút lao nhanh
Rồi đứng yên ngó lại cuộc vi hành
Tâm ta đó, nét nhòe đậm nhạt.*

*Đã mang kiếp phong trần phiêu bạt
Thì sá chi cuộc thế eo xèo
Hơn thua nhau tảng đá nặng còn đeo?!
Chấm thêm mực ta thấy dài lần nữa.*

*Đi loanh quanh chuyện đời rồi cũng rứa!
Cũng đầu đuôi ngang dọc xéo xiên
Cũng lên lên xuống xuống ưu phiền
Thôi ta chấm để vo tròn nét mực.*



Hàn Long Ẩn

Con đường Mẹ chỉ con đi

Con đường Mẹ chỉ con đi
Không êm nhung lụa, không đầy cao sang
Tìm sao khó thấy bạc vàng
Chức danh quyền lực lại càng khó lường
Đời gian nan lắm ngã đường
Chân non tập tễnh giữa cuộn cuộn trôi
Ngoái sau: có Mẹ kia rồi
Giọng từ rót nhẹ bao lời khuyên lơn:
"Đường đời gai góc, trượt trơn
Giữ cho vững chãi tâm hồn thanh cao
Biết đủ để bớt khát khao
Ít đi ham muốn khác nào thừa dư,
Cộng nhân phải biết chia trừ
Ám no san sẻ cho người quanh ta
Thiện lương chặn mất đường tà
Chôn yên vui sống tuy xa lại gần..."

Từ khi khôn lớn trưởng thành
Đường xa Mẹ chỉ là hành trang đi
Trôi lặn tui nhục, vui vầy
Vọng danh vượt thoát, đắng cay mỉm cười
Đường còn xa quá Mẹ ơi
Nhưng từng bước một nhớ lời không quên
Con đường Mẹ chỉ thật quen
Nắng Vàng soi rọi bừng lên Tâm từ...

Hôn lên bàn chân Mẹ

Nâng bàn chân Mẹ hôn lên
Bàn chân nhỏ nhắn thuyền lênh đênh dòng
Hôn nhẩn theo gót từng hồng
Bao năm lặn lội đường trần nhiều khế
Bàn chân tất tả đi, về
Đường phù hoa phố, đường quê mùa làng
Bàn chân từng bước cao sang
Từng hành khất gạo mơ màng bữa cơm
Bàn chân bận bịu cho con
Bầy mười bốn đứa vẫn còn nhỏ nhoi
Tám mươi thêm tám tuổi đời
Bàn chân chưa muốn nghỉ ngơi thanh nhàn

Con hôn từng ngón trên bàn
Ngón gầy guộc chứa mệnh mang biển hồ
Làn da héo úa nhăn khô
Nắng mưa dâu bể bây giờ thấm xương
Bàn chân bước cõi vô thường
Thong dong dạo vị về đường lạc an
Hôn lên từng bước chân Vàng
Bóng chiều mình hạc nhẹ nhàng thăm con
Ngược rơi nước mắt vào lòng
Lẽ thường sinh diệt, còn không, khi nào?
Mẹ còn ngồi đó trên cao
Con hầu dưới thấp hôn vào chân Tiên...

TÂM KHÔNG VĨNH HỮU

SUY NGHĨ VỀ HƯỚNG GIÁO DỤC ĐẠO PHẬT CHO TUỔI TRẺ

Tuệ Sỹ

Phật giáo Việt nam đang chứng kiến những xáo trộn và khủng hoảng chưa từng có trong lịch sử. Các mô hình tổ chức, những lễ tiết sinh hoạt, từ ma chay, cưới hỏi các thứ, được cố gắng rập khuôn theo mô hình phương Tây một cách vội vã đã làm xói mòn phần nào truyền thống tâm linh của dân tộc. Thêm vào đó, dưới tác động của xã hội tiêu thụ, và sức ép của quyền lực chính trị làm nảy sinh những tâm trạng bệnh hoạn do bởi quan điểm thế quyền và giáo quyền thiếu nền tảng giáo lý. Tình trạng đó tất nhiên đã có những tác động tiêu cực lên đường hướng giáo dục thanh niên Phật tử Việt nam.

Ngày nay, nói đến tuổi trẻ Việt nam, có lẽ nên tượng hình như hai đường thẳng mà điểm hội tụ là một điểm trong xã hội tiêu thụ. Đó là hai bộ phận tuổi trẻ trong nước và ngoài nước. Tuy tất cả cùng được giáo dục theo mô hình giáo dục phương Tây, nhưng do khác biệt định chế xã hội dựa trên quyền lực chính trị chứ không phải do xu hướng phát triển tự nhiên. Đó là sự khác biệt giả tạo như vũng sinh, không biết đâu là chỗ chắc thật để bám vào mà thoát thân. Tuổi trẻ Việt nam đang bị bật rễ, do đó có nguy cơ mất hướng, hay thực sự đã mất hướng. Tuổi trẻ của đạo Phật Việt nam cũng không ngoại lệ, và không dễ dàng vượt qua tình trạng mất hướng này.

Ở đây tôi nói mất hướng là nhìn từ điểm đứng dân tộc. Tuổi trẻ ở nước ngoài chỉ cần quên, hay tạm thời quên, nguồn gốc Việt nam của mình, thì hướng đi cho nhân cách được xác định ngay từ khi vừa bước chân vào cổng Đại học. Nói cách khác, tuổi trẻ Việt nam hải ngoại không phải hoàn toàn bị bật rễ, nhưng ở trong tình trạng di thực. Quyết phương Nam đem trồng trên đất phương Bắc, có thể ngọt hơn, có thể chua hơn, và cũng có thể ẻo ọt vì không hợp phong thổ. Tuổi trẻ trong nước là thân cây còn dính chặt với gốc rễ trên bản địa. Nhưng để sinh tồn, và muốn phát triển nhanh chóng, bị sức hút của sự thăng tiến tác động từ bên ngoài, nên có nguy cơ bật rễ. Đại bộ phận tuổi trẻ Việt nam ngày nay biết rất ít về quá khứ ông cha mình, đã yêu nhau như thế nào, đã suy nghĩ như thế nào để bắt kịp những giá trị tâm linh phổ quát của nhân loại.

Tuổi trẻ của đạo Phật Việt nam tuy có thể được tin tưởng là còn cố bám chặt lấy gốc rễ truyền thống để vươn lên, nhưng do sự thiếu trách nhiệm hoặc thiếu nhận thức về hướng đi của thời đại của những người đang đứng trên cương vị giáo dục vô tình chẳng khác nào bác sĩ không còn biết

liều pháp nào hay hơn là cho uống thuốc ngủ để người bệnh quên đi những nhức nhối của thời đại mà tuổi trẻ cần phải biết để chọn hướng đi tương lai cho đời mình. Mặt khác, do sức ép chính trị mà tuổi trẻ cần phải được tập hợp thành lực lượng tiên phong và hậu bị để bảo vệ chế độ, do đó việc giảng dạy đạo Phật cho tuổi trẻ không được phép vượt qua các cổng chùa. Bên trong cổng chùa, tuổi trẻ chỉ được giảng dạy những ý nghĩa vô thường hay vô ngã không như là quy luật vận động để tồn tại, phát triển và huỷ diệt của thiên nhiên và xã hội, mà như là một bức tranh toàn xám của cuộc đời được tô trét bởi những người mà tuổi đời đã mệt mỏi với những thành công và thất bại đã làm thui chột ý chí.

Trong một xã hội hội mà các giá trị tâm linh truyền thống đang bị băng hoại, một số thanh niên tác quái tại các đô thị lớn dựa vào quyền lực chính trị của cha chú, hay tiền của bất chính của bố mẹ; một số khác miệt mài học chữ để làm thuê, làm những người nô lệ kiểu mới trung thành với những ông chủ giàu sụ. Một số khác, cam chịu thân phận nghèo đói, thất học, cam chịu tất cả nhục nhã của một dân tộc nghèo nàn lạc hậu. Trong tình trạng đó, sự hiện diện của các đoàn sinh GDPT, những đơn vị tập hợp các thanh niên biết tìm lẽ sống cho bản thân, thật sự là một thách thức xã hội, mà quyền lực chính trị cảm thấy như một đe dọa nếu không vận dụng được để phục vụ cho tham vọng đen tối, mà vì thâm vọng ấy có khi sẵn sàng mãi quốc cầu vinh. Như thế thì, tất nhiên là ảo tưởng khi nói rằng, chúng ta chỉ tập hợp tuổi trẻ để dạy đạo, không cần biết cái gì khác nữa. Nói thế chẳng khác nào lừa những nai con vào một chỗ để cho cọp dữ dễ dàng thao túng.

Tất nhiên, đất nước cần tuổi trẻ để xây dựng. Đạo pháp cũng cần tuổi trẻ để thể hiện bản hoài tiếp vật lợi sinh của mình. Theo bản hoài đó, giáo dục đạo Phật cho tuổi trẻ không chỉ có mục đích chiêu dụ họ vào trong bốn vách tường nhà chùa để cách ly những phòng trà, hộp đêm, những môi trường cám dỗ, sa đọa. Tuy nhiên, cơ bản giáo dục đạo Phật vẫn phải là rèn luyện đạo đức, phát triển trình độ nhận thức tâm linh.

Rèn Luyện Đạo Đức

Trước hết, hãy nói về rèn luyện đạo đức. Ở đây hoàn toàn không có vấn đề nhồi nhét những tín điều đức lý. Nghĩa là, không nói với tuổi trẻ không được làm điều này, không được làm điều kia. Tuổi trẻ có thể làm bất cứ điều gì mà họ tự thấy

thích ứng với thời đại. Nhưng phải làm sao không để cho tuổi trẻ bị lôi cuốn bởi những yếu tố độc hại của thời đại, không bị lệch hướng nhận thức bởi các phong trào thời thượng, do đó cần thiết lập một không gian an toàn, và di động. Không gian an toàn đó là bồ đề tâm. Tính di động, đó là vô trụ xứ của Bồ tát. Chúng ta cần nói thêm hai điểm này.

Lớn lên tại các đô thị phồn vinh, rồi bước vào xã hội với học vị cao, mức sống ổn định, một bộ phận tuổi trẻ ít khi trực tiếp sống với những đau khổ của các bạn trẻ khác ở những vùng đất tối tăm xa lạ. Thiếu đồng cảm về những khổ đau của đồng loại, do đó cũng thiếu luôn cả nhận thức về thực chất của sự sống, không thể hiểu hết tất cả ý nghĩa thiết cốt của khát vọng sinh tồn. Cho nên, đưa đạo Phật đến với tuổi trẻ, phải có nghĩa là đưa tuổi trẻ đến giáp mặt với thực tế của sinh tồn. Đó là làm phát khởi bồ đề tâm nơi tuổi trẻ: "Nơi nào hiểm nạn, tôi nguyện sẽ là cây cầu ở đó. Nơi nào tối tăm, tôi nguyện sẽ là ngọn đuốc sáng." Đây có thể là ước nguyện xa vời, thậm chí sáo rỗng đối với một số người. Nhưng đó chính là mặt đất kim cương để trên đó tuổi trẻ tự vạch hướng đi cho mình, tự quy định những giá trị sống thực cho chính đời mình.

Về tính di động, đó là tính mở rộng, không tự câu thúc vào trong một không gian xã hội chật hẹp, để có thể có tầm nhìn xa hơn, vượt ngoài thành kiến và truyền thống khép kín của xã hội mình đang sống. Nói cụ thể hơn, tuổi trẻ được giáo dục để luôn luôn ở trong tư thế sẵn sàng lên đường. Đến bất cứ nơi nào trên trái đất này, nơi mà đau khổ được sống thực hơn, hạnh phúc được trải nghiệm chân thực hơn. Trong một ý nghĩa khác, tính di động như vậy đồng nghĩa với tính phiêu lưu. Từ khi sống tại những đô thị được xem là ổn định, nhân loại đã dập tắt đi tính phiêu lưu nơi tuổi trẻ, nhưng khơi dạy tính du lịch nơi người lớn đi tìm lạc thú mới để thay đổi khẩu vị thường nhật.

Tinh thần vô trụ xứ tất nhiên có nhiều điểm khác biệt. Vô trụ xứ nói: "Không trụ sinh tử, không trụ Niết bàn". Đó là tinh thần khai phóng, không bị buộc chặt vào bất cứ giá trị truyền thống nào. Tuổi trẻ cần được học hỏi để sống với tinh thần khai phóng và bao dung, để tự mình định giá chuẩn xác giá trị các nền văn minh nhân loại, tự mình chọn hướng đi thích hợp trong dòng phát triển hài hoà của tất cả các nền văn minh nhân loại, tuy khác biệt tín ngưỡng, khác biệt tập quán tư duy, khác biệt cả phong thái sinh hoạt thường nhật.



Tinh thần vô trụ xứ tất nhiên có nhiều điểm khác biệt. Vô trụ xứ nói: "Không trụ sinh tử, không trụ Niết bàn". Đó là tinh thần khai phóng, không bị buộc chặt vào bất cứ giá trị truyền thống nào. Tuổi trẻ cần được học hỏi để sống với tinh thần khai phóng và bao dung, để tự mình định giá chuẩn xác giá trị các nền văn minh nhân loại, tự mình chọn hướng đi thích hợp trong dòng phát triển hài hoà của tất cả các nền văn minh nhân loại, tuy khác biệt tín ngưỡng, khác biệt tập quán tư duy, khác biệt cả phong thái sinh hoạt thường nhật.

Phát Triển Trình Độ Nhận Thức Tâm Linh

Về sự phát triển trình độ nhận thức tâm linh nơi tuổi trẻ, ở đây chúng ta nói đến sự học tập thông qua Kinh điển truyền thống. Tam tạng Thánh điển là kho tàng kiến thức bao la. Dựa trên những lời dạy căn bản của đức Phật về giá trị của sự sống, bản chất của đau khổ và hạnh phúc, trên đó nhiều quy luật về thiên nhiên, về xã hội, về tâm lý, ngôn ngữ, của con người lần lượt được phát hiện qua nhiều thời đại trong nhiều khu vực địa lý có truyền thống lịch sử khác nhau.

Tuy nhiên, chúng ta cũng biết rằng, trong toàn bộ lịch sử các nền văn minh nhân loại, đang tồn tại hay đã biến mất, không một học thuyết nào mà không từng bị nhận thức của người đời sau vượt qua. Có học thuyết bị vượt qua và bị đào thải luôn. Có học thuyết bị vượt qua, rồi được phục hoạt. Nhưng có rất ít học thuyết được phục hoạt mà bản chất không bị biến dạng. Biến dạng cho đến mức nếu so sánh với quá khứ, nó như là quái thai. Giáo lý của Phật khẳng định quy luật vô thường, nên vấn đề là khổ lý và khổ cơ, chứ không phải là vấn đề bị hay không bị vượt và đào thải.

Tuổi trẻ học Phật không có mục đích trở thành nhà nghiên cứu Phật học, mà học Phật là tự thực tập khả năng tư duy bén nhạy, linh hoạt, để có thể nhìn thẳng vào vào bản chất sự sống. Cho nên, sự học Phật pháp không hề cản trở sự học thế gian pháp; kiến thức Phật học không xung đột với kiến thức thế tục. Duy chỉ có điều khác biệt, là học Phật khởi đi từ thực trạng đau khổ của nhân sinh để nhận thức đầu là hạnh phúc chân thật. Bi và trí là đôi cánh chắc thật sẽ nâng đỡ tuổi trẻ bay lượn vào suốt không gian vô tận của đời sống.



CONCEPT AND DIRECTION IN BUDDHIST EDUCATION FOR THE YOUNG GENERATION

Author: **Thích Tuệ Sỹ**
Viên Minh translated into English

The Vietnamese Buddhism is witnessing a myriad of disturbing changes and unexpected altercations that have never been seen before in history. From organizational structure, to sangha's ritual activities, to death and wedding ceremonies, etc... the movement nowadays is to endeavor hastily western features and values, consequently surrendering beautiful traditions of old. Additionally, the influence of a social consumerism and the constraining political dominance give rise to numerous social ailments due to the lack of foundational morality among people of worldly supremacy and religious authority. This sickening condition in society no doubt affects the formal education of the young generation nationwide as well as in Buddhism, in a very negative way.

When we talk about today's youth of Vietnam, we invariably have to visualize two straight lines that coincide and meet at the specific point in the world of consumerism. Although these two groups of young Vietnamese people – one in Vietnam, the other abroad – are both subjected to a schooling model equivalently patterned after the western world, but because of their socio-economic difference based on political power preference instead of a naturally developed tendency, they are quite dissimilar. This distinction is so phony that it is like someone submerged in a muddy pond without knowing where to hang on for escape. The young generation of Vietnam seems to be uprooted, and has potential of losing its foundation and its direction if really deracinated. The young Vietnamese Buddhists are of no exception; they're faced with difficulty in overcoming this trend.

I want to stress one point – when I spoke of losing direction, I mainly concentrate on the national and ethnic standpoint. The young Vietnamese's who live abroad only need to momentarily forget their originality, or rather just set aside this distinction, can definitely find their personal direction the moment they set foot into higher education – at colleges and universities. In another word, the young generation of Vietnamese who live elsewhere outside of Vietnam is not quite uprooted, just acclimatized to it. For example if one to grow the tangerines that are native of the south, in the northern region - who knows what luck one gets; the fruits might be sweeter and edible, or more sour and sickly looking because they aren't in their natural habitat. The young people in Vietnam are like tangible trees that still attached firmly on their country roots. But they are eager to change, to move, to fly away because of external attraction and influence, so more than likely they are easily snapped and lost footing. The majority of the young's know very little about our history, about our ancestral founding fathers, how they love, what they think, what they do to assert valuable equality in spiritual essence with the world.

The young Buddhists on the other hand, still try hard – or so we think - to connect to their roots of traditions throughout their years of growing up, but because of the lack of responsibility and negligent leadership from their superiors, they are subjected to unintentional misdirection; just like a physician, for lack of knowledge to correct treatment, would prescribe sleeping pills to just temporarily pacify his patients... They – the superiors - incidentally cause the young individuals to set aside their provisional pain and bitterness which in fact should be guiding them in choosing their direction in life. Outside of this calamity, there is also the power of politics and the necessity required of the young's to serve their country in avant-garde collaboration for protection of the regime. Because of it, no formal religious instruction is possible and permitted for the young people anywhere outside of the temples' main gates. Meanwhile, even inside the temples, the learning process is also limited with the teaching of impermanence and non-self as not survival means, nor as natural and social development or destruction; but as a grayish panorama of life because their despondent and aging superiors, forlorn and tired from victories and defeats, have lost all sense of purpose in life.

In a society where most of the spiritual values are being squashed and destroyed, some of the young people find themselves opportune on the governmental powers or corruption moneys of their families to perversely behave and follow in the same footsteps of their elders in most large cities; others bury themselves in books to earn their rudimentary education so that they can be turned into loyal slaves to the already filthy rich bosses; the rest might just accept their fate, their poverty, their illiteracy and consent with resignation to the disgrace of the whole backward and poor country. In this situation, any organized groups of young people who thirst for a direction and ideals in life- such as the Young Buddhist Association – tend to



be flagged as social challenge, and considered as potential threat or menace to the regime. If such administrative regime cannot control these groups in favor of its own dark and sinuous ambition, it might as well be inclined to misuse them to benefit from "selling one's country for seeking one's honors." So could it be just a dreaming fantasy when we try to gather up our own young people for the purpose of teaching them the Dharma and nothing else? Because, what we have done, nonetheless, would be like rounding up the fawns into one place for ferocious tigers to easily manipulate their grips.

Of course in order to continuously develop, a nation needs its youth. Buddhism also needs the young people to carry on its accountability in helping all sentient beings. According to this task at hand, the Buddhist education geared toward the youth doesn't mean bringing them inside the temple walls in order to segregate them from bars and nightclubs, and all the rest of temptations and debauches. But the basic principle of a Buddhist education is to teach a way to morality and a method to enhance one's own spirituality.

Applied Morality

First of all we will discuss the need to train one's morality. There is no pushing and cramming in the moral codes, no prohibition or banning any actions such as 'you got to do this...', 'you can't do that', etc... The young people tend to do whatever the social trend and peer pressure of the moment suggests. The challenge here is to guide them and help them avoid the harmful elements of the era, and not mistaken on errand directions and wrong movements. Therefore, there is a need to establish a safe mobile environment for them to belong. What could be a safer and better environment than their established bodhi mind? And its mobility is the "non-attached, un-pillared" characteristic of a Bodhisattava. We will discuss more on these two issues shortly.

In this day and age, some individuals grow up in a peaceful nation, get acquainted with luxurious and prosperous life of large cities and metropolitans; they are free to acquire a good social education and eventually settle in stable lifestyle. The majority of them does not experience or never face indigence and disadvantage as those in

(xem tiếp trang 8)





Bên kia bờ

*bên ngoài hạn hẹp
điên ngọc nguy nga
hay vẫn đi dưới rừng mơ
nổi khoan hồng không thể giải
vượt ra ngoài hiểu biết
là xa mọi thi thố của trí năng
thân ôm chằm thắm chạp
gió ập như thác đổ
rung động hai bàn chân
đam mê không cúi lura
chỉ còn chút tự tại
làm hành trang mong manh
vọng đêm dấy núi gió
bắt tầm tiếng còi tàu thường lệ
từ đáy thăm sâu
nghe chuông xa lạ
tiếng cười diệt vọng
lời kinh thức giấc
gió ngừng đổ
tĩnh lự
cùng tiếp sức*

bên kia bờ

Lời huyền

*em lộng lẫy như loài chim xanh
bay suốt vào ký ức tôi kỳ bí
mạch sống ngan ngát nổi cô đơn
mùa giông trừ phú thêm viễn mộng
chẳng còn lời huyền nào thay thế
ngoài âm thanh mặt
độc đẳng thức giữa ngày trảng lệ
thời gian không thực có
khoảng cách mãi mãi là bây giờ
trí nhớ nguyên vẹn
chân tình vỡ vụn hư hao
mộng thực thách thức bên lề gánh xiếc
những bước thăm theo nỗi chết
chuyện đời là giòng sông
em dẫn sông về biển cả
hạnh phúc của kẻ ra khơi
lượn trên vùng đá ngầm
cánh buồm cuộc gió
mãi xa*

VŨ TIẾN LẬP

CONCEPT AND DIRECTION IN BUDDHIST EDUCATION FOR THE YOUNG GENERATION

Author: *Thích Tuệ Sỹ*

Viên Minh translated into English

(tiếp trang 7)

does not experience or never face indigence and disadvantage as those in their age groups in less developed areas. When they have no chance to cope with destitute or confront hardship, it would be hard for them to recognize the substance of life; they would not comprehend the true meaning of the ability and the need to survive. So bringing Buddhism to the young's also means introducing them to the reality of survival. And that is the true sense of Bodhi mind: "wherever there is danger, I vow to be there as a bridge; wherever there is darkness, I vow to come as a torch." It might be just a far-fetched promise, even rather impractical to some. But it sure is the diamond ground on which young people can settle their foundation and assert their direction as concrete values for their individual life.

As far as the mobility aspect of this, it got to be wide open and not bound and restricted inside narrow spatial societies, so that young people can expand their gaze far into the distant horizon, further out than their prejudice and traditional self-contained world they live in. They need to be taught to always stay prepared and ready to take off and move on. Turn up anywhere in this universe, maybe to the inner world of real sufferings, or to places where true happiness can be tested. Mobility also equates adventure. When modern societies construct so many large cities out of necessity, modern life might be more stable, but the adventurous attribute of all young people is also stamped out. When they are older, the need to venture out to seek new pleasure and replace their daily monotone is inevitable.

The so-called characteristic of 'non-pillared' or 'non-attached' of a bodhisattva has some difference. It is neither anchored down on birth and death cycle (*samsara*), nor affixed in nirvana. It is a feature of liberal-mind, and of not being tied down on any tradition or value. Young people truly need to have access to this liberal-mind and generosity. They should have the ability to evaluate the significance of world civilization, and choose for themselves the appropriate direction and path within the harmonious development of all the civilizations, despite their difference in religion, belief, tradition, perspective, opinion, and even in the manner in which they carry their daily lives.

Develop Spirituality Recogniion

Now we reach the second item of our discussion: how to develop and enhance the ability to recognize and maintain spirituality. Here we talk about the learning experience through traditional dharma teaching and research. The holy Three Baskets (*Tripitakas*) of Buddhist doctrine are an cosmically vast treasure of knowledge, based on the basic teachings of the Buddha about the value of life, the nature of suffering and happiness, upon which numerous laws and regulations were devised, mostly pertaining to nature and ecology, but also to social, psychological, mental, linguistic aspects, spanning through many epochs and geographical spaces with diverse historical and traditional backgrounds.

Of course we all know that throughout the entire history of all world civilizations, still presently existing or already eradicated, there is not a single original doctrine that was not somewhat over-turned or altered by later generations. Some doctrines were formed, then overcome, and extinct for good. Others were over-turned but survived the altercation and revived. But none can maintain their original aspects without modifications; some were severely changed to the point that if compared to their origins, they would look rather like monstrosity. Only the Buddha teachings, which based on the law of impermanence – everything changes – so the matter is now stands on the suitability to the truth and to the individual level of understanding, and not on the subject of overturn or extinction.

Young people, following in the Buddhist traditions and learning the Dharma, should not become just researchers and readers of the Buddha's teachings. They ought to practice and live these teachings themselves in order to be able to use their acute and skillful thinking process to evaluate and directly assess the nature of life. Dharma learning should not in anyway interfere with world studying, and Buddhist wisdom should never infringe and conflict with worldly knowledge. The only difference is learning the Dharma begins from the true nature of human sufferings from which genuine happiness can be derived. Compassion and wisdom are the two features – like a pair of wings – that are able to carry the young individuals through limitless spatial freedom of life.

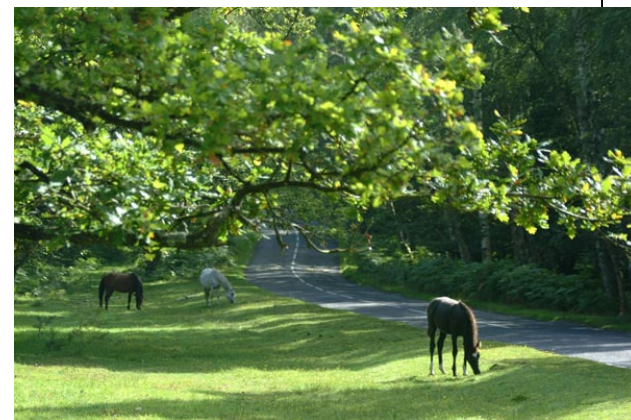
Viên Minh

(The Buddhist Translation Group)

Pc. 181

*Là bậc trọn vẹn
chuyên cần chí quán,
cho nên đức Phật
thích thú sống trong
trạng hưởng thanh bình
của sự Viên ly:
một bậc chánh giác
toàn hảo như vậy
chư thiên cũng phải
hết lòng ngưỡng mộ.*

(Pháp Cú Nam Tông, phẩm Đức Phật HT. Thích Trí Quang trích dịch)



LỜI KINH QUÁN NIỆM NGÂN VANG CHÁNH TÍN TAM BẢO THOÁT VÒNG TRẦM LUÂN

Tịnh Minh soạn dịch từ Pháp Thoại Pháp Cú

(trích *Từng Giọt Nắng Hồng*)

Thuở nọ, tại Xá-vệ có 500 Phật tử thuần thành, chánh trực. Mỗi vị có 500 thân hữu rất mực tin yêu và giúp đỡ nhau trong cuộc sống cũng như trên bước đường tu học. Vị Phật tử cao niên và uy tín nhất sanh được bảy người con trai và bảy người con gái. Họ rất hào tâm và giàu lòng bố thí. Gia đạo của họ mỗi ngày một thêm hưng thịnh, hạnh phúc. Họ làm ăn càng phát đạt bao nhiêu thì họ càng chánh tín Tam bảo bấy nhiêu, và họ coi việc bố thí người nghèo, giúp đỡ người khó, hộ trì Phật pháp là nghĩa vụ thiêng liêng đối với họ.

Một hôm, vị Phật tử cao niên và thâm tín chư Phật ngã bệnh. Thấy sức khỏe mỗi ngày một yếu, sinh lực mỗi ngày một khô và thọ mạng mỗi ngày một giảm, ông gọi lời đến Đức Thế Tôn, cung thỉnh mười sáu vị Sa-môn đến nhà ông tụng kinh, thuyết pháp cho ông nghe. Đức Phật chấp thuận, và mười sáu thầy tức khắc đến thăm hỏi và ngồi quanh giường bệnh chuẩn bị khai kinh, thuyết pháp. Ông nói:

- Kính bạch chư tôn đức, thật là vạn hạnh cho con được thân cận và gặp gỡ quý thầy. Con yếu lắm rồi! Cái chết đang cận kề bên con. Kính mong quý thầy từ bi tụng cho con nghe một thời kinh ngắn gọn.

- Đạo hữu muốn nghe thời kinh gì? một trưởng lão hỏi.

- Xin quý thầy cho con nghe thời kinh Quán niệm (Satipatīṭhana Sutta), thời kinh cúng dường chư Phật đó.

Các Sa-môn bắt đầu tụng những lời kinh quen thuộc: Chỉ có một con đường, này các thầy Tỳ-kheo, đây là con đường duy nhất đưa chúng sanh đến bến bờ giải thoát

Ngay lúc đó có sáu cỗ xe được trang hoàng lộng lẫy do một ngàn tuấn mã kéo, nối dài một trăm năm mươi dặm từ sáu thiên giới hiện đến. Trên mỗi cỗ xe đều có một thiên thần đứng uy nghiêm trong thế nghinh đón. Họ đều cất tiếng thỉnh nguyện:

- Xin cung nghinh ngài lên thế giới chư thiên, nơi thọ hưởng phước điền, an vui hạnh phúc của những chúng sanh đã bao đời vun trồng phước thiện.

Không muốn bị gián đoạn nghe Pháp, vị đạo hữu chánh tín Tam bảo kia đưa tay ra hiệu, nói:

- Khoan, khoan!

Tưởng là ông yêu cầu ngưng tụng kinh, các Sa-môn liền dừng lại. Thế là con trai con gái của ông òa lên khóc, than rằng:

- Trước đây cha chúng con chưa bao giờ được nghe Pháp trọn vẹn, nay được quý Trưởng lão cho văn Kinh thánh Pháp thì đột nhiên bảo dừng lại. Thật là thiếu duyên thiếu phước, tội nghiệp cho cha chúng con quá! Nhưng xét cho cùng,

không ai là người không sợ chết.

Các Sa-môn nhìn nhau, nói:

- Vậy là nhân duyên chưa hội ngộ; chúng ta đâu còn thì giờ và lý do ở lại đây.

Họ đứng lên, ngó lời cáo từ và ra về.

Sau một lúc, vị đạo hữu hồi tâm, hỏi các con:

- Vì sao các con khóc?

- Cha ơi, chúng tôi, cha thỉnh quý Trưởng lão đến tụng Kinh thuyết Pháp, rồi bỗng dưng cha bảo các ngài dừng lại. Chúng con khóc là vì rốt cuộc thì không ai là người không sợ chết.

- Thế các bậc tôn đức hiện giờ ở đâu?

- Các sư bảo rằng nhân duyên chưa tròn, không còn thời giờ và lý do lưu lại nên họ đã ra về hết rồi!

- Trời ơi! Cha đâu có nói gì với quý thầy.

- Vậy chứ cha nói chuyện với ai?

- Sáu vị thiên thần đứng trên sáu cỗ xe cực kỳ lộng lẫy từ sáu thiên giới đến trụ giữa hư không nói với cha rằng: Xin cung thỉnh ngài lên thiên giới, xin cung thỉnh ngài lên thiên giới. Cha nói chuyện với chư thiên đấy.

- Thế các cỗ xe đâu, thưa cha? Chúng con nào có thấy gì!

- Các con có thể cho cha một vòng hoa?

- Vâng, thưa cha!

- Các con biết cảnh giới nào an lạc nhất?

- Cảnh Cực lạc, tức cõi Tịnh độ (Tusita), thưa cha, nơi an trụ của hằng hà sa số phụ mẫu chư Phật trong quá khứ, hiện tại và vị lai.

- Thế thì hãy tung vòng hoa này lên, và xin nguyện vòng hoa gắn vào cỗ xe từ cảnh giới Cực lạc đến.

Các con làm theo lời cha, và vòng hoa kia gắn vào cỗ xe đang đưa giữa hư không. Mọi người đều thấy vòng hoa phát phờ theo gió nhưng không thấy cỗ xe. Vị đạo hữu nói:

- Các vị có thấy vòng hoa không?

- Vâng, chúng tôi có thấy.

- Vòng hoa đang gắn vào cỗ xe từ cảnh Cực lạc đến đó. Ta sắp về cõi Tịnh độ đây. Đừng bịn rịn đau buồn nhé! Nếu quý vị muốn sanh về thế giới Cực lạc với ta thì hãy tạo nhiều công đức phước thiện như ta vậy.

Nói xong, ông đưa tay ra hiệu cáo biệt mọi người và đôi mắt của ông từ từ khép lại. Ông đã để lại cho đời biết bao phước điền ân ích.

Khi các Sa-môn về tới tu viện, Đức Thế Tôn hỏi:

- Nay các thầy Tỳ-kheo, vị đạo hữu đó có chí tâm nghe các thầy tụng Kinh thuyết Pháp không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn. Nhưng đến giữa chừng ông ta bỗng dưng đưa tay bảo: khoan, khoan! nên chúng con dừng lại. Sau

đó đám con của ông khóc òa lên, và chúng con thấy phải cáo từ ra về là hợp lý.

- Nay các thầy Tỳ-kheo, ông ấy đâu có nói gì với các thầy. Sáu thiên thần đứng trên sáu cỗ xe lộng lẫy từ sáu cõi chư thiên đến rước ông ấy về thế giới Cực lạc, ông ấy không muốn thời Kinh bị gián đoạn nên yêu cầu chư thiên: khoan khoan!

- Đứng vậy sao, bạch Thế Tôn?

- Đứng vậy!

- Hiện giờ ông ấy được sanh về đâu, bạch Thế Tôn?

- Hẳn là về thế giới Cực lạc.

- Bạch Thế Tôn, trước đây ông

ấy sống an vui hạnh phúc giữa gia đình và bà con quyến thuộc, nay ông ấy lại được sanh về cõi Tịnh độ và tiếp tục vui hưởng thanh bình?

- Đúng như vậy, này các thầy Tỳ-kheo. Những ai tinh cần cần trọng, chánh hạnh đôn nghiêm; dù tu sĩ hay cư sĩ cũng được thái hòa an lạc ở hai nơi.

Ngài đọc kệ:

Nay vui, đời sau vui,

Làm phúc hai đời vui,

Hẳn an vui, hoan hỷ,

Thấy tịnh nghiệp mình nuôi.

(PC. 16)



NỤ CƯỜI CỦA CHA

Mã Nhược Mai

Khi về già, cha tôi thường đứng dựa bên khung cửa, tay cầm điều thuốc rê vắn to tướng, ngược đôi mắt hiền lành nhìn chăm chăm lên bầu trời xanh mây trắng, tay thỉnh thoảng lại đưa điều thuốc lên môi bập bập, khói thuốc khét lẹt, dùng đục, tóa bay chập chờn trước căn nhà nhỏ bé xập xệ nằm khuất phía sau những tòa nhà cao tầng. Cha thường nở nụ cười vu vơ, không với ai, không với điều gì, hay có thể với một kỉ niệm thân thương đắm thắm nào đó của dĩ vãng bảy mươi năm qua, hay có thể với một kỷ ức dịu dàng vui tươi nào đó với một người thân thuộc, một người bằng hữu trong biết bao nhiêu là thân và hữu của cha trên cả quãng đời dài dằng dặc, Hay có thể cha chỉ mỉm cười với một chuyện tếu nho nhỏ, vụn vặt nào đó vừa mới xảy ra hôm đó, hôm qua, hôm kia trong khung cảnh nghèo nàn chật chội của gia đình, giũa cha và mấy anh em tôi đang xúm xít đàm bạc bên nhau trong thời buổi củi châu gạo quế này mà lúc cơ khổ bần hàn vẫn thường xảy ra những chuyện dễ buồn cười.

Cha thường dậy sớm, lẳng đặng xuống bếp, lục lọi mớ củi tạp và giấy vụn để lui cui nhóm một bếp lửa nhỏ đủ để nấu nước pha trà, một thứ trà bột cám hạng ba chẳng ngon lành gì của thời ấy. Trong lúc đang bần bách, cha tôi không có việc gì làm, ngoại trừ hai giờ dạy kèm Pháp văn cho vài vị tu sĩ ở chùa Tịnh hội, thì thời gian rất rảnh rỗi trong căn nhà chẳng thể có tivi hay sách báo này, cha tôi làm người ngoại nổi trống trải cô tịch của ông bằng việc ngồi nấu nước mỗi sáng, mỗi trưa, mỗi chiều tối, (vì nhà không có bình thủy do thế càng là cái cơ cho cha được ngồi một mình dưới gian bếp nhỏ xíu để khóa lấp cơn trống vắng tịch liêu của ông, trong khi mấy anh em tôi ải cũng có việc làm loàng xoàng của mình đủ để không có thời gian ngồi với ông đôi chút.

Anh em tôi thỉnh thoảng cũng có đùa càu nhàu khi thấy cha nổi lửa cả ngày, nhưng cha chỉ mỉm cười không nói gì. Bọn tôi làm sao thấu hiểu được nỗi lòng của ông, một ông già cô đơn, hiền lành, ngoài những giờ đi dạy kèm thì không còn biết làm gì ngoài ngồi nấu nước để nhìn vào ánh lửa chập chờn trong gian bếp tối tăm kín đáo mà soi rọi vào hồi ức mịt mùng thăm thẳm kia để độc thoại và đàm thoại cùng cuộc đời và quá khứ. Cuộc đời và quá khứ của cha tôi với bao nhiêu là chìm và nổi, chói lọi và tối tăm đan kể...

Cha tôi mất vì xuất huyết não cũng trong khi ông đang ngồi lui cui nấu nước bằng những thanh gỗ tạp và giấy vụn kia. Nụ cười thanh thản vô tư của cha tôi còn phảng phất trên môi ông trong giây phút lâm chung. Nụ cười luôn mang dấu ấn trong tôi về người cha thân yêu và rất đối hiền từ, chân thật của mình, mà cả cuộc đời ông đã cho tôi trông thấy và chiêm nghiệm được thế nào là tấm lòng khiêm nhường.



MỘT CỖ TỊNH ĐỘ TRONG MỖI NGƯỜI CHÚNG TA

Đàm thoại với ngài **Dagpo Rimpoché**
(**Frédéric Lenoir** và **Jennifer Schwarz** ghi chép, **Hoang Phong** chuyển ngữ)

Dagpo Rimpoché là vị Lạt-ma đầu tiên đến Pháp và lưu ngụ từ năm 1960.

Hiện nay Ngài đang quản lý một trung tâm Phật giáo trong vùng Paris. Theo Ngài thì nếu muốn đến gần hơn với Niết bàn và xa lánh cõi Ta bà thì cần phải dựa vào sự tu tập thiền định lâu dài để vượt lên trên ảo giác của cái ngã.

Vài lời giới thiệu của người dịch:

Nguyệt san "**Le Monde des Religions**" chuyên đề về tôn giáo, thuộc một tổ hợp báo chí uy tín của nước Pháp, trong số 41 (tháng 5 và 6, 2010) đã mang chủ đề "**Hạnh Phúc thật sự**" ra bàn thảo. Những quan điểm về hạnh phúc của các vị sáng lập ra các tôn giáo lớn cũng như của các triết gia từ đông sang tây, từ nhiều ngàn năm trước cho đến gần đây hơn gồm có : Đức Phật, Lão tử, Socrate, Platon, Aristote, Epicure, Qohelet, Jésus, Epictète, Mohammed, Montaigne, Spinoza, Schopenhauer đều đã được nêu lên. Hình của Đức Phật được trình nơi trang bìa và theo thứ tự thì Đức Phật cũng được nêu lên trước các vị kia, nhưng bài báo phỏng vấn Ngài Dagpo Rimpoché về hạnh phúc theo quan điểm Phật giáo thì lại được xếp vào những trang cuối cùng. Tất cả những bài viết đều do các học giả lỗi lạc phụ trách. Càng đọc càng say mê trước trí thông minh đa dạng thức đầy bởi ít nhiều xung động trong lòng của từng vị. Các xung động ấy được hiển lộ qua những cách nhìn khác nhau, từ thực tế, khôn ngoan, khéo léo, sâu xa, lạc quan, yếm thế, hoặc mang ít nhiều mê tín hay đôi khi cũng phảng phất một chút từ tâm nào đó về nhân loại trong thế giới này. Tuy nhiên khi đọc đến những dòng đàm thoại với Ngài Dagpo Rimpoché thì dường như chúng ta đi lạc vào một thế giới khác của tôn giáo, của triết học và khoa học, người ta có cảm giác dường như các bài viết trình bày trong các trang trước là có dụng ý làm nổi bật hơn bài đàm thoại với Ngài Dagpo Rimpoché (?).

Khi bước vào thế kỷ XXI này, chúng ta đều phải công nhận là các hệ tư tưởng lớn, các chủ thuyết chính trị không tương, kể cả các hệ thống kinh tế toàn cầu đều sụp đổ. Tư bản chủ nghĩa cứng rắn cũng như Cộng sản chủ nghĩa dưới hình thức tập thể đều bị lỗi thời. Như vậy thì những gì sẽ còn lại cho chúng ta hôm nay ? Có phải chăng là một sự giải thoát cá nhân? Có phải là một thứ hạnh phúc mà chính chúng ta phải tự tạo lấy cho mình hay không?

Nếu đúng như thế thì mỗi người phải biết quan tâm đến cái Hạnh

phúc của chính mình. Có nhiều loại hạnh phúc: có những thứ hạnh phúc ở những nơi rất cao xa và còn phải chờ đợi, có những thứ hạnh phúc dựa vào sự khôn ngoan và khéo léo, và cũng có những thứ hạnh phúc phải bịt mắt lại mới thấy... Vậy thì cái Hạnh phúc nào sẽ được Ngài Dagpo Rimpoché trình bày qua bài chuyển ngữ dưới đây?



Bìa tạp chí "**Le Monde des Religions**" số tháng 5 và 6 năm 2010

Dagpo Rimpoché sinh vào tháng 2 năm 1932 tại tỉnh Kongpo thuộc vùng đông-nam Tây tạng. Khi Ngài chưa đầy một tuổi thì vị Đạt-lai Lạt-ma thứ XIII là Thoubten Gyatso (1875-1933) đã xác nhận Ngài là hóa thân của đại sư Bamtcheu Rimpoché sống vào hậu bán thế kỷ XIX. Khi được sáu tuổi thì Ngài xuất gia. Đến hai mươi bốn tuổi thì Ngài được đưa đi tu học tại một tu viện đại học rất lớn là Drépong thuộc miền trung Tây tạng. Tại đây Ngài đã được thụ giáo với nhiều vị thầy thuộc học phái Cách-lỗ (Guelougpa) và đã lưu lại nơi này cho đến ngày người dân Tây tạng nổi lên khởi nghĩa vào năm 1959. Sau tám năm sống dưới ách cai trị của Trung quốc, Ngài tìm cách vượt Hy-mã Lạp-sơn và đã may mắn đến được đất Ấn. Tại Ấn độ Ngài gặp được một số giáo sư đại học người Pháp đã sang đây và những vị này đã mời Ngài hợp tác trong các công cuộc nghiên cứu và dịch thuật mà họ đang thực hiện. Nhờ thế Ngài đã sang Pháp từ năm 1960 và là vị Lạt-ma Tây tạng đầu tiên lưu lại xứ sở này. Ngài dạy ngôn ngữ và văn minh Tây tạng tại Viện ngôn ngữ học và văn minh Đông phương tại Paris. Hiện nay thì Ngài quản lý viện Ganden Ling tại Veneux-les-Sablons thuộc vùng Paris một nơi gần với tỉnh Fontaine-bleau, và tại đây Ngài phụ trách nhiều

khóa giảng dạy về Phật giáo. Ngoài ra Ngài còn thiết lập được nhiều trung tâm Phật giáo khác tại Pháp, Hòa lan, và cả ở vùng Đông nam Á, nhất là tại Ấn độ, nơi mà Ngài thường xuyên quay về để giảng dạy tại tu viện do Ngài thành lập trước đây.

Hạnh phúc đối với Phật giáo là gì?

Trong tư tưởng Phật giáo thì màu sắc của hạnh phúc gồm nhiều sắc thái đậm nhạt khác nhau, từ những thể dạng tạm bợ cho đến tối hậu. Dầu sao đối với ý nghĩa trọn vẹn của nó thì hạnh phúc "đích thực" phải được hiểu như là một thứ hạnh phúc hiện hữu trong một tư thế thẳng băng và bền vững. Vì thế "hạnh phúc thực sự" rất khác biệt với các thứ "hạnh phúc thông thường" chỉ gồm có những cảm nhận mang tính cách thích thú hay hân hoan và đó chỉ là những gì thật biến động và phù du. Chu kỳ hiện hữu của chúng ta lệ thuộc vào vô số điều kiện và cái chu kỳ ấy cũng chính là thế giới Ta bà. Trong cái thế giới đó thì sự sinh và cái chết đều thoát ra ngoài tầm chủ động của chúng ta và do đó chúng ta không thể nào tìm ra được hạnh phúc tối thượng - tức là một thứ hạnh phúc vĩnh cửu.

Ý thức được điều đó sẽ khiến phát sinh trong chúng ta niềm ước vọng vượt thoát ra khỏi vòng ràng buộc của thế giới Ta bà. Đó là giải pháp hữu hiệu duy nhất vì hễ còn tiếp tục hiện hữu dựa vào một cơ sở do những thứ "cấu hợp bằng điều kiện mà có", tức là một thân xác và một tâm thức còn khiếm khuyết, thì bất cứ thứ hạnh phúc nào dù lớn lao cách mấy đi nữa thì đến một lúc nào đó cũng sẽ làm phát sinh ra khổ đau, tức là đưa đến mất mát và thất vọng.

Vậy những thăng trầm và biến động là gì?

Sống trong thế giới Ta bà có nghĩa là phải gánh chịu sự chi phối của các thứ nghiệp ô nhiễm và cả những xúc cảm bồn loạn (*klesha*): tức là những yếu tố gây ra rối loạn tâm thần, chẳng hạn như thù ghét hoặc bám víu, là những thứ luôn tìm cách để hành hạ ta. Hãy nhìn thẳng vào thực tế: có phải vì chúng ta đã bị lệ thuộc và mất hết tự do hay không? Hãy lấy một thí dụ, có phải lúc nào ta cũng muốn tạo ra một ấn tượng tốt đẹp với kẻ khác hay không. Và cũng chính vì thế mà chỉ cần một chút gì đó thật nhỏ nhoi : một ánh mắt, một lời nói là cũng đủ làm cho ta nổi giận. Một con người vừa mới đây thật khả ái bỗng vụt mất hết tự chủ và trở nên hung bạo, có thể nói là đáng kinh sợ nữa. Con người ấy có thể không kim hãm được những lời phát ngôn mà chính họ cũng phải hiểu là không nên thốt ra.

Trên thực tế, khi nào ta vẫn còn bị

chi phối bởi những yếu tố bồn loạn thì khi đó ta vẫn chưa có thể nào tạo ra được cho mình một thể dạng hạnh phúc. Các yếu tố bồn loạn sẽ xô đẩy ta vào những hành động mà đáng lý ra ta không nên làm, kể cả trên phương diện thể xác, ngôn từ và tâm thức. Những hành động đó sẽ mang lại cho ta những nghiệp "ô nhiễm" tức là những nghiệp sẽ đưa tới sự tái sinh trong thế giới Ta bà, rơi vào những thể dạng bất hạnh mà ta khó tránh khỏi. Sự xô đẩy ấy hết sức là nghiệt ngã. Phật giáo xác định một cách rõ rệt là ngoài những đau đớn đơn thuần còn có hai thứ khổ đau khác nữa rất tinh tế. Trước hết là sự kiện phải "khổ đau vì sự đổi thay", nó ẩn nấp phía sau những cảm giác thật thích thú để sau đó đưa ta vào những khổ đau phát sinh từ sự bất toại nguyện và mọi sự mất mát. Kế tiếp là sự "khổ đau tự tại nơi sự hiện hữu trói buộc" của chính mình, nó phát sinh từ những cảm giác trung hòa. Vì loại khổ đau này vượt ra khỏi ý nghĩa thông thường cho nên khó để gọi nó là một thứ khổ đau. Lý do vì chúng là những thể dạng tâm thần thấm đượm những nghiệp thích hợp để làm phát sinh ra những cảm giác thú vị hay khó chịu. Chính vì thế mà các giác cảm trung hòa hiện ra như một cơ sở tiếp nhận hai thứ khổ đau tinh tế trên đây phải được xem đúng thực là một thứ "khổ đau".

Dầu sao thì cũng phải công nhận một cách minh bạch rằng Phật giáo không phủ nhận cũng không hề gạt bỏ những thứ hạnh phúc thuộc vào thế giới Ta bà. Hơn thế nữa Phật giáo còn chỉ dạy phải làm thế nào để có thể tạo ra những thứ hạnh phúc đó. Phật giáo cho rằng những thứ hạnh phúc này vẫn còn tốt hơn là phải chọn những thứ khổ đau thô thiển, tuy nhiên Phật giáo cũng nhận thấy rằng những thứ hạnh phúc đó còn thiếu sót, không phải là những thứ hạnh phúc trọn vẹn. Một cách vắn tắt, không phải vì chúng là những thứ hạnh phúc thiếu sót mà ta phải chối bỏ chúng. Đó chỉ là cách để nhắc nhở chúng ta không nên đòi hỏi quá đáng những gì mà chúng không thể nào mang lại cho ta được. Sự nhắc nhở đó kêu gọi chúng ta nên thực tế, khách quan : những thứ hạnh phúc thông thường có những mục tiêu hạn hẹp và phù du.

Vậy phải sử dụng phương tiện nào đây để thoát ra khỏi thế giới Ta bà, để tìm thấy hạnh phúc của sự giải thoát nơi cõi Niết bàn?

Phải quay ngược về những nguyên nhân đã tác tạo ra thế giới Ta bà và tất cả những gì bất lợi do nó sinh ra : đó là những yếu tố bồn loạn trong tâm thức của mình. Bồn loạn này làm phát sinh ra bồn loạn kia : đây chính là vô minh làm cho ta không hiểu được chính mình là gì. Đó là sự cảm nhận tuy rất tự nhiên nhưng lại rất sai lầm của chính mình : "nắm bắt lấy cái ngã" và nhận thức một cách sai lầm để xem đây chính là "ta", chính là "cái tôi". Cách nắm bắt một cá thể như thế là một khả năng đặc thù của vô minh, ta phải hủy diệt sự nắm bắt đó để tự giải thoát mình ra khỏi thế giới Ta bà. Bởi vì chính từ sự nắm bắt đó đã làm phát sinh ra tất cả mọi thứ khác.

Muốn thực hiện được điều đó không phải chỉ cần lập đi lập lại như một con



kết rằng "cái tôi không hề hiện hữu, cái tôi không hề hiện hữu,...". Phương tiện duy nhất theo chúng tôi là phải đẩy sự suy luận ngày càng sâu sắc hơn để tìm hiểu cái ta, cái tôi được cấu tạo như thế nào, để dần dần nhận thức được phương cách hiển hiện của một cá thể. Tất nhiên là một cá thể hiện hữu nhưng mà nó lệ thuộc một cách tương đối, lệ thuộc vào đủ mọi hiện tượng khác.

Khi sự nhận thức về hiện tượng tương liên ngày càng minh bạch hơn thì đồng thời nó cũng sẽ làm yếu dần đi sự nắm bắt sai lầm về một cái ngã, và từ đó sự cả tin vào một cái ngã cũng sẽ giảm đi. Rồi đến một lúc nào đó, mọi sự sẽ trở nên thật hiển nhiên, vâng quả đúng như thế, một cá thể hiện hữu nhưng mà nó lệ thuộc. Đến khi đó, vô minh tức là sự nắm bắt sai lầm về một cái ngã sẽ không còn tác hại được nữa. Nó sẽ bị sự hiểu biết về cái mà người ta gọi là tánh không hủy diệt nó - nên hiểu "tánh không" không phải là hư vô, mà chỉ có nghĩa là không có một thực thể tuyệt đối.

Sự hiểu biết đó có cần nhờ vào sự tu tập thiền định hay không?

Vô minh làm cho ta tin rằng cá thể đang tạo ra ta hàm chứa những đặc tính riêng biệt, tự nó tác tạo ra cho nó một cách tự tại. Tuy nhiên, điều này hoàn toàn không đúng. Thật rõ ràng không thể nào thay đổi từ căn nguyên phương cách suy nghĩ của ta một cách đột ngột được. Không phải chỉ cần đạt được một sự hiểu biết duy lý mang tính cách trí thức về tánh không là đủ để quét sạch sự nắm bắt của cái tôi. Chuyện đó phải thực hiện tuần tự từng bước một.

Trong giai đoạn đầu, sự hiểu biết

duy lý sẽ làm suy yếu đi sự nắm bắt cái ngã ; nói một cách khác là làm cho cái ngã bị ốm đau. Vô minh khi đã yếu đuối sẽ mất đi khả năng thúc đẩy ta tích lũy những nghiệp hướng ta vào thế giới Ta bà, tuy nhiên không phải làm được như thế là đã thắng cuộc. Chính vì vậy mà phải cần đến thiền định. Tóm lại thiền định là tập cho tâm thức cảm nhận mọi sự dưới một góc cạnh mới ; trong trường hợp trên đây là sự vắng mặt của một thực thể cá biệt. Điều đó sẽ phá bỏ thói quen của ta về sự quán thấy sai lầm một cái tôi mang tính cách thực thể.

Vậy thì từ khởi điểm, sự hiểu biết nhất định còn mang tính cách duy lý, nhưng đến một lúc nào đó nó sẽ trở nên thật hiển nhiên. Và tình trạng ấy có nghĩa là đạt được vô ngã một cách trực tiếp. Cái trí tuệ đó là một công cụ vô cùng quý giá, một phương tiện duy nhất đủ khả năng làm bật gốc và hủy diệt sự nắm bắt cái tôi, sự nắm bắt đó mặc dù là một cảm nhận sai lầm nhưng trên thực tế nó bám rất chặt vào ta. Tuy nhiên, nếu muốn cho sự hiểu biết về tánh không có đủ sức mạnh cần thiết thì nó phải được phát sinh từ một tâm thức thật thẳng băng. Do đó cần phải tập luyện về sự chú tâm để đạt được sự "tĩnh lặng tâm thần" (*shamatha*) : tức là một mức độ chú tâm giúp vượt lên trên và hóa giải mọi sự xao lãng tinh tế nhất.

Nếu muốn đạt đến cấp bậc tĩnh lặng tâm thần, thì trước đó ít nhất phải khắc phục được sự xao lãng dưới mọi hình thức thô thiển nhất, nếu chưa thực hiện được việc đó thì đừng mong gì có thể bước vào giai đoạn chú tâm. Vì thế nhu cầu cấp bách và tiên khởi nhất là phải tuân

thủ một mức độ tối thiểu về đạo đức : khi nào tâm thức còn "xao lãng" có nghĩa là dao động, gây ra bởi sự ham muốn sát sinh, cướp của, nói dối,... hoặc còn thích ba hoa, thì khi đó ta vẫn chưa hội đủ khả năng để chú tâm.

Tóm lại, đạo đức trước hết là giúp ta giữ kỷ cương để tránh không hành động sai lầm và sau đó là để tạo ra một nền móng không thể thiếu sót giúp cho sự chú tâm vượt lên trên mọi hình thức tinh tế nhất của sự xao lãng. Sự thẳng băng phát sinh từ sự chú tâm sẽ làm gia tăng thêm sức mạnh cho trí tuệ để có thể thực hiện mọi sự suy luận. Từ đó sẽ phát sinh sự hiểu biết trực tiếp về tánh không và sự hiểu biết ấy sẽ xóa bỏ vô minh liên quan đến sự nắm bắt một cái tôi.

Đức Phật dạy rằng nếu muốn tự giải thoát ra khỏi thế giới Ta bà thì phải tuân theo ba lời giáo huấn tối thượng như sau : đạo đức, chú tâm và trí tuệ. Khi nào biết noi theo ba lời giáo huấn ấy thì ta sẽ đạt được sự giải thoát cá nhân mà ta hằng mong đợi, có nghĩa là trở thành một vị *a-la-hán* (*arhat*) - tức là một chúng sinh tự do không còn bị trói buộc. Trong trường hợp khác nếu ta áp dụng phương pháp ba lời giáo huấn ấy trong mục đích giúp cho tất cả chúng sinh đạt được giải thoát, thì kết quả đạt được sẽ là thể dạng của một vị Phật.

Khi đã đạt được thể dạng giải thoát thì sẽ không còn tái sinh nữa. Nhưng mà nếu không quay lại Địa cầu này nữa và không còn sự nhận biết một cái ngã nữa, thì "ai" sẽ hạnh phúc và ở nơi nào?

Trong cả hai trường hợp giải thoát, dù là sự giải thoát cá nhân hay là bằng thể dạng Giác ngộ tối thượng của một vị Phật, thì trong cả hai trường hợp, nhận thức cho rằng ta bị hủy diệt là hoàn toàn sai lầm. Không phải một cá thể bị hủy diệt mà là cách nhìn sai lầm về một cá thể bị hủy diệt. Một cá thể thì vẫn hiện hữu sờ sờ ra đó đây chứ. Chỉ có một sự khác biệt duy nhất là hần đã lột bỏ được cái vô minh của hần và những hậu quả liên hệ của nó mà thôi. Hần sẽ không còn phải gánh chịu khổ đau nữa dù là dưới bất cứ hình thức nào. Hần được giải thoát có nghĩa là hần không còn bị bắt buộc phải tái sinh vào cái thế giới thấp này nữa tức là cái thế giới Ta bà này để phải chịu đựng mọi thứ nghiệp và những xúc cảm bồn loạn.

Tuy nhiên còn tùy vào hần, nếu hần mong muốn và nếu hần nhận thấy đây sẽ là một điều hữu ích, thì hần cứ tái sinh trở lại với những con người chưa được giải thoát, nhưng riêng phần hần thì hần vẫn cứ tiếp tục hưởng thụ cái hạnh phúc lâu dài phát sinh từ sự giải thoát của hần. Tuy là nói như thế, nhưng khi Đức Phật thuyết giảng thì Ngài luôn luôn chọn lựa những lời giảng huấn thích nghi với người nghe. Do đó mà sinh ra đến bốn hệ thống triết học Phật giáo khác nhau. Theo hệ thống Tỷ bà sa luận (*Vaibhashika*) thì Niết bàn đơn thuần và giản dị chỉ là một sự tắt nghỉ, tuy nhiên các hệ thống khác không hoàn toàn đồng ý với cách giải thích như thế. Vậy thì trong các trường hợp đó Niết bàn ở đâu ?

Chẳng có ở đâu cả bên ngoài một cá thể. Niết bàn chỉ là một thể dạng cảm nhận của tâm thức mà thôi. Bên ngoài thì chuyện đó [Niết bàn] nhất định là không có. Niết bàn không phải là một thế giới thật xa, hay là một thế giới siêu nhiên, nơi đó có các vị siêu phàm đã được giải thoát sống quay quần với nhau và hoàn toàn

toàn cách biệt với con người thường tình. Thật ra khi một người đã đạt được Giác ngộ thì sẽ tự tạo ra cho mình và trong lòng mình một mảnh đất tinh khiết [Tĩnh độ], cũng có thể gọi đây là một "thiên đường" của riêng mình và chính mình đang an trú trong đó. Tuy nhiên hần [người đó] vẫn tiếp tục giữ một đặc tính cá thể nào đó. Sự "hòa nhập" ấy [tức là giữa cá thể và cõi Tĩnh độ] mang ý nghĩa bình đẳng - trên phương diện phẩm tính, sự hiểu biết, v.v... - nhưng không phải là một sự "thẩm thấu" [tức là không phải "nhập" vào cõi Tĩnh độ mà chính mình là cõi Tĩnh độ].

Vậy thì chính Ngài, Ngài đã từng tập luyện tâm thức thì Ngài đã tìm thấy một thứ hạnh phúc bền vững hay chưa?

Trong kiếp sống này, tôi may mắn gặp nhiều cơ hội thuận lợi để học hỏi về Phật giáo và tôi cũng có một cái may mắn thật đặc biệt là được hội ngộ với nhiều vị thầy thật vĩ đại đã ban cho tôi những lời giảng dạy quý giá. Cũng như tất cả những người trong chúng ta đây, tôi cũng phải gặp nhiều khó khăn. Còn lâu thì tôi mới đạt được cái hạnh phúc vững bền, tuy nhiên cho đến nay tôi chưa bao giờ bị khổ đau nghiền nát tôi cả. Có thể biết đâu cũng là vì tôi chưa bao giờ gặp hoàn cảnh phải gánh chịu những khổ đau thật sự ? Tuy nhiên cũng có thể đây chính là kết quả của một sự hình thành nào đó mà tôi được thụ hưởng.

Trên phương diện thể xác, khi một sự đau đớn phát sinh, tôi vẫn nhận thấy sự đau đớn đó, tuy nhiên tôi vẫn ý thức được rằng đây là hậu quả của những nghiệp xấu của chính tôi và tôi không để cho nó nghiền nát tôi. Tôi vẫn giữ được trầm tĩnh để suy nghĩ. Trên phương diện tinh thần, đôi khi tôi vẫn có những mối lo lắng, chẳng hạn như có những sự việc không xảy ra như ý tôi muốn, tuy nhiên và đồng thời tôi lại nghĩ rằng đây chẳng qua là hậu quả của những nghiệp không tốt. Tôi không nghĩ rằng đây là một sự dửng dưng vô tình, mà đúng hơn là một thái độ sáng suốt trước những gì đang xảy ra. Vì thế tại sao phải bất mãn ? Những gì đang xảy ra đâu phải là một sự "bất công", đây chỉ là một thứ gì thật bình thường : khi mọi nguyên nhân hội đủ, hậu quả sẽ phát sinh. Ít ra thì tôi cũng không phải là một kẻ ích kỷ từ bỏ chất để không cảm thấy liên hệ đến những biến cố đang xảy ra ?...

Để kết luận, thiết nghĩ cũng nên nhấn mạnh đến một điều là tất cả mọi người không phải ai cũng sẵn sàng hướng về những thứ hạnh phúc tối thượng của sự giải thoát. Những phương pháp giúp đạt được các thứ hạnh phúc trong cõi Ta bà cũng có nêu lên trong Phật giáo. Tốt hơn là số đông mọi người nên khởi sự bằng những thứ hạnh phúc này. Những thứ hạnh phúc đó sẽ giúp cho họ thăng tiến dần dần, theo nhịp độ thích nghi của từng người, rồi đến một ngày nào đó ai mà biết được thì người ấy sẽ trở nên tinh tấn hơn để đạt đến mức độ mà họ biết thích nghe đàm luận về sự giác ngộ.

Hoang Phong chuyển ngữ
(Bures-Suy-Yvette, 10.07.10)



Lễ Vu Lan

*Bông hồng cài áo nhớ Vu Lan,
Con Phật muôn nơi có lập đàn,
Hiếu đạo báo đền ơn cha mẹ,
Thâm ân gìn giữ cố kiên gan.*

*Bảo đài quy hướng, buông tà niệm,
Địa ngục xa rời, luyện thiện căn.
Thiện ác do ta tạo tất cả,
Tu đúng, tâm ta mới an nhàn.*

Aug. 24, 2010

**Điều ngự Tử
TÍN NGHĨA**



MỘT CON ĐƯỜNG

Trầm Lãng

Một bài thơ mở đầu cho kỷ niệm này. Một kỷ niệm cho những tháng ngày rong ruổi giữa cuộc đời đầy nước mắt lẫn nụ cười. Kỷ niệm một chuyện đời, để tựa bài thơ được tặng cho một người bạn cũng như những người bạn cô độc khác. Và cũng là cảm hứng khơi nguồn cho dòng tản mạn này.

Kỷ niệm một chuyện đời (Thân tặng TQ)

Ta đã ém hồn thơ trong hốc nhỏ
Con nước vô tình dẫu ngại khoảnh
khắc trôi

Còn mô nữa mà tặng em chiều ấy
Lãng đãng mây trời, mảnh trắng
động chơi vơi

Em hỏi tôi bài thơ tình chấp nối
Chuyến tàu hoàng hôn em đề tựa
trên môi

Đôi bóng đêm heo hắt tình mòn
mỏi

Gửi về em kỷ niệm một chuyện đời.
(Ga Đông Hà, Hoàng hôn 22.8.05)

Chiều hôm đó, cũng như những chuyến tàu hoàng hôn khác, chúng tôi đang đợi để đón tàu ra Vinh. Những chuyến tàu thay nhau đổi sân ga. Bến đợi. Bến đi. Ai còn một chút luyến tiếc. Bao nhiêu chuyến tàu đến - đi rồi nhỉ? Sân ga có bao giờ chợt nhớ, chợt ghi nhận để làm kỷ niệm và ai đó chợt bắt gặp để níu lại khoảnh khắc mơ hồ ấy như là hình bóng của riêng mình hay hình như cũng chẳng của riêng ai. Cây ngô đồng thưa lá, bóng đổ dài giữa chiều thu man mác, đang đợi chờ màn đêm huyền hoặc trở về ấp ủ để rồi thất vọng khiến trở vờ vai chiếc lá cuối thu, có khi nào gìn giữ hình bóng những chuyến tàu ấy không mà những phiến lá lại trở trọi những đường gân khô đét mỏng manh như thế.

Nhiều lúc chúng ta mộng lung, ngái ngủ khi chợt nhận chân cuộc đời. Sự phù phiếm tựa như hoa đốm giữa hư không về một sinh mệnh. Một dấu chấm hỏi về cuộc tồn sinh đang là nấc thang đề nặng trên đôi vai gầy của những ai có chút nhận thức về một lối sống, về một kiếp người mộng ảo tựa như một hạt sương trong có đó rồi chợt biến đi. "Cái chấp chờn của một thân thể phiền não không biết mai này một nọ ra sao, cứ thắc thòm muốn gửi gắm vào cuộc đời một linh hồn phiêu lạc. Tôi phiêu lạc bao nhiêu năm rồi trên một dòng đời không bờ bến. Có khi tưởng bờ là bến. Có khi tưởng bến là bờ. Cái tạm và cái thường hằng lẫn khi là một. Thế mà cứ lại là khác nhau. Cái bờ mỏng mảnh khoảnh khắc ra đi. Cái bến nhiều khi bèn bèn ở lại. Bờ mở ra những bến. Có đầu bến cho bờ. Nên định mệnh bờ thường trôi buộc thân phận bến. Tôi là bờ em ra đi. Em là bến tôi ghé lại. Con đò ghé qua bờ này bờ nọ nhưng sẽ đậu lại ở một bến kia."(1)

Thời gian trôi nhanh khi chúng tôi như những con vượn chuyền mình giữa sân ga. Lật lật như vừa đánh mất một thứ gì và đan tâm tìm kiếm khi có sự hồi thức trong lòng. Một mảnh trắng non; con trắng sơ huyền ấy nằm chơi vơi như thách đố cùng hiện thực, như trêu cợt kiếp nhân sinh giữa cõi phù mộng này; để rồi cơn gió nhẹ thoảng qua và rừng mình, nó nép vào phiến lá. Một vài ba tiếng cười cợt của lũ trẻ; tiếng hàng rong mời mọc của vài chị vai mang tay quày; chiếc lưng cong vòng như chiếc đòn gánh của một bà mẹ với đôi quang thúng đựng vài ba thỏi bánh, một ít nước đường; những giọt nước mắt rơi nhẹ và thắm kín - không biết tủi thân hay thương bạn - nhẹ nhàng vén áo lau nhanh khi người ta tiễn bạn ra đi theo tiếng gọi tri thức. Mùa thi. Mùa đậu Đại học. Học để quên quê hương còn nghèo đói. Nhiều khi có người học chỉ để quên mình như ngày xưa có người chợt nói: "Ngày mai đi nhận xác chồng. Say đi để thấy mình không là mình".

Cách đây không lâu, khi lang thang trên Internet, tôi bắt gặp bài viết: "**Thuyền ngược bên không**" của Thầy Tuệ Sỹ; người xưa cũng ra đi, ra đi cũng từ những sân ga nhưng không giới hạn ở những ga tàu mà xuất phát từ mọi bến bờ. Không lệ thuộc xuất phát từ đâu, song đều chung nỗi niềm ra đi. Người lên rừng, kẻ xuống bể. Tất bật ra đi theo tiếng gọi lương tâm, theo tiếng gọi quê hương, theo tiếng gọi cuộc sống, mở ra chân trời nhận thức nhằm khai quang một nếp sống mới. Thầy viết: "...Chiến tranh, thù hận, và dẫu đó, từ sâu thẳm của khát khao, tình yêu và sự chết là nỗi ám ảnh và như là chất liệu cho ý thức sinh tồn. Có một cõi thi ca riêng biệt như vậy. Dành cho những tâm hồn nhạy cảm. Nhìn con chim giẫy chết trong tranh mà ngẩn ngơ, bàng hoàng. Nhưng ngôn ngữ của nó cũng biến hình. Tinh yếu thất vọng, đam mê, như những con sóng nồng nhiệt trên mặt nước, mà dưới đáy sâu ai biết ẩn chứa những gì.

Nước xa cuốn cuộn ra khơi

Sâu trong tâm thế có đôi giọt gạn

(Dư tập, Thủy mộ quan - Viên Linh)

Những câu thơ như vậy thật hiếm hoi cho một đời bận rộn. Không bận rộn sao được khi quanh mình những bạn bè trang lứa lần lượt ra đi. Một số người vượt suối vô rừng. Đi theo tiếng gọi của hận thù, máu lửa, trong trái tim đang bốc cháy bởi chủ nghĩa anh hùng..." Động lực ngày ấy, hoàn cảnh ngày ấy khác hẳn hôm nay. Song đều là sự khởi hành để truy tìm một giá trị cho cuộc sống. Giờ đây, ở sân ga này, tôi lặng thinh, chỉ vài lời qua lại của chúng bạn. Một, hai ba người và rồi nhiều hơn nữa... Bằng quơ!

Như cuộn phim động lại; thời gian đâu ngại bước lãng du. Em chợt hỏi, như níu lại một thời khắc nào đó mà giữa cuộc phù sinh mộng ảo, nhân duyên đã từng hội ngộ. Thơ tặng em đâu?

Bài thơ về chuyến tàu hoàng hôn ấy! Tôi lúng túng. Hình như gió hơi lạnh trong lòng. Gió từ đâu? Ý niệm chợt thoáng qua như có lần Xuân Quỳnh tự hỏi, gió bắt đầu từ đâu? Sóng bắt đầu từ gió. Gió bắt đầu từ đâu? Em cũng không biết nữa. Khi nào ta yêu nhau. Sóng lòng. Gió lòng. Gió từ đáy lòng thổi lại như khơi nhẹ một chút ân tình mong manh; nhẹ nhàng mà đầm ấm; mềm dịu mà mỏng mảnh như hơi thở; nồng nàn mà hanh hao tựa nắng Xuân phai.

Tôi cúi nhìn mặt đất như cố tìm một sự gìn giữ. Đất có giữ thơ tôi không? (Đất được ví như người Mẹ hiền, bao năm làm lụi, lặng nhìn quê hương đổi thay. Lòng người thay đổi, phai nhạt như một ngọn gió chợt thoáng qua kẻ lá. Đất âm thầm chịu đựng; người xưa thường vịn vào giá của người Mẹ; để rồi, hội họa gọi tên bằng màu sắc; âm nhạc hóa hiện thành âm điệu; thi ca ôm ấp bằng lời, bằng hình ảnh bóng bẩy, du dương; điêu khắc hóa hiện qua hình tượng, và chính con người cảm thụ qua sự rung động của trái tim nồng cháy - nóng bỏng hương tình.

Đất ôm ấp gìn giữ mọi thứ, mặc cuộc đời sông nước chảy về đâu! Nhìn bề mặt, đất im lìm trơ gan cùng năm tháng; song trong tận lòng sâu, ai có hay đất vẫn chuyển mình. Khi dữ dội, khi dịu êm, khi đắm thắm, êm ả như những lúc Hạ về, tiếng Mẹ hò điệu dân ca đậm chất điền dã. Đượm chút mặn mòi của hương biển và ngọt ngào của sông nước quê hương. Để rồi, khi chuyến tàu rời sân ga, tôi nằm yên lắng nghe hơi thở chính mình; nhịp tim cơ bóp, nhịp thở lên xuống như nước triều dâng. Hơi thở sao mà nồng nàn vậy, có nỗi buồn nào đang ngự trị chẳng? Rồi, lắng nghe gió thổi mà thấy lòng lạnh lạnh. Những cơn gió mỏng vừa luồn qua khung cửa, cái rét đã có rồi.)

Một nét vẽ dưới chân tôi, hình như của một họa sĩ vô danh nào đó trong một khoảnh khắc lạc lõng đang đợi tàu giữa sân ga đã nguệch ngoạc họa nên. Họa sĩ ấy đã vẽ gì nhỉ? Một con đường. Một con đường mà ngút ngàn sâu thẳm, không nhận thấy đầu là điểm khởi đầu và điểm kết thúc. Con đường tàu đi qua và anh ta là bến đợi! Hay con đường cuộc đời cho mỗi bước chân qua!

Ừ nhỉ, đúng là con đường. Con đường mà tôi và những người bạn đêm ấy đang đi qua. Con đường gian nan và hiểm trở. Con đường mà biết bao đau thương của thế hệ đi trước đã tô bồi bằng chính máu xương của họ. Con đường mà nhiều khi người ta gọi là con đường oan nghiệt, bởi biết bao nhiêu người đã khổ khổ, đau thương, tù đày vì nó. Nó được đánh đổi với nhiều giá trị như vậy song có nhiều người lại đành lòng đem tâm dim bỏ hay phủ nhận; xem nó như chuyện quá khứ, không liên hệ gì đến hiện tại. Một sự chối bỏ muộn màng.

"Thế hệ các con được giáo dục để quên đi quá khứ. Nhiều người trong các con không biết đến Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất là gì; đã làm gì và cống hiến những gì cho sự nghiệp văn hóa, giáo dục, hòa bình dân tộc, trong những giai đoạn hiểm nghèo của lịch sử Dân tộc và Đạo pháp của đất nước. Một quá khứ chỉ mới như ngày hôm qua mà đi sản vẫn còn đó nhưng đã bị chối bỏ một cách vội vàng. Di sản được tích lũy

ròng rã hằng thế kỷ, bằng bao tâm tư qua bao khổ lụy đau thương, bằng máu và nước mắt của biết bao Tăng Ni, Phật tử; mà những người gây dựng nên di sản đó bằng bi nguyện và hùng lực của mình, có vị bị bức tử bởi bạo quyền, có vị suốt năm tháng dài chịu tù đày, bị lãng nhục. Nhưng sống hay chết, vinh hay nhục, không làm dao động tâm tư của những ai biết sống và chết xứng đáng với phẩm cách của con người, không hổ thẹn với phẩm hạnh cao quý của bậc xuất gia."(2)

Với cái nhìn, cái biết như thật, hay danh từ Phật học gọi là Như thật tri kiến, con đường chỉ là con đường (nếu thật có con đường). Dù phương sở nào hay thời gian nào, căn cứ nào nó cũng chỉ là con đường. Song sở dĩ nó có nhiều màu sắc, oan nghiệt hay vinh quang hay một mực là bởi chính tâm thức con người đã khoắc cho nó những chiếc áo đầy màu sắc sặc sỡ hay nhìn nó dưới những cặp kính màu.

Con đường. Con đường in đậm thảo hài vô chung của chư Tổ. Con đường đã một thời đón nhận hình bóng tro xương cùng tuế nguyệt của tiền nhân. Hình ảnh tôn giả Kiều Trần Như, một hạt mè nuôi thân tứ đại để rồi những đốt xương trở thành chiếc áo bao bọc chính nó. Thật đúng với câu nói, nhìn sợi vải thấy rõ chính linh hồn. Rồi, hình bóng ung dung trong biển lửa để gióng lên tiếng chuông cảnh tỉnh nhân loại, thắp lên ánh đuốc giữa chốn mù sương của Quảng Đức Bồ tát; và cũng đón nhận hình bóng trầm mặc của Đấng Đạo Sư trong một đêm trăng sáng; ánh sao Mai đang tư lự giữa trời khuya ngất tạnh. Nó còn mang đậm hơi thở của chính Ngài:

"Thuở xưa, có một vương tử mà ngại vàng đá dạn sẵn, vô ngựa chinh phục đã sẵn sàng yên cương. Rồi một đêm, khi cả cung đình đang ngủ say trong giấc ngủ êm đềm của quyền uy, danh vọng, giàu sang; vương tử gọi quân hầu thẳng cho Ngài con tuấn mã trường chinh. Nhưng vô ngựa trường chinh của Ngài không tung hoành chiến trận. Thanh gươm chinh phục của Ngài không đánh gục những chiến sĩ yếu hèn. Gót chân vương giả từ đó lang thang khắp chốn sơn cùng thủy tận; cỏ đơm bên bờ suối, dưới gốc cây. Ngài đi tìm gì? Ta hãy nghe Ngài nói: 'Rồi thì, này các Tỳ kheo, một thời gian sau, trong tuổi thanh xuân, khi tóc còn đen mượt, với sức sống cường tráng; mặc dù cha mẹ không đồng ý với gương mặt đầm đìa nước mắt, Ta đã cạo bỏ râu tóc, khoắc áo ca sa, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình. Trong khi ta đi như vậy, làm người đi tìm cái gì đó chí thiện, tìm con đường hướng thượng, tìm dấu vết của sự tịch mịch tối thượng...'". (3)

Con đường đã được khai quang, chỉ còn đợi con người dẫn thân vào cuộc lữ.

Chú thích:

(1) Nhiều tác giả, Trịnh công Sơn - Người hát rong qua nhiều thế hệ, Nhà xuất bản Trẻ, tr. 21.

(2) Tuệ Sỹ, Thư gửi các Tăng sinh Thừa Thiên - Huế nhân đọc Tâm thư của Tăng sinh dâng Hoà thượng Thiện Hạnh, ngày 28.10.2003.

(3) Tuệ Sỹ, Đạo Phật với tuổi trẻ.



Câu chuyện của Sư Tử và Chó Rừng

Bạch Xuân Phê dịch

Thời xa xưa ở Ấn Độ, có một con sư tử khổng lồ sống trong khu rừng già ở Hy Mã Lạp Sơn. Mặc dù khỏe mạnh, sư tử này không bao giờ ăn hiệp các loài động vật khác mà không có lý do. Một ngày nọ, sau khi hạ một con trâu và có một bữa ăn bổ dưỡng, sư tử trở về hang động của mình. Trên đường về đã gặp một con chó rừng; chó nói với sư tử: "Hỡi chúa tể sơn lâm. Xin hãy nhận tôi làm người đầy tớ khiêm tốn để phục vụ cho người." Sư tử đã từ ái nói rằng: "mong muốn đó được thành sự thật." Chó rừng rất là thông minh tinh xảo, bởi vì nó biết nó sẽ không còn phải đi săn mò nữa, và sẽ ăn mò còn sót lại của sư tử.

Từ ngày đó, chó rừng phục vụ cho sư tử và ngược lại luôn luôn có một bữa ăn đầy đủ từ thức ăn thừa. Chó rừng đã được thực sự hạnh phúc vì nó không bao giờ phải đi tìm kiếm thức ăn trong rừng rậm. Kể từ đó, từ một con chó rừng đói đã trở thành béo phì và mạnh mẽ. Các loài động vật khác trong rừng bắt đầu lo vì nó đã gần sư tử. Chó rừng thậm chí sẽ đi vào rừng và bắt nạt các loài động vật nhỏ lớn như nhau. Biết là không thể làm gì, con vật nhỏ bắt đầu tôn trọng chó rừng. Nhận thấy các con vật có cảm giác sợ hãi mình, chó rừng nghĩ rằng, "Ta thật sự mạnh mẽ. Tất cả các động vật đang sợ hãi. Chỉ có sư tử mới mạnh hơn ta trong toàn bộ khu rừng già này mà thôi."

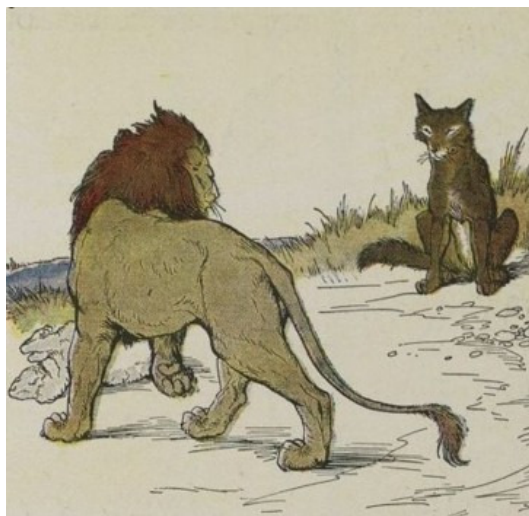
Một ngày hôm nọ, chó rừng thấy một con voi đơn độc trong rừng. Chó rừng chỉ về hướng con voi ở xa và nói: "Hỡi chúa tể, tôi sẽ hạ con voi kia làm thịt. Cho đến nay, tôi đã được ăn đồ dư của người, nhưng ngày này người sẽ ăn đồ dư của tôi." Sư tử lấy làm ngạc nhiên và cảnh báo chó rừng đừng làm hại đến con voi. Chó rừng đầy niềm tự hào, chạy xuống đồi và tấn công con voi. Con voi tức giận dùng vòi đâm chó rừng và nện nó vào thân cây. Chó rừng chết ngay tại chỗ. Con sư tử kia là một trong những tiền thân của Đức Phật.

Ngụ ý câu chuyện: Những niềm tự hào giả tạo hay chủ quan quá đáng luôn luôn dẫn đến sự rắc rối.

Pc. 173

*Ai làm việc ác
nhưng rồi sau đó
biết làm việc lành
mà xóa mờ đi
việc ác đã làm,
người ấy làm cho
đời mình sáng lên
in như vầng trăng
ra khỏi mây mù.*

Pháp Cú Nam Tông
(HT. Thích Trí Quang dịch)



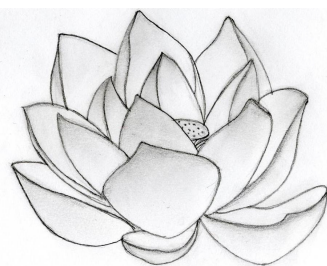
Milo Winter (1886-1956)

The Tale of the Lion and the Jackal

In ancient India, a huge lion lived in the forests of the Himalayan mountain range. Although he was strong, he never troubled other animals without reason. One day, after hunting down a buffalo and having a hearty meal, the lion was returning to his cave. He met a jackal on the way, who came to him and said, "O' King, you are the mightiest of all animals. Please accept me as your humble servant." The lion was kind and said, "As you wish, O' jackal." The jackal was smart because he knew he would not have to hunt anymore, and will live on the leftover of the lion's meals.

From that day on, the jackal served the lion and in return always had a full meal from the leftovers. The jackal was indeed happy, as he never had to go in search of food in the dense forest. Soon, the starving jackal became fat and strong. The other animals in the forest started to fear him because he was close to the lion. The jackal would even go to the forest and bully the small and big animals alike. As there was nothing they could do, the animals started respecting the jackal. Seeing the animals feeling scared of him, the jackal thought, "I am getting powerful. All animals are scared of me. Only the king is stronger than I in the entire forest."

The next day, the jackal saw a lonely elephant in the forest. He pointed to the distant elephant and said, "O' King, I will hunt down the elephant for you. So far, I have been feeding on your leftovers, but today you will feed on mine." The lion was shocked at what he heard, but he warned the jackal to leave the elephant alone. The jackal filled with false pride ran down the hill and pounced upon the elephant from above. The angry elephant lifted the jackal in his trunk and banged him against a tree. The jackal died at once. The wise lion was none other than the Buddha himself.



Đôi diện

*Ngồi nghe tiếng nhạc trẻ thơ
Suối nguồn vi diệu... bẽn bẽn thời gian
Tỳ ni hương nhũ từng hàng
"Phương trời cao rộng" lòng-ngang lưng trời.*

*Một thời khép cửa quên đời
An vui nét chữ trên lời kệ, kinh
Thời gian trưa, tối, bình minh
Ba đời nhân quả rõ mình hơn ai.*

*Mai kia thoát khỏi hình hài
Dấu vào thân khác đường dài chưa quen
Từ trong nhận thức đi lên
Sương rơi dấu lạnh-xây nền tảng xưa.*

(Một ngày giông bão vùng đông nam July 2010)

Chia tay

*Hôm nay ngày mãn hạ
Mời nhau một ly trà
Ngoài trời sương ướp lạnh
Đường anh về quá xa.*

(17/7/2010)

Rong ruổi...

*Chiều nay u uẩn lòng
Hư không ôi mênh mông
Đêm khuya này lạnh vắng
Mây vẫn trôi bèo bồng.*

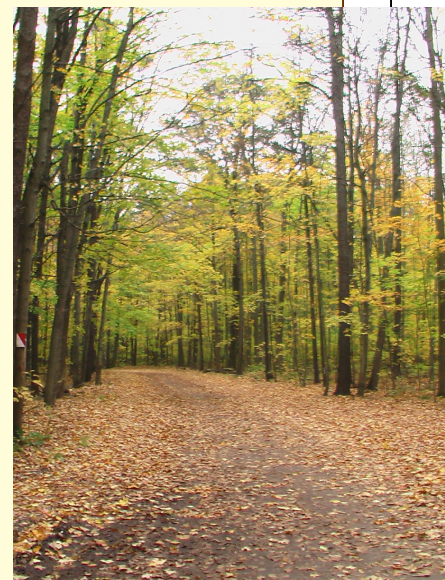
Cảm nghe...

*Đêm khuya đường về người thưa vắng
Tùng đoạn đi qua... thiếu bóng trăng
Đèn đường mờ nhạt trên xa lộ
Về tới phòng không rõ vết hằn.....*

*Sáng ra công việc như năm, tháng...
Lao nhọc bên đời... những người thân
Cảm nghe rung động từng hơi thở
Một đêm mà hiểu cuộc hồng trần.*

(Đêm về lại lúc 0 giờ)

HUYỀN VŨ





Photographer: Evgeni Dinev

PHẬT PHÁP VÀ TUỔI TRẺ

TUỔI THƠ VÀ NGƯỜI LỚN

Tâm Minh Vương Thúy Nga

Kính thưa Anh Chị Em Áo Lam,
Là huynh trưởng GDPT, đối tượng giáo dục của chúng ta là các em Oanh Vũ, các em ngành Thiếu..., nói chung là tuổi trẻ. Có nhiều huynh trưởng có thể dạy và chơi với đoàn sinh ở mọi lứa tuổi, có huynh trưởng lại chỉ quen dạy và chơi với các em Oanh Vũ hay ngành Thiếu, có người lại chỉ quen và thích nói chuyện, tiếp xúc với ngành Thanh... Hôm nay, nhân trong mùa trăng trung thu, chúng ta thử tìm hiểu về tuổi thơ.

Tất cả chúng ta ai cũng đã từng là trẻ con nhưng khi nói về tuổi thơ, ai cũng đề cập đến như về một thế giới bí mật, xa lạ nào đó như chúng ta chưa bao giờ là một đứa con nít vậy! Hình như đó là tâm lý chung của mọi người. Từ thuở xa xưa, trong đồng dao, ca dao Việt Nam đã có chuyện Chú Cuội với Hằng Nga rồi. Theo truyền thuyết đó, Cuội là một thiếu niên mới lớn, nhà nghèo nhưng không ham cơm áo, gạo tiền mà ham mơ mộng. Đi chăn trâu không lo chăm chú theo dõi trâu lại lo chạy theo những hình bóng của tiên nga với vũ khúc nghe thường làm say mê lòng người (mà chỉ có Cuội là có thể nghe và thấy được Hằng Nga và bầy tiên nữ chứ đâu có ai thấy được!). Kết quả là bỏ trâu ăn lúa của người ta, về nhà bị đánh đòn. Nhưng ai nói gì thì nói Cuội vẫn 'giữ vững lập trường' là thật có nghe khúc hát của tiên nữ, thật có thấy Hằng Nga và không có bài hát nào ở trần gian có thể so sánh được cũng như không có cô gái nào trong làng đẹp như nàng Hằng Nga mà Cuội đã 'thấy'. Không biết cậu bé đã thấy thật hay chỉ thấy trong lúc mơ màng nhưng kết quả tai hại tiếp theo là Gái - vợ chưa cưới của Cuội mà gia đình đã hỏi cho - cũng cho rằng Cuội đã mắc bệnh tâm thần (nói theo ngôn ngữ mới) và từ bỏ Cuội. Phần Cuội, chàng trai đúng như đang sống trên mây, không buồn vì mọi người cho mình điên, bị đánh đòn, bị Gái bỏ, trái lại vẫn đi tìm bầy tiên nga, vẫn lắng nghe 'tiếng hát Thiên Thai' và một ngày kia chàng trai đã bỏ làng đi biệt. Người ta đồn rằng chàng đã lên cung trăng với cô Hằng...

Câu chuyện bịa đặt nhưng thật nên thơ, nói lên cái đặc tính của tuổi thơ - đó là sự nhạy bén với cái đẹp, sự mơ mộng đến những phương trời xa lạ nhưng hấp dẫn khác hẳn với cuộc sống thực tế đơn điệu hằng ngày. Tuổi thơ quả thật thiếu thực tế nhưng vô cùng can đảm, không biết e sợ mà trái lại ưa khám phá những vùng đất mới, khung trời mới... Chỉ có tuổi trẻ mới 'nghe' được những âm thanh tuyệt vời, mới 'thấy' được 'thế giới thần tiên'. Thế giới ngày nay có phong phú hơn, có muôn màu muôn vẻ hơn là cũng nhờ những bàn tay và khối óc của tuổi trẻ: dám nghĩ, dám làm, dám dẫn thân... như chàng thanh niên Tất-đạt-đa năm xưa dám bỏ cuộc đời thường - dù đó là cuộc sống cao sang của một vị vương giả - để dẫn thân vào một phương trời vô định với muôn vàn khó khăn, thử thách... tưởng chừng như không thể vượt qua. Chính vì Chàng cũng đã 'nghe' được tiếng gọi 'bí mật' của lòng từ bi, gọi là 'bí mật' vì đâu có ai nghe được; người ta chỉ nghe tiếng đàn hát, nói cười... thường tình mà thôi. Cuối cùng, Chàng đã chiến thắng chính mình để đem lại đạo giải thoát cho nhân loại hôm nay.

Đó là một cách nhìn, một lối suy nghĩ, một cách nói biểu tượng của chúng ta về tuổi thơ. Chúng ta nói trẻ thơ sống trong thế giới thần tiên, chúng ta nói cuộc đời của trẻ con 'mỗi trang là một bài thơ'... nhưng chúng ta phải thấy rằng thế giới ấy chỉ thần tiên trên mặt nổi; thực chất, thế giới ấy cũng đầy

cạm bẫy, đầy cạm dổ nguy hiểm. Thật vậy, nếu trẻ con không được người lớn chăm sóc, giáo dục và bảo vệ thì nguy hiểm có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Nay nhé, các em đâu có biết lừa các em đốt từ một que diêm nhỏ xíu có thể gây nên hỏa hoạn? Các em đâu biết leo cây thì có thể bị té bể đầu gãy cổ. Các em đâu biết đi vào những chỗ cỏ rậm có thể bị rắn cắn; ăn trái cây bậy bạ có thể bị độc chết người; tự động xuống nước gặp chỗ sâu là chết đuối liền, v.v...

Nói tóm lại, tuổi thơ sống thường xuyên trong nguy hiểm đe dọa, đó là chưa nói đến những đe dọa do chính người lớn gây ra. Như có một bà mẹ bỏ quên con nhỏ trong xe đi công chuyện, khi ra xe thì em bé đã chết vì nóng và ngạt; hay có ông cha uống rượu say cũng bỏ quên con mình cả đêm trong xe, sáng ra khi người cha tỉnh rượu sức nhớ đi tìm con thì em bé đã chết cứng từ lâu!

Còn 'người lớn' thì sao? Chúng ta tự cho mình khôn ngoan, biết phân biệt điều gì nguy hiểm, điều gì không. Có thật thế hay không đây? - Thưa không! Chúng ta vẫn thường xuyên chơi những trò chơi nguy hiểm nhưng tự hào mình khôn ngoan, không coi những trò chơi này là đại họa. Thí dụ, như chiến tranh. Trò chơi này không nguy hiểm sao? Nhưng cả những bậc được tôn là Thánh nhân vẫn tán thành chiến tranh, cho đó là hành xử khôn ngoan để giải quyết những vấn đề khó giải quyết. Trẻ con không ý thức được những nguy hiểm rình rập quanh mình vì chưa nhận thức đầy đủ về thế giới quanh nó. Còn chúng ta, chúng ta đã biết rõ quy luật thiên nhiên và xã hội quanh ta chưa? Tất cả những công trình nghiên cứu về khoa học cũng như về nhân văn không có định luật nào là vĩnh cửu, định luật cũ được thay bằng những định luật mới, sai lầm trước được điều chỉnh bởi 'sự thật' sau; để rồi một thời gian sau sự thật này cũng 'không còn thật' nữa. Đúng như lời than thở của một nhà thơ nào đó: 'Sự thật hôm nay không thật đến ngày mai'. Nói cách khác, 'người lớn' chúng ta cũng không biết gì nhiều về thế giới quanh mình, và do đó không ý thức hết được những nguy hiểm đang rình rập và vì vậy, những điều ta làm và tự cho là 'đỉnh cao trí tuệ' biết đâu lại là trò chơi nguy hiểm của trẻ thơ?

Tuy nhiên, trước mắt, bằng những hiểu biết kém cỏi của mình, chúng ta vẫn phải bảo vệ tuổi thơ bởi vì chúng ta là 'người lớn'. Muốn có 'thiên đường tuổi ngọc' thì phải có những thiên thần canh giữ thiên đường, thế giới trẻ thơ mới là thiên đường, còn không thế giới ấy sẽ là địa ngục. Mà thiên thần và ác quỷ là ai? Chúng lẫn lộn đấy, thưa các bạn! Bởi vì cả hai tồn tại ngay trong tâm mỗi người chúng ta. Cho nên, có những điều ta tưởng làm tốt cho trẻ nhỏ, hóa ra làm xấu. Trẻ con không phải là Bồ-tát; mà ngay cả Bồ-tát khi chưa giác ngộ vẫn còn những tham lam, ích kỷ, và nhiều tật xấu. Chúng ta chăm sóc các con em của chúng ta tránh bị ảnh hưởng của những thói hư, tật xấu của xã hội; nhưng bên cạnh đó còn những tật xấu bẩm sinh, đúng là 'nội ma ngoại chướng'. Do vậy, việc chăm sóc và giáo dục cũng như bảo vệ tuổi thơ không phải là dễ, đó luôn luôn là vấn đề 'nóng hổi' của người lớn chúng ta: Của cha mẹ đối với con trẻ, thầy cô giáo đối với học sinh của mình, anh chị huynh trưởng đối với các em đoàn sinh, và ngay cả quý thầy đối với các chú đệ tử của mình.



www.XALUAN.com

Buồn thi nhân

Chàng ngồi cô quanh trần ai
Bóng phù hoa rụng một vài nếp nhăn
Vẳng qua nội cỏ hoa ngàn
Lời thơ ẩn dụ mơ màng hỏi thăm
Lừa thưa dặm lữ đường trần.

Sâu trình nữ

Tuổi xuân đành để trôi dần
Em nâng chén đắng trăm năm đợi người
Bên song, thu trút gió vơi
Lá vàng quạnh một chiếc rơi giữa lòng.

Áng mây

Về dưới trăng khuya lòng chợt ấm
Đưa em qua hết mộng đêm này
Lối nọ đường kia
Câu hỏi chậm
Ray rúc trong lòng như áng mây.

Du tử ca

Vẫn trời đất cũ một màu
Đi đâu cũng gói lời chào mang theo
Gió đưa chút mộng đánh vào
Tình du tử, giắc ngủ chiều
Đong đưa.

PHÙ DU



TÌM THỎA MÃN GIỮA DÒNG BIỂN DỊCH

Dainin Katagiri - *Thị Giới dịch*

Chúng ta luôn luôn tìm kiếm sự thỏa mãn và tiện nghi. Từ đó chúng ta trải qua ra vô số kinh nghiệm trong cuộc sống mỗi ngày, tốt và xấu, đúng và sai. Nhưng dù bao nhiêu tìm kiếm với hy vọng có được những niềm vui và hạnh phúc, chúng ta vẫn không bao giờ được thỏa mãn. Những trải nghiệm dù vui tươi hạnh phúc cách mấy cũng không thể làm cho chúng ta thỏa mãn vì chúng ta luôn luôn muốn ôm chặt chúng. Chúng ta cố bám vào những trạng thái trải nghiệm đó vì chúng ta biết rằng cuộc sống còn có những khổ đau mà chúng ta không muốn gặp. Rồi cuộc, chúng ta, những con người, không bao giờ có được sự thỏa mãn trọn vẹn.

Sở dĩ chúng ta không bao giờ thấy mãn nguyện trong cuộc sống vì chúng ta không bao giờ tách rời khỏi thời gian. Trong dòng thời gian, những ham muốn và trải nghiệm của chúng ta liên tục biến mất và xuất hiện trong từng khoảnh khắc, chúng ta không thể có một sự thỏa mãn kéo dài. Do đó, dù tiến trình của thời gian là một cái gì ở bên ngoài sự nhận biết bằng khái niệm, nó là một thứ mà chúng ta phải hiểu thấu với bất cứ giá nào. Phật giáo cho chúng ta biết rằng nếu chúng ta hiểu sai về thời gian, chúng ta sẽ thất bại trong cuộc sống: chúng ta sẽ không có hạnh phúc, không cảm thấy an vui. Chúng ta muốn biết thời gian là cái gì, nhưng thời gian thật lạ lùng. Thật sự, nó không phải là cây kim chạy quanh trên chiếc đồng hồ. Nó là sự biến dịch.

Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta có kinh nghiệm về thời gian vì những gì xảy ra luôn luôn thay đổi. Ngay cả khi chúng ta ở một mình trong một căn phòng hoàn toàn cách biệt với thế giới bên ngoài, chúng ta vẫn có cảm nhận về thời gian vì sự thay đổi không ngừng của cơ thể chúng ta. Thời gian trôi qua và bao tử chúng ta thấy đói. Và cho dù nếu chúng ta có thể hoàn toàn làm chủ trạng thái đối thay thuộc sinh lý, chúng ta vẫn không tránh được cảm nhận về thời gian, chúng ta vẫn phải sống trong một dòng đối thay liên tục của niệm tưởng.

Nhìn theo cách này, có thể chúng ta sẽ nói rằng thời gian là một dòng biến dịch liên tục của ý thức. Nhưng cái hiểu đó có phần không vững vì dòng ý thức của chúng ta gắn liền với ký ức. Khi ngủ, chúng ta không thấy có thời gian. Và đôi khi, khi chúng ta bị một cú sốc lớn, dòng ý thức dừng lại, khi đó, một giây có thể dài như một giờ, lúc đó chúng ta hoàn toàn mất đi ý thức về thời gian.

Có người cho rằng ở trong thiên đường, con người sống vĩnh hằng và mọi ước muốn đều được thỏa mãn,

do đó không cần tìm kiếm một thứ gì. Trong khung cảnh đó, chắc chắn sẽ không có một "dòng ý thức" hay sự cảm nhận về thời gian. Có thể về mặt triết lý, có một thứ được gọi là thời gian tuyệt đối. Nhưng Phật giáo muốn chúng ta biết được thời gian thật, không phải thời gian siêu hình. Thời gian thật liên quan mật thiết với đời sống mà chúng ta đang sống.

Trong đời sống hằng ngày, khi chúng ta làm một bài kiểm tra ở nhà trường, hết giờ thì chúng ta phải ngừng viết. Dù chúng ta muốn có thêm một ít thời gian, vẫn không còn thời gian cho chúng ta. Khi bị bệnh, cho dù chúng ta có muốn nói: "Hãy chờ đợi, tôi có việc quan trọng phải làm trước khi tôi bệnh," cũng không thể được. Đó gọi là vô thường. Sự việc luôn luôn thay đổi trong những gì chúng ta suy nghĩ, chờ đợi.

Với Phật giáo, có ba tác nhân nhân nền tảng của biến dịch: sinh, diệt, và trụ-hoại. Sinh là phát sinh – một cái gì đó đi vào hiện hữu. Đó là sự xuất hiện của đời sống, sự phát sinh phút giây được gọi là sinh. Diệt là chấm dứt – một cái gì đó biến mất khỏi hiện hữu. Đó sự biến mất của sự sống, sự chấm dứt của phút giây được gọi là chết. Nhưng chúng ta có thể nói sinh của sinh hay diệt của diệt là cái gì không? Không, sinh và diệt không thể được hiểu riêng biệt; nếu đứng riêng rẽ, sinh và diệt không có ý nghĩa. Để có sự biến dịch, cần có tác nhân thứ ba: trụ và hoại.

Trụ có nghĩa là chúng ta chấp nhận cuộc sống của chúng ta một cách cơ bản. Không có một lý do đặc biệt trong việc chấp nhận chúng ta. Dù chúng ta đánh giá chúng ta như thế nào, là ai, chúng ta vẫn chấp nhận sự hiện hữu của đời sống chúng ta một cách khẳng định. Nếu chúng ta không thể chấp nhận cuộc sống của chúng ta, chúng ta sẽ không có niềm hy vọng và sức mạnh để sống. Chúng ta dốc toàn lực để sống trong cuộc đời này có nghĩa là chúng ta đã sẵn sàng chấp nhận chúng ta. Nhưng "trụ" không làm cho chúng ta thỏa mãn vì đồng thời còn có "diệt". Diệt có nghĩa là trong cuộc sống hằng ngày chúng ta kinh nghiệm về cái chết; tính chất vô thường không ngừng cắt bớt đi đời sống của chúng ta.

Trụ và hoại cũng được nói đến như liên tục và gián đoạn. Về tính chất liên tục, chúng ta thấy ngày hôm qua tiếp nối với ngày hôm nay, do đó chúng ta không thể nói "Ngày hôm qua hoàn toàn tách rời với ngày hôm nay." Bởi vì có sự liên tục, chúng ta chấp nhận cuộc sống của chúng ta với niềm hy vọng và sự cố gắng để sống cuộc sống mỗi ngày. Mặt khác, chúng ta thấy rằng ngày hôm nay không phải là ngày hôm qua hay ngày mai, do đó chúng ta không thể nói "Ngày hôm qua tiếp tục đến ngày hôm nay." Bởi vì có sự gián đoạn, chúng ta nhìn lại ngày hôm

qua và nhìn về tương lai; chúng ta phân hồi về quá khứ và muốn đắm mình vào tương lai. Rồi một cách bản năng, chúng ta tận lực hướng về tương lai.

Sự mâu thuẫn là chúng ta chấp nhận cuộc sống, nhưng chúng ta không bao giờ thỏa mãn, vì trong sự sống luôn luôn tồn tại sự chết. Lý do của sự mâu thuẫn đó là tính chất biến dịch. Khi chúng ta cảm nhận tiến trình biến dịch, chúng ta gọi đó là thời gian. Chúng ta có ý thức về thời gian vì có sự biến dịch. Thời gian dưới ý nghĩa vô thường là hoạt động không ngừng của tiến trình sanh, diệt và trụ-hoại. Không có cái gì chúng ta ôm giữ là vững chắc, ngoài tác động của biến dịch.

Làm sao để chúng ta có thể sống an bình trong thế giới luôn luôn biến dịch này? Có thể khó hiểu, nhưng chúng ta nên cảm ơn cả trụ và hoại. Chúng ta không thỏa mãn vì sự hủy hoại, và chính vì sự không thỏa mãn làm cho chúng ta muốn học hỏi và tu tập. Và nếu không có sự hủy hoại thì sẽ không có thay đổi. Sự hủy hoại của một khoảnh khắc tạo ra cơ hội phát sinh cho một khoảnh khắc khác. Nhờ trụ và hoại, chúng ta có niềm hy vọng vào tương lai và tận lực trong việc khai phá chúng ta.

Biến dịch là căn bản của đời sống con người, do đó chúng ta không bám vào sống hay chết, tiếp nối hay dứt đoạn. Chúng ta sống ngay giữa dòng biến dịch, nơi không có gì có thể nắm giữ. Làm thế nào để chúng ta có thể làm được việc đó? Hãy ở ngay trong hiện tại và hết lòng với việc đang làm. Và đó là Thiền.

Khi chúng ta bắt đầu thực tập tọa thiền, chúng ta sẽ thấy một bức tranh toàn cảnh về đời sống của chúng ta chạy qua tâm trí chúng ta, từ quá khứ xuyên qua hiện tại đến tương lai. Dù cái đó là gì, tốt hay xấu, đúng hay sai, nó ở ngay đó. Chúng ta có thể vui với điều chúng ta thấy hay thất vọng với những khía cạnh tiêu cực của đời sống. Nhưng đừng phê phán chúng ta về việc chúng ta là ai hay chúng ta cảm thấy thế nào. Ngay cả khi chúng ta cảm thấy điều gì tốt đẹp, nó cũng chỉ là kinh nghiệm; nó không thể làm chúng ta thỏa mãn hoàn toàn. Sớm hay muộn, bức tranh toàn cảnh sẽ biến mất vì nó không thể tồn tại lâu. Nếu chúng ta nhìn khung cảnh đó với sự hướng vọng nào đó, chúng ta sẽ kiệt lực.

Trong *Sohbogenzo* (Chánh Pháp Nhân Tạng), "Gabyo" (hình ảnh một chiếc bánh gạo không thể làm no cơn đói), ngài Dogen chú thích "Một chiếc bánh trong tranh không thể ăn được." Bánh gạo là kinh nghiệm của chúng ta, đói là sự ham muốn của chúng ta. Kinh nghiệm mà chúng ta có trong đời sống hằng ngày là những hình ảnh do tâm thức chúng ta tạo ra; giống như những bức hình vẽ thực phẩm, chúng không thể làm no thỏa sự đói khát thật sự của chúng ta.

Đi xa hơn, chiếc bánh gạo là một vật thể được tạo ra với nhiều điều kiện: mặt trời, nước, bột và công sức của con người. Và chiếc bánh gạo đó không bao giờ thỏa mãn được sự đói vì chúng ta không thể dừng lại ngay ở chỗ hiện tại. Ngày mai chúng ta lại đói và lại muốn ăn một chiếc bánh khác.

Trở lại chiếc bánh vẽ. Cuộc sống của chúng ta cũng giống như bức tranh, bức tranh được vẽ ra do sáu thức (thấy, nghe, ngửi, nếm, chạm, nghĩ), di truyền, ký ức, phong tục, học vấn, và nhiều thứ khác. Chúng ta vẽ với bằng vô số kinh nghiệm trên bề mặt của cuộc sống chúng

ta, nhưng rồi một điều gì đó thay đổi, chúng ta không còn thỏa mãn. Chúng ta muốn xua đi những kinh nghiệm này và thể nghiệm những điều khác. Đời sống con người không ngừng trôi qua như vậy. Chúng ta luôn luôn đánh giá và phê phán những gì trên bề mặt của cuộc sống chúng ta, mà không nhìn kỹ và sâu vào lòng cuộc sống đó.

Nếu nghĩ rằng cái gì được tô vẽ là không quan trọng vì nó không làm cho chúng ta thỏa mãn, điều đó có thể đúng, nhưng chỉ là một phần của sự thật. Đó là một cái hiểu không trọn vẹn về đời sống con người. Khi suy nghĩ theo cách đó, chúng ta chỉ nhìn đời sống con người từ phương diện khách quan, chúng ta không dự phần trong đời sống đó. Với cái thấy nhị nguyên đó, chúng ta tạo ra một khoảng cách lớn, và chúng ta không thể bắt kịp cuộc sống luôn luôn biến dịch, chúng ta bị bỏ lại phía sau. Nếu chúng ta muốn sống trong an bình và hòa điệu, có một thứ quý giá mà chúng ta không thể bỏ quên. Hãy quan sát chiếc bánh gạo sâu hơn. Nếu chúng ta nhìn thấy chiếc bánh vẽ ở chiều sâu hơn, chúng ta sẽ nhìn thấy chiếc bánh thật.

Chiếc bánh gạo thật là chiếc bánh như thật là nó, trước khi được tô vẽ bằng những ý niệm và tư tưởng. Theo Phật giáo, thực tại chân thật là một dòng biến dịch liên tục, không bao giờ ngừng dù chỉ trong thoáng chốc. Làm sao chúng ta có thể thỏa mãn được sự khao khát trong dòng biến dịch liên tục này! Nhưng nếu chúng ta nhìn sâu vào chiếc bánh vẽ, chúng ta có thể nhìn thấy sự hoạt động năng động ở trong đó, mở ra trong mọi hướng của thế giới. Điều đó có nghĩa là chúng ta nhìn thấy chiều sâu của hiện hữu con người. Lúc đó, không có cái "chúng ta" riêng rẽ và không có sự ham muốn để được thỏa mãn, bởi vì không có gì có sự ngăn cách với chúng ta. Chúng ta quay về với tính chất căn cơ của đời sống và nhìn thấy bức tranh toàn bộ của thực tại.

Cho dù những kinh nghiệm trong cuộc sống hằng ngày chỉ là một bức tranh toàn cảnh không bao giờ có thể làm thỏa mãn những khát vọng của con người, bức tranh đó nằm ngay giữa sự bao la của pháp giới. Đời sống được tô vẽ cũng như chiếc bánh vẽ không là gì ngoài tính chất vô thường. Nếu chúng ta chạm vào cốt lõi của hiện hữu và hiểu ý nghĩa lời nói rằng chiếc bánh trong bức tranh không làm cho no cơn đói, khi đó không còn gì để nói. Chúng ta ở ngay trong hiện tại và chạm vào ý nghĩa chân thật của vô thường.

Khi chạm vào bản chất nền tảng của đời sống, chúng ta cảm thấy được xoa dịu. Đây là chỗ an trú cuối cùng của chúng ta, trạm đến cuối cùng của chúng ta. Trên chuyến tàu cuộc đời, cuối cùng chúng ta đã đến trạm cuối. Nó là chỗ chấm dứt sau cùng, nhưng nó không phải là sự chấm dứt bình thường. Khi chúng ta đi đến trạm cuối đó, nó là trạm cuối nhưng cũng là chỗ khởi đầu. Ở điểm chấm dứt đó, một cái gì sẽ xảy đến. Một cuộc sống mới xuất hiện. Từ khởi điểm này, chúng ta có thể đi đến bất cứ nơi nào. Cuộc sống chúng ta mở toang ra trong mọi hướng.

Thị Giới dịch
(*từ Each Moment Is The Universe*)



HÌNH ẢNH LỄ CUNG NGHINH PHẬT NGỌC VÌ HÒA BÌNH THẾ GIỚI TẠI CHÙA CỔ LÂM SEATTLE, WASHINGTON (21—29/8/2010)



Quê Mẹ

Sáng nay có đàn chim nhỏ
Vô tư tung cánh tầng không
Lòng chợt nhớ về quê mẹ
Mùa này lúa nặng trĩu bông

Đàn cò trắng phau bến nước
Nghiêng mình bên lũy tre ngà
Ve đã râm ran vào hạ
Hương sen thơm ngát gần xa

Cánh diều trên không no gió
Đàn bò gặm cỏ trên đồng
Mây vẫn trôi hoài vô tận
Dòng sông gợn sóng mênh mông

Gởi về quê mẹ tấm lòng
Đứa con lạc loài viễn xứ
Ca dao của ngàn năm cũ
Câu hò, điệu lý thiên thu ...

(Orlando, August 18th, 2010)



TƯỜNG VÂN

Giới thiệu CD "Phật Ngọc Hòa Bình"

"Phật Ngọc sẽ thắp sáng toàn cõi thế gian này, Phật Ngọc sẽ mang niềm an lạc, hạnh phúc không thể nghĩ bàn đến cho chúng sanh, sự ảnh hưởng của Phật Ngọc sẽ góp phần ngăn chặn những cuộc chiến tranh, những hủy hoại tàn phá đang xảy ra khắp nơi trên thế giới". Đó như là bức thông điệp của Lạt Ma Zopa Rinpoche gửi đến cho toàn thế giới. Nhạc sĩ Thiên ca Lê Minh Hiền thì biểu lộ lòng kính ngưỡng của mình đối với bảo tượng Phật Ngọc đức Thế Tôn bằng cách riêng của mình, đó là anh đã dùng những nốt nhạc sâu lắng, những ca từ thanh thoát để chuyển tải thành những khúc ca đầy đạo vị dâng lên cúng dường đức Phật và dành tặng cho tất cả mọi người trên khắp năm châu bốn biển này.

CD "World Peace Jade Buddha", (Phật Ngọc Hòa Bình), với những ca khúc như: Phật Ngọc Hòa Bình, Thắp Nến, Ánh Sáng Từ Bi, World Peace Jade Buddha...do anh sáng tác được thể hiện qua hai giọng ca nổi tiếng Thu Nga và Thanh Thúy cũng như Nhóm Nhạc Tuệ Đăng của vùng "Thung Lũng Hoa Vàng" là một tâm nguyện chân thành thì thiết nhất của người con Phật đối với đấng cha lành của muôn loại.

Những bản Thiên ca của Lê Minh Hiền kết hợp với sự hòa âm điêu luyện của Nhạc sĩ Bảo Chấn, cách design CD đẹp thi vị của Nguyễn Chính Hữu chắc chắn sẽ mang lại cho tất cả chúng ta một món quà âm nhạc tâm linh vô giá, làm vơi đi những lo toan khắc khoải của đời thường, sống thành thời, an lạc.

Xin trân trọng giới thiệu đến quý vị CD "Phật Ngọc Hòa Bình" của Nhạc sĩ Lê Minh Hiền.

Cầu nguyện ánh sáng từ bi trí tuệ của Ngài soi sáng cho tất cả chúng ta.

Thiện Long

Liên lạc:

Lê Minh Hiền Tel: (408) 914 0360 / (408) 509 4480 / (408) 360 9620

Email: leminhhien65@yahoo.com

Website: w.w.w.leminhhienmusic.com

PHẬT NGỌC HÌNH TƯỢNG VÀ THẬT TÁNH CỦA HÒA BÌNH, AN LẠC

Trần Kiên Đoàn

Đạo Phật là tôn giáo đầu tiên vượt thoát ra khỏi giới hạn tự chiêm nghiệm và đặt định của con người để vươn tới cõi bao la vô cùng, vô tận của thế giới tâm linh. Giới hạn tận cùng của các tôn giáo là một đấng Sáng Tạo toàn năng. Đời sống tâm linh của dân gian có phong phú đến mấy thì cuối cùng cũng gặp Ông Trời là hết. Sự minh triết tôn giáo có cao rộng đến mức nào thì gặp sự hiện hữu của Thượng Đế cũng chỉ còn là sự mặc khải giao phó.

Khái niệm Không Tánh tức Vô Ngã trong đạo Phật đã vượt qua mọi hình thái rào cản, mọi ý niệm đóng khung, mọi tên gọi giả tạm trong vòng khả năng quy ước của con người. Khi không có một tự thể nào tự nó là chính nó; là thường hằng, bất biến; là một cá thể uyên nguyên sinh ra một đối thể khác thì vạn vật không còn có tự tánh. Đó là một trạng thái hoàn toàn tự do nhưng tuyệt đối cô đơn. Sự cô đơn lung linh trong từng nháy mắt sinh diệt gặp gỡ, tiếp cận, tương tác, dính mắc với nhau thành "duyên" - Duyên khởi, rồi duyên hợp. Khi một hợp duyên đã khởi và đủ điều kiện chín mùi thì một đối tượng mới sinh ra.

"Em ơi! Nếu chiều hôm đó Sài Gòn không có cơn mưa mùa Hè bắt chợt thì làm sao chúng mình gặp nhau khi cùng trú mưa dưới một mái hiên bên hè phố. Nếu em không hoảng hốt làm rớt cặp sách xuống vũng nước để anh giúp em lượm lên và lấy áo sơ mi học trò lau khô, nếu trận mưa không kéo dài đến chiều, nếu xe đạp em không bị xi hơi cần anh mang vá giúp... thì làm sao ngày nay chúng mình thành vợ chồng?!" (Huyền Vũ. Mưa Sài Gòn, 1972). Đoạn văn của Huyền Vũ đã minh họa cho "duyên". Mỗi chữ "nếu" là một duyên khởi và mỗi duyên khởi hiển thị (việc thấy được) còn có vô số hợp duyên tiềm ẩn đã cùng tác động lên nhau để tạo thành một sự việc. Hai cô cậu học trò, cơn mưa Sài Gòn, mái hiên hè phố, cặp sách học trò... là những gì riêng lẻ, có một hình tượng tạm bợ và một tên gọi giả tạm bỗng nhiên đan kết vào nhau thành tình yêu, thành duyên chồng vợ. Và, nào ai biết được đỉnh hạnh phúc sau cơn mưa có thể kéo tới những bất hạnh, trái ngang dang dặc trong những năm tháng về sau vì Duyên chỉ là một ngọn sóng trong đại dương mênh mông của Nghiệp.

Trong một thế giới đầy biến hiện trùng trùng của Nghiệp và Duyên sinh khởi như thế, một khoảnh khắc dừng lại của suy nghĩ cũng không thể nào thật sự có được. Trong cơn mưa có hàng muôn vàn hình tượng, sự việc, ý nghĩ mất đi và hiện hữu quay cuồng như chong chóng. Sau cơn mưa, một thế giới mới bắt đầu. Sự bắt đầu, kết

thúc và tái sinh có thể còn nhanh hơn một phần nghìn của một cái nháy mắt. Mọi sự dừng lại và "cho rằng", thế này là quả thật có hiện tượng như thế này; thế kia là rõ mồn một như thế kia tức là không sống với dòng tồn tục lưu truyền mà đang chết. Đang chết là đang chấp vì chấp là níu cứng một điểm tựa mà mình tự cho là đáng tin cậy trong dòng cuồng lưu đang trôi chảy.

Hạnh phúc mà cũng là bi kịch của kiếp người bắt đầu từ hình tượng. Cảnh đẹp, lời hay, hoa thơm, vị ngọt, thân an, ý sáng cũng chỉ là những thuộc tính chủ quan của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Cảm thọ sướng khổ cũng thông thông qua lục tặc hay lục linh đó mà sinh khởi. Con nhím được khen con nhím cái "em có làn da mượt mà" cũng do cảm nhận chủ quan về hình tướng "tương thân, tương thọ"! Cho nên, đạo Phật là một cuộc hành trình của trí tuệ và tâm linh để xác định Tánh Thật qua Hình Tướng. Cuộc cách mạng trong tư tưởng Phật giáo là một sự phủ nhận hình tướng để khởi bị "chết chìm" vì sự dính mắc trong hình tướng. Không tánh chẳng phải là không có gì cả mà không phải là cái hình tướng mà người ta quen dựa vào để thấy. Hình tướng hiện ra "như vậy, như vậy" mà tánh thật thì "không phải thế, không phải thế". Phật dạy:

Thông qua hình tướng thấy ta,
Ấy thân tà đạo, chẳng là Như Lai.

Tượng Phật cao nhất thế giới tại Nhật

Thấy được thật tánh không phải là thông qua phương tiện định hình, mô tả mà bằng sự trải nghiệm, tu chứng của quán niệm, tuệ giác thiền định.

Đạo Phật đã trải qua 25 thế kỷ và một vạn thế hệ (nếu tính theo thời gian sinh ra và trưởng thành của mỗi thế hệ là 25 năm, một khoảng thời gian dài đủ cho quá trình khởi đầu và có được căn bản nhận thức tương đối độc lập). Nhưng từ trước đến sau, chỉ có một con đường nhất quán: Phá chấp! Thế giới Phật giáo có chủ thể và đối tượng hay Ngã và Pháp. Chấp Ngã hay chấp Pháp đều là nuôi dưỡng kiến "cho rằng..." đưa đến sự dính mắc mù quáng.

Đã có những thời kỳ khuynh hướng chấp pháp cực đoan làm chủ. Đó là những thời kỳ mà hình tượng lấn lướt thật tánh: Chùa tháp tự viện mọc lên như một xu thế trình diễn. Phật tử xuất gia cũng như tại gia chuyên quyền thế lực như một đạo quân hành nghề tôn giáo. Người nói pháp, giảng đạo nhiều hơn người hành đạo. Quả vị của sự tu hành trong những thời kỳ này không phải là năng lực hoằng pháp độ sanh mà là một sự



chạy đua về cơ sở vật chất, về danh vị tôn xưng, về quyền lực sở đắc. Giáo sư nhà Phật đã chứng minh rằng, đó là dấu hiệu của những thời điểm mặt pháp khi phải trụ vào giá trị hình tượng để làm điểm tựa cho thật tánh tâm linh như ở Ấn Độ ngay sau triều đại Asoka (304 – 232 BC); ở Trung Quốc cuối triều đại Lương Vũ Đế (502 – 549); ở Việt Nam sau triều đại nhà Trần (1225 – 1400). Đạo Phật bị thế tục hóa với màu sắc lễ nhạc mang tính chất trình diễn sân khấu. Trong những thời kỳ đó, lý Phật Đà cao thâm ngã dần sang màu sắc phàm tục, mê tín dị đoan. Tầng già không hòa hợp, chia phe kết hội chuyên quyền, khích bác lẫn nhau. Tứ chúng không đồng tu mà phân hóa thi đua “nói đạo” thay vì hành đạo và vô hình chung biến thành công cụ phục vụ chính trị, nung quyền cậy thế phàm trần.

Theo những nhà nghiên cứu lịch sử Phật giáo thế giới như Edward Thomas, Rupert Gethin, Walpola Ruhula... thì thịnh pháp và mặt pháp là những giai đoạn và thời điểm hưng vong của Đạo Phật xen lẫn nhau trong mọi thời kỳ; chứ không có một thời kỳ nào nhất định gọi là “mặt pháp” theo tài liệu tam sao thất bản được ghi lại như một lối biện minh cho nguyên cơ thoái trào và phân hóa Phật pháp trong những thời kỳ... “y như mặt pháp tới nơi”!

Dấu hiệu của một thời kỳ thịnh pháp không nhất thiết phản ánh qua hình tượng chùa to, tượng lớn. Ngược lại, sự xuất hiện rầm rộ của những hình tượng vật chất cũng chẳng phải là dấu chỉ của một đạo Phật đang hưng thịnh. Từ đó, những nhà nghiên cứu Phật học thường rất cẩn trọng và dè dặt khi cần phải dùng những con số cân, đo, đong, đếm về cơ sở vật chất, về tầng đoàn tu sĩ, về số lượng tín đồ để đánh giá một thời kỳ phát triển văn hóa Phật giáo.

Tuy nhiên, cũng theo nhận định của những sử gia tôn giáo thì sự xuất hiện của những công trình kiến trúc các tượng đài, chùa tháp, tự viện Phật giáo đồ sộ, mỹ thuật trên toàn thế giới từ giữa thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21 không phải là dấu hiệu của một thời kỳ mà đạo Phật vụt vào hình tượng. Nhưng đây là thời kỳ phát triển rực rỡ nhất của khoa học kỹ thuật tạo nhiều ưu thế cho việc xây dựng nên những công trình kiến trúc độc đáo, tân kỳ và đồ sộ là một “nhu cầu thời đại” mà tôn giáo nói chung không thể là một đối tượng đứng ngoài.

Năm 1993, tượng Phật A Di Đà cao nhất thế giới (Cao 120 mét. Trước đó, tượng Nữ Thần Tự Do ở Mỹ được xem là cao nhất thế giới cũng chỉ cao 93 mét) được xây dựng ở một ngọn đồi thuộc vùng Ushiku cách Tokyo, Nhật Bản chừng 100 dặm. Hòa thượng Yoshiyuki giải thích về sự “vĩ đại” của bức tượng này như sau: “Một pho tượng dù có tạc bằng chất liệu quý hiếm đến đâu hay có chiểu kích vĩ đại đến mức độ nào cũng không đáng để đem so sánh với sự cao cả thiêng liêng và vĩ đại của đức Phật. Thực sự, tôn giáo không tùy thuộc vào hình tượng bề ngoài để nói lên sự tương hợp với khả năng hiểu đạo, hành đạo và chứng nghiệm. Tuy nhiên, tôn giáo trong thời hiện đại

cũng có khuynh hướng coi trọng về hình thức bên ngoài làm cửa phương tiện. Vì thế, mục đích của chúng tôi là tạo nên một phương tiện tương đối gây được ấn tượng sâu đậm về sự quý báu trong lời dạy của đức Phật và khối lượng khổng lồ của giáo pháp, kinh điển nhà Phật”.

Cuối tháng 7 năm 2010, đại chúng và Phật tử Việt Nam có dịp quan chiêm tượng đức Quán Thế Âm tại chùa Linh Ứng, Bãi Bụt, trên vùng núi Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Đây là một tôn tượng Phật giáo cao nhất Việt Nam hiện nay – 67 mét. Nhưng tầm cỡ đồ sộ của hình tượng vật thể trong tôn giáo cũng chỉ ở vị trí rất khiêm tốn như Thầy Thích Tâm Ân đã so sánh: “Sẽ không có hình tượng vật thể nào có thể so sánh được với chiều cao, với bề rộng của đức tin và sự huyền nhiệm của tâm linh. Nếu rằng, từ mỗi đầu chân lông của kim thân đức Phật có muôn ức đạo hào quang và trên mỗi chấm hào quang có hằng hà sa số chư Phật thì biết lấy gì so sánh. Vì thế, trên đường hành đạo độ sanh của người học Phật và hiểu Phật thì tất cả chỉ là biểu tượng tương đối và tạm thời làm cửa phương tiện để đi vào đạo Phật. Dính mắc vào hình tượng tượng đài là biến phương tiện làm cứu cánh”.

Một hiện tượng thuộc về công trình khắc chạm, kiến trúc tượng đài của Phật giáo có tầm cỡ quốc tế đã xuất hiện gần đây và đang được cung nghinh luân lưu khắp thế giới là tượng Phật Ngọc. Một danh sư Tây Tạng, Lama Zopa Rinpoche, đã đặt tên cho tượng Phật Bích Ngọc là **Phật Ngọc cho Hòa Bình Thế Giới** (Jade Buddha for Universal Peace). Lịch sử vẫn tất về tượng Phật Ngọc như sau:

Năm 2000, tại Canada người ta khám phá một khối ngọc bích toàn vẹn nặng 18 tấn rất hiếm có. Năm 2003, ông Ian Green, một Phật tử người Úc đã mua khối ngọc và mang qua Thái Lan hợp đồng với công ty điêu khắc đá quý Jade Thong-tavee để khắc chạm khối ngọc bích thành tượng Phật. Sau 5 năm sưu tầm, nghiên cứu và thi công, tượng Phật Ngọc được hoàn thành vào tháng Chạp năm 2008. Ngồi tượng cao 2 mét 50, nặng trên 4 tấn và lượng giá 5 triệu đô la Mỹ.

Tượng Phật Ngọc khởi đầu trưng bày trước công chúng tại chùa Quán Thế Âm, Đà Nẵng vào tháng 3 năm 2009 và luân lưu trưng bày tại 5 chùa khác từ Bắc chí Nam trong vòng 2 tháng, trước khi được lưu thỉnh sang Úc. Tại Úc, tượng Phật Ngọc được lưu thỉnh tới 11 tự viện và trong số đó đã có 6 chùa Việt Nam tại Úc tự nguyện đứng ra tổ chức trưng bày. Tượng Phật Ngọc tiếp tục được lưu thỉnh sang Canada và Hoa Kỳ từ tháng 2 năm 2010 cho tới tháng 5 năm 2011. Theo dự kiến, tượng sẽ được tiếp tục cung thỉnh sang châu Âu, rồi trở lại châu Á năm 2012 trước khi nhập Đại Bảo Tháp Từ Bi Độ thế (Great Stupa of Universal Compassion) tại thành phố Bendigo, nước Úc.

Dẫu nhìn qua lăng kính nào đi nữa thì sự ra đời của Phật Ngọc là một duyên lành. Đó vừa là một tín hiệu, một thông điệp và cũng là một biểu tượng của Hòa Bình, An Lạc không màu sắc chính trị, không biên giới Đông Tây. Đồng thời đây cũng là “phương tiện môn” giúp mọi cá nhân và sắc dân Âu, Á, Úc, Mỹ, Phi có cơ hội hiểu nhau và tiến gần nhau hơn.

Sau gần một năm rưỡi được lưu thỉnh và trưng bày trên gần ba chục địa điểm từ Á tới Úc rồi sang Mỹ châu, tượng Phật Ngọc đã thu hút được gần 4 triệu rưỡi



Phật Ngọc cho Hòa Bình Thế Giới (trên)
Tượng Phật cao nhất thế giới tại Nhật (phải)



người đủ mọi sắc dân và tôn giáo trên thế giới đến quan chiêm, nhưng đa số là người Việt Nam cả trong và ngoài nước. Đồng thời, cũng có nhiều cảm tưởng từ nhiều nhánh, nhiều dòng chung quanh việc trưng bày Phật Ngọc.

Phía thuận dòng thì hết lời ca ngợi. Có lúc xem Phật Ngọc như là hiện thân của đức Phật tái thế với năng lực nhiệm màu, với hoa Mạn Đà La xuất hiện như hoa đăng.

Phía ngược lại thì cho rằng, sự tôn sùng và ca ngợi quá đà đã tạo ra một không khí sùng bái gần như mê tín dị đoan quanh Phật Ngọc. Bản chất và tác dụng của mê tín trong thời đại kinh tế thị trường là sự lẫn lộn giữa giá trị tâm linh thuần khiết và vật chất đối tác kinh doanh. Trong khi “Phật tại tâm” nên dấu Phật ngọc, Phật vàng, Phật đồng, Phật gỗ, Phật đất... cũng chỉ là phương tiện hình tượng như nhau; miễn sao giúp người khai thị được Phật tánh trong chính mình.

Nhưng đa số khách đến viếng tượng Phật Ngọc là những người đến quan chiêm hay chiêm bái thăm lặn. Họ không phát biểu gì cả nhưng lòng họ đã nói rất nhiều qua cảm ứng “đâm tâm” mà tự trong sâu thẳm lòng mình, ai cũng có.

Đức Phật đã nhìn mọi sự trong vũ trụ và thế gian đều là Pháp: Pháp thế gian và pháp xuất thế gian. Pháp xuất thế gian nhìn qua tuệ giác của các bậc chứng ngộ là cái nhìn thấu suốt Thật Tánh, nhất nguyên: mỗi hạt bụi đều có chứa tam thiên đại thiên thế giới và ngược lại, nên mọi hình tượng cũng chỉ là ảo ảnh như hoa đốm giữa hư không. Pháp thế gian thì nhìn qua hình tượng nên chấp ta chấp người, chấp không chấp có. Đức Phật nhìn thấu suốt bản chất thế gian nên đã đưa ra tám vạn bốn ngàn pháp môn và hằng hà sa số phương tiện để đối trị. Bởi vậy, nhìn đạo Phật qua pháp thế gian thì Phật giáo vừa duy tâm, duy linh, duy thần mà cũng vừa là duy vật vô thần. Câu hỏi đầu tiên khi thế giới phương Tây nhìn về Phật giáo là: “Phật lý là một tôn giáo hay một triết lý”? Câu trả lời quá rõ ràng, rằng là, Phật Đà vừa là một tôn giáo, vừa là một hệ thống triết lý. Khi nói đến ba

đời, mười phương Phật thì Phật Đà là một tôn giáo. Khi nói đến Phật Tánh có sẵn trong mỗi chúng sanh và vạn pháp thì Phật Đà là một hệ thống triết lý.

Nhưng tại sao lại phải nói gì gì những chuyện cao xa trong khi cuộc sống trước mắt đang tìm cầu an lạc. Sự an lạc không nằm trong chữ nghĩa xa vời mà đang nằm lặng lẽ khắp nơi và chính trong ta. Nếu tượng Phật Ngọc mang đến hòa bình an lạc thì bởi vì đó là một tín hiệu tỏa chiếu năng lượng lành. Một hình tượng nhắc nhở cho người tiếp cận gắng quay về với thế giới hoà bình và suối nguồn an lạc có sẵn trong mỗi người.

Có chăng sự màu nhiệm và linh thiêng của Phật Ngọc như một phép lạ? Đạo Phật phủ nhận phép lạ như một sự cứu rỗi, bởi vì thần thông, phép lạ đều không giải trừ được Nghiệp mà chỉ cần có cái tâm buông dao là có khả năng thành Phật. Sẽ không có một tiêu chuẩn nào để xác định hay đánh giá mức độ linh hiển của hình tượng mà “linh tại ngã, bất linh tại ngã”. Mỗi người có một ngọn đuốc riêng để tự thắp sáng mà nhìn. Khi ngọn đuốc đó cháy sáng trong tâm sẽ thành tâm tuệ. Tâm tuệ cảm ứng Phật Ngọc bằng trực giác, không lời.

Từ đầu năm 2010, tượng Phật Ngọc đã từ Úc sang Mỹ, Canada. Các chùa viện, Phật tử Việt Nam tại Mỹ đã luân lưu cung thỉnh tượng Phật Ngọc vòng quanh các thành phố có đông người Việt. Mùa Vu Lan năm nay, tượng Phật Ngọc đang trên đường đến vùng Bắc California. Hai địa điểm chính tổ chức lễ cung nghinh và trưng bày tượng Phật Ngọc cho đại chúng và Phật tử đến viếng ở quanh vùng là:

- Từ 17 đến 29 tháng 9 năm 2010: Tịnh Xá Ngọc Hoa. 766 S. Second Street. San Jose, CA 95112. Điện thoại: 408-295-2436.

- Từ 02 đến 17 tháng 10 năm 2010: Chùa Kim Quang. 3119 Alta Expressway. Sacramento, CA 95825. Điện thoại: 916-481-8781.

Sacramento, mùa Vu Lan 2010
Trần Kiên Đoàn



ÔNG VUA QUÉT ĐƯỜNG

Hoàng Mai Đạt

Tựa của bài viết này đến với tôi gần ba năm trước, đến rồi ở lại, ở luôn trong đầu, nhẩn nha, đùa giỡn, không chịu rời đi nơi khác, lại còn thách tôi hãy nặn óc để viết một bài tạp ghi với cái tựa "trên trời rơi xuống" như vậy. Thịnh thoảng một vài hình ảnh, ý tưởng, hoặc một câu nói nào đó bất chợt khởi lên trong lúc tôi đang lái xe, cắt cỏ, ăn cơm, rửa chén, tĩa cây, hay đang nài lưng viết tin để kiếm sống, khiến tôi đuổi theo tâm tưởng ấy như muốn nhìn ngắm một cánh bướm lạ vừa bất chợt ghé ở sân sau trên một hành trình muôn dặm.

Vợ tôi đã quen với lối suy nghĩ lan man của chồng, tặc nói chưa hết câu bỗng quay sang ý khác, có khi ngồi im lặng như không biết có người khác đang ở chung phòng. Đối với đám ba người bạn còn sót lại ở cái tuổi mà tôi đang dần bước độc hành xa hơn trong miền rừng núi của nội tâm, và không chừng đã đi lạc, tôi e họ thấy tôi sao bất lịch sự hoặc có tâm lý bất thường. *Nên cho hẳn uống vài viên thuốc an thần, chứ mấy chai bia chắc chắn không đủ để giữ chân hẳn ở nhà, không chừng hẳn lại lang thang dưới phố Bolsa vung tay nói lảm bảm một mình như một ông điên.* Phố Bolsa đã có nhiều ông, và bà, như vậy. Thêm tôi không chắc mấy ai biết.

Hầu hết những tâm tưởng rơi vào đầu thường biến mất sau một thời gian ngắn, có khi nhanh trong tích tắc khiến tôi không kịp viết xuống để đưa vào một bài viết, và nếu có vương vấn thì cũng dài lắm là một hoặc hai ngày. Sau đó tôi quên phứt, ráng nhớ lại cũng không thể nào tìm ra, khó như kiếm một chiếc lá trong muôn vàn chiếc lá từng bay ngang khung trời viễn mộng. Vậy mà "Ông Vua Quét Đường" đã ở lại với tôi quá lâu, ở lì như một món nợ từ kiếp nào, thúc bách tôi phải quan sát, nhìn ngắm nó trong một thế giới tưởng thâm lặng mà luôn rộn rập với những cơn bão của xúc cảm biến hóa thành những đám mây đen bất tận. Mỗi lần trở về từ cõi sóng gió, tôi liếc thấy "Ông Vua Quét Đường" vẫn bám sát đằng sau lưng như muốn theo dõi tôi ở một góc phố trong đêm khuya vắng. Dù được thương hay ghét, "nó" cũng đeo sát tôi.

Mà phải chi cái tựa này đẹp như một cô gái xinh xắn thì nó muốn ở với tôi bao lâu cũng được, có sao đâu, tôi còn yêu đời và yêu... người mà. Đẳng này nó như một gã vô gia cư hôi hám, từ đâu leo vào tâm trí tôi và dựng lên một cái chòi để ở tạm mấy... trăm đêm. Nói nó xấu xí thì cũng quá đáng, gây thêm tội không chừng. Thật tình, vì không xóa tan được nó trong đầu, nghĩ hoài không ra một vài biết với cái tựa đề từ trên trời rơi xuống ấy, nên tôi đâm ra bực mình, quạu quọ, gằn cho nó một hình thù không được đẹp. Tôi loay hoay mà không biết cách nào để "đuổi" nó đi nơi khác.

Nó "nhảy" vào đầu tôi trong một buổi chiều mùa đông trên đường lái xe từ tòa soạn về nhà. Công việc hôm ấy cũng gây mệt mỏi như mọi ngày, nên tôi mở nhạc ngay sau khi nổ máy xe và chờ nghe một nhạc khúc nào đó trên đoạn đường về nhà từ phố Bolsa. Hầu như lúc nào cũng vậy, nghe nhạc giúp cho tâm tư tôi được nhẹ hơn, với bớt những ưu phiền chồng chất từng

ngày. Có khi nghe nhạc giúp trí tưởng tượng của tôi được tung bay trên bầu trời xanh vô tận, như những cánh chim vừa được phóng thích bay lao xao ở một sân chùa.

Chiều hôm ấy tôi vận trúnng một đài nhạc trẻ nào đó mà tôi không nhớ làn sóng. Một ca khúc trở lên với nhịp điệu hùng mạnh mà lời hát lại nghe như than trách bi ai. Ở Mỹ mấy chục năm mà khả năng nghe nhạc tiếng Anh của tôi vẫn kém lắm, không hiểu hết ý nhạc muốn nói lên điều gì, chuyên chở một thông điệp nào chẳng. Nhưng mà tôi cảm được giọng hát xót xa của một nam ca sĩ, và nhớ hoài đoạn đầu của bài hát thời thượng mà sau này tôi được biết là bài "Viva La Vida" của nhóm Coldplay. Đoạn mở đầu của ca khúc ấy có mấy dòng mà tôi tạm dịch như sau:

*Ta từng thống trị thế gian
Đại dương phải dậy sóng khi ta ban lệnh*

Giờ đây mỗi buổi sáng ta nằm ngủ một mình

Quét những con đường mà ta từng làm chủ.

Lời nhạc dẫn dắt trí tưởng tượng của tôi "tung bay" lên cao, dáo dác tìm phương hướng ở trên cao, xong cúi xuống và chợt nhìn thấy một ông vua đang lăm lăm cầm chổi quét đường vào một buổi sáng tinh sương. Ông vua này có vẻ buồn bã trước cảnh đời ở một thời nào đó. Tay quét rác mà mắt thần thờ nhìn lại sau lưng. Hình ảnh ấy bám riết ở trong đầu, khiến tôi quyết định phải viết một bài với cái tựa "Ông Vua Quét Đường" như để trả nợ cho được yên thân.

Thế nhưng muốn viết cũng đâu phải dễ. Tôi thường mở một bài viết dựa trên một ý tưởng mông lung, xong để ngồi bút (hay đúng hơn là phiếm đánh chữ) bay nhảy tùy hứng trên những cành lá đến một phương trời mà lúc khởi đầu tôi không hề biết. Khi đặt dấu chấm ở cuối bài, tôi mới quay về điểm khởi hành, suy ngắm tìm một cái tựa "hay hay" cho bài viết. Lần này thì ngược lại, tôi đã có sẵn một cái tựa mà không biết phải "sáng tác" như thế nào để có một nội dung phù hợp với cái tựa ấy. Khó như có sẵn một bộ áo để mặc mà không biết phải bóp thắt cơ thể mập ù, đầy rẫy những lớp mỡ như thế nào để lọt vừa bộ áo đó.

Thế rồi tôi khất lần từ ngày này sang ngày khác, tuần nọ qua tuần kia, chờ đợi một ngày thật sự thành thời cả thể xác lẫn trí óc để có thể ngồi vào bàn viết. Lười như vậy nên tôi bị mấy bạn văn chê như thể khuyến khích, mà không chừng là chê thật, rằng tôi viết thưa thớt, không đều tay, sáng tác yếu quá, biết đến bao giờ mới có một tác phẩm mới cho bà con đọc giải trí giữa giờ làm việc, hoặc trong phòng vệ sinh. Bài viết của tôi thường rất ngắn, bạn có thể đọc hết trong vòng mười-lăm phút xong trở vào để đấu đá tiếp với chủ hoặc đồng nghiệp. Họ trách cũng phải. Nhưng viết siêng hơn thì tôi không làm nổi, vì những giới hạn mà tôi chưa thoát ra được. Chuyện cơm

áo, trách nhiệm đối với những người thân, sức khỏe không còn sung mãn như hai mươi năm trước, lúc nào cũng dường như thiếu ngủ. Biết vậy nhưng tôi vẫn thiết tha với viết lách như thể nhận ra đó là ngọn nến duy nhất mà tôi có thể thắp lên để soi đường tìm lối trong một miền rừng tăm tối đầy những cám dỗ của dục vọng.

Ý tưởng "Ông Vua Quét Đường" đến đúng lúc tôi đang xoay sở trong một giai đoạn chuyển tiếp giữa hai công việc, không thể dành thời giờ để rong chơi với ý tưởng đó và giúp nó thành hình trên những trang giấy. Khi ấy tôi vừa rời bỏ những thói quen cũ ở đài Little Saigon Radio, đang tập những thói quen mới ở nhật báo Người Việt. Thời buổi này người ta "được" hoặc "bị" đối việc xảy ra thường như cơm bữa, trường hợp của tôi cũng không khác hàng triệu công nhân xưởng điện tử, nhân viên các ngân hàng, những cô làm móng tay, mấy anh bán xe. Tuy không kinh khủng như cuộc đời sau năm 1975 của người tị nạn Việt Nam trên xứ Mỹ, tôi cũng bận tâm không ít về sự thay đổi trong công việc hàng ngày cũng như sự điều chỉnh tâm trạng thích ứng của chính mình.

Chuyện viết báo xem ra là chuyện dễ thích ứng nhất, từ viết tin cho người ta nghe trên làn sóng phát thanh chuyển qua viết tin cho người ta đọc trên trang giấy. Kỹ thuật viết có khác, như sửa xe du lịch khác với sửa xe vận tải, nhưng rồi đầu cũng vào đó, cũng cầm mấy cái cây mồi lết để vận mấy con ốc, siết cho cầu vẫn được ngắn gọn, khòm lụng cong như chữ C chúm vào đầu máy, lúi húi đọc mấy bản tin ngày tám tiếng rồi cũng xong việc, mỗi tháng hai lần cầm tiền lương trao cho với niềm hãnh diện của một người lao động lương thiện.

Có điều làm việc ở các cơ sở truyền thông mang đến cho tôi một cái nhãn hiệu mà tôi không thoải mái cho lắm mỗi khi nghe người khác giới thiệu về mình: nhà báo. Tôi chỉ là một "thợ viết," sang lắm là "người viết," chứ "nhà báo" thì hách quá, tôi không dám nhận. Khi nào có anh thợ sửa xe được gọi là "nhà sửa xe" thì tôi sẽ nhận cái mác "nhà báo" để đeo trên cổ áo như người ta đeo lon trong quân đội. Tôi viết tin, không muốn chen chân vào một chiến địa tuy không có tử thi mà vẫn tanh mùi máu của sự chém giết bằng ngòi bút, đầy rẫy những thân người chết đi sống lại trong một cuộc xô xát triền miên của sân hận.

Nãy giờ viết lãng sang chuyện khác, một phần cũng để chia sẻ nỗi niềm của một người viết tầm thường như tôi bị lưu đày giữa chợ viết lách. Tôi vốn có bản chất thích sống thâm lặng, tránh nơi ồn ào, ngay cả tiệc tùng của bạn bè tôi cũng né nếu né được. Bản chất này nảy nở trong tôi có lẽ xuất phát từ thời niên thiếu lớn lên giữa chợ ở Nha Trang. Thuở ấy hầu như ngày nào tôi cũng nghe người ta ăn thua đủ trong công việc mua

bán, trả giá, chứng kiến cảnh trộm cắp, cãi nhau, đánh nhau, nên tôi rất chán ngán cảnh chợ. Hạnh phúc nhất thời ấy là lúc mẹ tôi thuê được một căn nhà ở xa khu chợ, nơi hai anh em tôi được bảo bọc giữa bốn bức tường với một vườn cây tươi mát. Thế nhưng ba mẹ con sống trong căn nhà thuê ấy chỉ được vài tháng trước khi chúng tôi phải trở về quán chợ.

Với chút khả năng viết lách, tôi bước vào nghề viết tin cho đài phát thanh một cách tình cờ qua lời giới thiệu của mấy người từng biết tôi viết tin cho báo. Một chút tình cờ thôi mà cũng kéo dài hơn 13 năm. Thích nơi yên tĩnh, tôi chọn bàn viết ở trên lầu sát bên cửa sổ khi đài phát thanh còn đặt trụ sở ở Santa Ana. Các xưởng ngôn viên, chuyên viên âm thanh, thư ký và khách đến thăm đài đều sinh hoạt ở tầng dưới, vui nhộn hơn so với tầng trên nơi chỉ có mấy cái bàn và dụng cụ văn phòng. Đến khi có thay đổi trong nhóm chủ đài, và đài dọn về gần khu phố Bolsa, tôi tìm nơi ẩn cư trong một góc phòng tận cùng phía sau cơ sở. Khách khứa và thân chủ của đài thường tụ tập, họp bàn ở phía trước, ít khi ghé phía sau, nên tôi cũng được yên thân trong mấy năm.

Không chỉ xa nơi "phồn hoa đô thị," bàn làm việc của tôi cũng nằm cạnh cửa sổ, giúp tôi có những phút nhìn ngắm trời mây bên trên bãi đậu xe để bớt căng thẳng sau khi đọc những bản tin thời sự. Mỗi ngày tôi giao tin bốn lần, thường chạy tắt tà trong hành lang từ tầng sau ra phía trước của đài, để giao tin nóng hổi như khoai mới luộc cho xưởng ngôn viên kịp giờ đọc "on-air." (Sống ở Mỹ đã lâu mà tôi vẫn thèm ăn khoai luộc như trong những ngày mưa bão ở Nha Trang). Khỏi nói, những lúc ấy tim tôi đập bình bịch, áp huyết tăng cao như người chạy đua ở Thế Vận Hội. Giao bài xong tôi mới dám bước chậm rãi trong hành lang quanh co, lấy lại nhịp thở và chuẩn bị cho ca giao tin kế tiếp. Thính giả thường chờ đợi một bản tin "vui vui" cuối cùng trong phần tin tức. Cho dù cuộc sống cá nhân đang vui hay buồn, đang yên ổn hay có sóng gió, tôi luôn cố gắng viết một vài tin vui cho họ mỗi ngày, như đền đáp cho thời gian mà họ dành nghe đài của chúng tôi. Biết vợ con có một mái nhà để trú thân, tôi không quản ngại mỗi lần bợ phờ lái xe rời đài, nằm trên giường còn nghe cơn đau tụ



ảnh : Chi Giác Thông
www.phapamthuongchuyen.com





lại ở trong lồng ngực. Thương hay ghét tôi không thể buông bỏ công việc.

Để cho ngày làm việc bớt chán ngán, tôi treo trên tường sau lưng những tấm ảnh ghi lại những nơi mà gia đình tôi đã nghỉ hè. Làm việc suốt một năm, kể cả những ngày lễ như Giáng Sinh và Tết Nguyên Đán, tôi chờ đợi hai tuần nghỉ hè để lái xe đi thật xa, xong hí hửng mang về vài tấm ảnh để treo trên tường. Mỗi lần mệt mỏi với công việc, tôi ngước nhìn những bức hình kỷ niệm như muốn sống lại những giây phút bình an mà vợ chồng từng có ở những nơi xa khu phố Little Saigon. Kìa là hình vợ con ở bãi cát San Elijo gần San Diego, đó miền núi nham thạch Lava Lands ở Oregon, đây vực Bryce ở Utah, này núi Rockies ở Colorado, công viên quốc gia Yellowstone, Yosemite, Grand Canyons, dòng sông Eel ở Bắc California, bãi biển Cambria, núi Shasta, hồ Crater, núi lửa Lassen, khối đá giữa vịnh Morro Bay, và hàng trăm thị trấn không được chụp hình nhưng có dấu xe lăn của chúng tôi ở khắp miền tây nước Mỹ.

Một niềm vui khác mà tôi tìm được ở đài là trong giờ ăn trưa. Tôi thường mang cơm ra ăn ở một gốc cây olive nằm giữa một khoảng đất hẹp, kín đáo bên hông đài. Mặc dù nhiều xe cộ luôn chạy ngang trên con đường Brookhurst phía trước đài, với nắng gắt tràn ngập bãi đậu xe ở phía sau, khoảng đất với một gốc cây olive sần sùi, lờm chờm những chồi cây đâm bừa bãi thiếu sự chăm sóc, đã cho tôi những giây phút yên tĩnh nhất trong giờ đi làm. Tôi có thể ngồi cả buổi trong bóng mát của cây olive mà không gặp một ai. Từ một gốc to hơn một vòng tay ôm, cây olive chia thành ba thân lớn mọc chia lên cao. Trong khu văn phòng này người ta trồng nhiều cây cao có bóng mát ở chung quanh, nhưng chỉ có một cây olive duy nhất lại không được tia tước. Mặc dù không nói chuyện với cây olive (khi ấy chưa diên nặng), chỉ lẩm bầm trong những lúc bị căng óc, tôi thường chia sẻ nỗi niềm với nó qua bàn tay sờ sẫm trên thân lớp vỏ xù xì, bị tróc lác nham nhở. Sau bữa ăn, tôi thường đứng vịn tay vào thân cây ngó lên trời xanh như muốn vươn bay trên cao, hay ngồi bên cạnh gốc cây, và gọi điện thoại nói chuyện thì thầm với vợ, chờ đón những lời khích lệ để tiếp tục công việc cho đến chiều tối.

Trong khi tôi cố gắng an phận ở một góc phòng mà vài người bạn mô tả nhẹ nhàng là một "cái am" hoặc nặng nề là một "cái xó" nằm ở phía sau đài, người ta tranh đua ác liệt ở

phía trước, như cảnh bát nháo mà tôi từng thấy ở xóm chợ năm xưa. Trong "đại gia đình" của chúng tôi, người lấy quảng cáo cãi cộ người lấy quảng cáo, xưởng ngồn viên chen ép xưởng ngồn viên, giới quảng cáo lẫn lướt xưởng ngồn viên, và ngược lại. Ấy vậy mà "đại gia đình" cũng làm được nhiều việc tốt cho cộng đồng, dù trong ruột lăm lăm tan nát như một chiếc xe có dàn đồng tốt mà động cơ lại cầm ba, bốn tay lái, ai muốn đi hướng nào thì queo hướng đó. Thương hay ghét tôi cũng ráng ngồi yên trên chiếc xe của "đại gia đình," tránh không bị chóng mặt trong lúc xe đang chạy lòng vòng.

Thế rồi một ngày kia cuộc đời của người viết tin thường chạy-huỳnh-huỵch-trong-hành-lang-đợi-giờ-ăn-trưa-đề-ra-gốc-cây-olive-ngồi-tâm-sự-với-vợ cũng chuyển qua một giai đoạn khác. Một buổi chiều thứ Sáu giữa mùa thu, nắng hoàng hôn ửng màu cam hồng sắp tắt ở chân trời bên kia bãi đậu xe, một anh nhân viên trẻ đến cạnh bàn nói, "Họ muốn gặp chú ở phòng trên."

Như biết trước, tôi đánh nhịp tay trên bàn vài lần xong rời "cái xó" bước vào một hành lang mà thường ngày tôi vẫn chạy như giặc mỗi khi giao tin cho xưởng ngồn viên. Tôi đi chậm rãi như cần thêm thời giờ duyệt lại những diễn biến trong mấy ngày qua, để biết chắc mình đã suy đoán đúng. Làm việc với nhau nhiều năm giúp cho người ta biết ý mà không cần nói, như vợ không cần giải thích chuyện sắp làm mà chồng cũng hiểu. Từ hôm thứ Hai đầu tuần, tôi đã linh cảm có chuyện bất thường sắp xảy ra cho tôi. Thường ngày vài người trong nhóm giám đốc vẫn rón rảng khoe chuyện với tôi, mấy bữa nay lại im re, tránh ánh mắt mỗi khi chúng tôi đi ngược chiều trong hành lang; một ông giám đốc còn lịch sự quá đáng, đứng giữ cửa phòng vệ sinh khi thấy tôi đang bước tới. Lúc trước làm gì có chuyện đó. Thành thử đến chiều thứ Sáu hôm ấy tôi gần như biết chắc chuyện sắp đến trong căn phòng đóng kín cửa của một giám đốc.

"Cám ơn Đạt đã giúp đài trong những năm qua," một trong các gia chủ của "đại gia đình" vừa nói câu đầu tiên vừa xem phản ứng của tôi.

Sao lại "cám ơn?" Tôi thắc mắc mà không tiện hỏi. Tôi ngồi thẳng, không dựa vào lưng ghế như trong những lần vào đây để bàn bạc chuyện của đài. Vị giám đốc dò hỏi rằng nếu không viết tin thì tôi có cách nào để sống hay không. Tôi lắc đầu, nói thật rằng giấy phép hành nghề địa ốc của tôi không giúp ích gì trong lúc thị trường đang bị suy sụp, người bán nhà thì nhiều mà người mua không có, viết tin vẫn là nghề chính kiếm cơm. Nghe nhắc đến thị trường nhà đất, vị giám đốc vịn vào đó và nói rằng quảng cáo cho đài cũng bị giảm, lợi nhuận không khá như trước, cần cắt giảm nhiều thứ.

Thấy vị ấy còn chần chừ, nói vòng vo thêm về chuyện đài cần tiết kiệm chi phí, tôi hỏi thẳng, "Vậy hôm nay là ngày làm việc cuối cùng?" Tôi thấy một cái gập đầu thật nhẹ, miên cưỡng. "Còn những ngày nghỉ hè chưa dùng thì tính sao?" tôi hỏi tiếp, hy vọng có chút tiền cầm cự thêm vài tuần.

"Bên kế toán sẽ giải quyết ngay chiều nay," người ấy trả lời nhanh như muốn dứt ý với một thông điệp khó nói nhưng cần nói. Vậy là chuyện của tôi đã được "giải quyết ngay chiều nay" sau mười mấy năm chung sống.

Vốn là kẻ không nhiều lời, mà thấy họ đã bàn tính xong với nhau, không còn gì

để bàn cãi cho dù ngân sách không chắc là lý do chính, tôi đứng dậy toan bước ra ngoài. Vị giám đốc bỗng hỏi, "Khi nào đài cần thì Đạt làm tạm vài ngày mỗi tuần được không?"

Người ấy đưa ra một giá thù lao mà tôi nhắm tính chỉ bằng nửa tiền lương tôi đang nhận, lại không có bảo hiểm, không có một "benefit" nào hết. Tôi không hiểu sao họ đề nghị một giá lương thấp như vậy, kiểu như vợ chồng vừa ly dị xong thì ông chồng bỗng hỏi, "Thỉnh thoảng em cho anh ghé nhà "chơi" một cái có được không, đỡ tốn công cãi nhau mà vẫn đáp ứng nhu cầu?"

"Để về tính lại," tôi đáp thay cho một lời cuối mà tôi không biết phải nói sao trong lúc ráng bước ra cửa một cách bình tĩnh sau khi bị mấy cú đấm suýt té xuống sàn nhà.

Có lẽ trong đời tôi chưa bao giờ nghe rõ bước đi của mình như lúc trở về bàn làm việc chiều hôm ấy. Ngày đó cũng là lần đầu tiên trong mười-ba năm tôi mặc một áo lạnh có nón trùm đầu đến sở làm. Cuối tuần trước vợ chồng chúng tôi đã lái xe lên Bắc California, tìm lại những kỷ niệm ở một khu chung cư cũ và mấy dãy phố xưa tại Marysville. Thời tiết ở miền bắc lạnh hơn ở Quận Cam rất nhiều, mà tôi lại quên mang theo áo lạnh trong lúc vội vàng rời Bolsa để tìm những giây phút thư giãn, nên đến Marysville vợ chồng tôi liền vào một tiệm tạp hóa Walgreen để tìm một chiếc áo ấm giá rẻ. Tôi chọn ngay một áo "hood" màu xanh lá cây, vừa mặc cho ấm lúc dạo bộ hồ vào một buổi sáng mùa thu, vừa có một món quà lưu niệm thực dụng của một chuyến đi cuối tuần. Đến ngày thứ Sáu sau đó thời tiết ở Quận Cam cũng lạnh, nên tôi chọn khoác chiếc áo trùm đầu với quần jeans đi làm thay vì mặc một bộ y phục chỉnh tề như mọi ngày. Không lẽ vì mặc áo mới này mà mình bị xui? Bị người ta đuổi việc? Tôi muốn trùm nón áo che kín đầu như một tu sĩ nhà dòng, nhưng rồi chỉ thọc tay trong túi áo, nghĩ vẩn vợ trong lúc bước về bàn ở trong "xó."

Mấy phút sau tôi loay hoay một mình trong cái "xó" ấy, tìm một thùng giấy để đựng mấy món tài sản riêng tư cần mang về nhà: vài cuốn tự điển - vũ khí cần thiết cho nghề "dziết tin" của tôi, dăm cây viết mực, một cuốn sổ, một hộp trà xanh. Một ông sếp cấp thấp ngồi chung phòng đã biến đâu mất từ hồi trưa, như muốn tránh thấy tôi trong giây phút tàn cư tang thương ở đoạn chót của một cuộc chiến. Tôi lúi ra dưới gầm bàn hai thùng giấy lớn gấp đôi hộp đựng giày được cất giữ trong nhiều năm. Hai thùng này lưu trữ những tài liệu, những bài báo liên quan đến cộng đồng người Việt. Thời mới viết tin cho đài, phương tiện Internet chưa phổ biến nên tìm tài liệu rất khó. Tôi cất xén những bài báo được viết bằng tiếng Anh cũng như tiếng Việt, và cất trong hai thùng giấy năm dưới gầm bàn, chỉ cần đá một cái là biết kho tài liệu quý giá vẫn còn đó mặc dù sau này tôi không còn mở ra xem thường như lúc trước. Cùng với một mớ giấy tờ khác, hai thùng giấy được tôi ôm ra bãi đậu xe và thả vào một thùng rác lớn. Trong bóng chiều nhá nhem,

một giám đốc đã tránh nhìn khi thấy tôi bước gần thùng rác. Ông quay lưng trước khi ngồi vào một chiếc Mercedes trắng, chuẩn bị lái xe chờ vợ rời đài. Cũng không còn gì để nói sau mười mấy năm chung một con đường. Tôi quay nhìn gốc cây olive trong khoảng đất hẹp. Trong bóng tối của một buổi chiều vừa tắt nắng, tôi đắm chiêu quan sát gốc cây một hồi lâu như muốn nhớ hết những chi tiết trên thân thể của người bạn già chỉ biết lắng nghe, trước khi ngoảnh mặt đi nơi khác và biết khó có ngày về để gặp lại nó.

Trở lại cái "xó," tôi thoáng nghe một chút ngậm ngùi khi tháo gỡ những tấm ảnh mà tôi từng treo trên tường. Mấy bức ảnh lưu niệm của những ngày nghỉ hè đã giúp cho tôi có thêm sức chịu đựng để phấn đấu trong những giai đoạn khó khăn nhất. Đài trải qua nhiều đổi thay trong hơn một thập niên tôi ngồi trong cái am. Như một đứa trẻ năm tuổi ăn trưa trong lúc bị mấy tên lớn xác bắt nạt ở trường học, tôi từng ghi chặt việc làm, không buông tay trong những lần bị áp lực phải thay đổi tính độc lập của tôi. Cuối cùng tôi cũng bị đẩy ra khơi như các thuyền nhân trong cơn biển loạn sau năm 1975.

Công tác dọn dẹp để "ra khơi" diễn ra nhanh hơn tôi tưởng. Trong vòng hai-mươi phút tôi dọn hết những giấy rác, bỏ vào thùng những gì cần mang về nhà và tháo mấy tấm hình. Trước khi tắt máy điện toán một lần cuối, tôi viết một thư email gửi lời giã từ vợ và đến các đồng nghiệp còn làm việc cho đài ở Quận Cam, San Jose và Houston. Thứ Sáu hôm ấy là ngày 9 tháng 11, nên tôi viết đùa rằng đó là biến cố 9/11 của đời tôi. Một ngôi tháp của niềm tin ở trong tôi đã sụp đổ mà mãi đến sau này tôi mới biết thương quý sự tan vỡ trong cuộc đời. "Ông Vua Quét Đường" đã giúp tôi nhận ra điều đó mà tôi sẽ viết sau.

Giữa lúc đang "rút quân" tương đối có trật tự như vậy, tôi cũng gượng cười được một lần để rồi thấy được sự trở trêu trong cuộc sống. Một cô xưởng ngồn viên làm việc ca đêm bước vào phòng toe miêng cười đúng lúc tôi đang tháo mấy bức hình ở trên tường. Cô ấy nói lớn như muốn thông báo sự có mặt của mình ở trong phòng, "Thấy anh Đạt là vui. Anh lúc nào cũng cười, không vui sao được. Ha! Anh đang vui phải không?"

Lời chào rộn ràng khiến tôi phải nhanh tay lột một khuôn mặt mà chắc là rất buồn bã và bí xì của mình lúc ấy, để trở về với một nụ cười tươi tắn mà tôi luôn dành cho mọi người từ lúc bước vào sở. Biết ai cũng phấn đấu để làm tròn công việc ở một nơi mà những cá tính thường va chạm, dễ bùng nổ, tôi cố tìm một lời khích lệ vui để nói hoặc mỉm cười vu vơ cho không khí bớt căng thẳng. Đôi khi tôi xem đó như một bốn phận để giúp mọi người và cho chính tôi được sống qua một ngày mà không gây hại cho ai. "Còn thấy nhau là vui chứ," tôi đáp lớn với một nụ cười để cho cô xưởng ngồn viên vui lòng trước khi cô quay gót lao đầu vào những trách nhiệm nặng nề ở phòng phía trước.

(còn tiếp một kỳ)



BÓNG MÁT

Ngô Kỳ Diệp

Mắt mẹ đời con như lá úa
Xuân về con ngỡ xuân chưa sang.
Xuân về xuân của riêng thiên hạ
Con mắt xuân rồi đâu có xuân.

Minh Viên

Từng cơn gió bắc thổi qua lớp phen mỏng lùa vào trong chăn, mang theo cái lạnh tê buốt trong mùa biển động. Nó giật mình thức dậy trong bộ đồ mỏng và nhiều chỗ. Người nó run lên, đôi môi tím dần, hai hàm răng đánh khớp vào nhau cầm cập không ngừng. Ngoài khơi biển từng cơn sóng lớn đục ngầu lao vội vã vào bờ như phá tan màn đêm tăm tối. Con Mực nằm co ro nơi góc nhà bác Năm bỗng tru lên một hơi dài thật dài rồi tắt lịm sau lần chớp sáng rực góc trời tây. Những tia chớp lập lờ, ẩn hiện đuổi nhau trên không bỏ lại đằng sau những âm thanh vang rền ghê rợn.

Trời trở gió mạnh. Mưa ào ạt trút xuống. Cây đôn xóc trần miêng phen nhỏ sau hè bấp bị gió vật ngã va vào thành ảng làm chiếc gàu sắt rơi xuống kêu choảng lên một tiếng. Nó hốt hoảng ngồi bật dậy vớ lấy cái nón lá đội lên đầu rồi chạy ra ngoài xem chừng cái ảng nước bị bể không. Cái ảng nước nhỏ xài đã lâu năm, cát sạn bên trong bắt đầu rã ra từng hạt động dưới đáy. Nó quý cái ảng này hơn bất cứ vật gì khác vì năm xưa chính tay mẹ nó xin xi-măng về làm lấy. Lần chớp ngoằn ngoèo nhoáng lên soi rõ cái ảng nước còn nguyên.

Vào đứng nơi xó bếp một chập, nghĩ rằng, nó lại chạy ra nghiêng cái ảng cho nước chảy rồi gắng sức lần dần vào bên trong. Chờ một hồi cho ráo nước trên người, nó yên tâm vào giường phủ chăn lên ngực nhìn hai đứa em chập chờn ngủ trong cơn lạnh. Thình thoảng thẳng Út lại rùng mình một vài cái khi tiếng sấm xẹt ngang trời. Nó đưa mắt nhìn quanh căn nhà tìm vật gì che bớt gió cho đỡ lạnh. Tăm phen nó thường dùng chăn gió đã bị rách toạt sau cơn bão tuần trước. Nó chợt nhớ đến chiếc chiếu bông của bác Năm, người hàng xóm cho nó hôm trước. Nó vội chồm người xuống giường lôi ra đắp cho hai đứa em và nó. Có được một ít hơi ấm thẳng Út duỗi chân ngáy khò. Đêm nay nhờ chiếc chiếu cũ mà anh em nó yên giấc. Con Ba và thẳng Út khỏi phải trần trọc, rùng mình mỗi lần gió bên ngoài lồng vào.

Hình dáng gầy gò của mẹ cứ thoảng hiện trong tâm trí nó hằng đêm. Một cái ảng nước cũ kỹ, một chiếc nón lá rách, một cây chổi đã cùn tất cả đều gợi lên hình bóng của mẹ. Nó coi những thứ ấy như những báu vật mà mẹ đã để lại. Đêm nay, gió lạnh tràn về làm chồi lòng nó trống vắng và nhớ mẹ nhiều hơn, nhớ đến da diết. Nó như thăm như tâm sự cùng mẹ đầu đây: "Phải chi mẹ còn sống, anh em con chẳng bị lạnh và thiếu mặt như đêm nay. Những mùa đông năm trước, năm bên mẹ, anh em con chẳng biết cái lạnh nó lạnh ra

làm sao. Chúng con dành nhau ngủ bên mẹ vì lòng mẹ ấm, ấm hơn cả than hồng. Từng hơi thở của mẹ đã sưởi ấm toàn thân chúng con suốt những ngày đông giá buốt.

Năm xưa cũng vì cái ăn, cái mặc của chúng con mà mỗi mùa đông đến mẹ vất vả, cực khổ hơn. Mùa đông ở biển sóng to gió lớn, tôm cá chạy xa bờ, mẹ dầm mưa, dãi nắng lam lũ từng ngày trên ruộng rẫy trồng khoai, dăm sắn, gieo mạ cho người. Từng giọt mồ hôi nóng trên vai gầy của mẹ nhọc nhằn đổ xuống cho da thịt chúng con được thơm nồng. Lưng mẹ mỗi mồn cong cho từng hơi thở chúng con được bình an trong giấc ngủ. Mắt mẹ sâu, da mẹ xanh xao cho tiếng cười đùa chúng con trong suốt như pha lê. Mẹ mới ngoài ba mươi mà tóc mẹ đã bạc trắng và thưa. Mẹ chăm lo, thương yêu chúng con đến hơi thở sau cùng của mẹ.

"Đêm hôm đó gió trời se lạnh, mẹ con quây quần bên nồi khoai xôi sùng sục. Xác mía trong lò nổ lép bập bay ra thơm ngát. Con Ba thẳng Út dành nhau củ khoai lùi nóng hổi từ tay mẹ. Mẹ mang đồng quần áo cũ ra khâu chỉ vá lại từng cái quần, cái áo đã rách. Mẹ nhìn chăm từng đứa chúng con vui đùa mà nước mắt mẹ chày dài. Hôm sau, con mới biết tại rằng đêm qua mẹ ôm chặt chúng con vào lòng mà khóc. Mẹ khóc, vì ngày mai chẳng còn ai chăm lo cho những đứa con thơ dại của mẹ nữa. Mẹ khóc, vì mẹ sẽ không đi hết con đường của mẹ dành cho chúng con trong những ngày tới. Như mọi người xung quanh, mẹ mất trong cái nghèo cái khổ. Mẹ mất trong cơn bệnh hoạn thiếu thốn. Mẹ mất sớm chúng con mất tất cả. Chúng con bơ vơ, hụt hẫng giữa cuộc đời sóng gió. Mẹ mãi mãi là bóng mát của cây cổ thụ ngàn năm che chở cuộc đời chúng con".

Bỗng dưng đôi mắt nó ướt nhòa. Nó đã khóc. Nó khóc không phải vì cái lạnh, cái nghèo đang mang nặng trên vai mà nó khóc vì anh em nó sớm thiếu đi tình mẫu tử thiêng liêng, một thứ tình mà nó chẳng bao giờ tìm kiếm được ở nơi ai trong đời. Nó gục đầu thiếp đi trong tiếng sóng gào, mưa rơi và gió rít bên ngoài.

* * *

Con gà bên nhà chú Tám cất tiếng gáy báo trời sắp sáng. Nó thức giấc bước chân xuống giường nhóm bếp lửa và hâm lại nồi nước chè xanh. Nó đến bàn thờ thắp cho ba má nó cây nhang cho ấm. Uống xong một ngụm nước chè rồi nó đội nón, khoác lên người chiếc áo tơi và tay mang cái bao tời đi lần xuống biển. Nó thường đi vào giờ này để mót những lộn củi lứt từ thượng nguồn trôi xuống. Có khi nó lượm được vài trái bôm, trái lê và cái hộp nhựa đựng bơ đậu phộng từ hải cảng Sơn Trà-Đà Nẵng trôi vào. Nó đi sớm như vậy vì phải về nhà trước khi trời sáng để đón kịp chuyến đò nhì lên nguồn làm rẫy.

Trời hãy còn lạnh. Những đám

sương mù dày đặc bay là đà trên mặt đất làm bãi biển tối hơn. Vừa đi nó vừa đọc bài thơ mà chú tiểu chùa Hoa Sơn làng Nam Ô thường đọc cho nó nghe mỗi khi có dịp lên chùa chơi với chú. Nó nhớ mang máng ở khúc sau:

Có những đêm con thiêm thiếp trong mơ

Con mơ thấy hồn con về thăm mẹ

Được ấp ủ trong tình thương của mẹ,

Mảnh hồn con ấm dịu biết bao nhiêu?

Bốn phương trời con tìm kiếm đã nhiều,

Nhưng không có một tình yêu của mẹ.

Vu Lan đến cõi lòng con quạnh quẽ,

Bóng người xưa như phảng phất đâu đây.

Một chiều thu lạnh dăng bát cơm đầy,
Tình nghĩa ấy, mẹ ôi! bao thấm thía.
Phương trời này con ngậm ngùi rơi lệ,
Đức cù lao muôn một trả chưa xong. (1)

Đọc xong bài thơ, nó vòng hai tay lên ngực tìm chút hơi ấm rồi lặng lẽ dọc theo bờ biển Nam Ô đầy sương mù.

Canberra - Mùa Vu Lan
Ngô Kỳ Diệp

(1) Bài thơ Dâng Mẹ của Hòa Thượng Quảng Độ

MẸ TÔI

(Câu chuyện ngắn thật cảm động này được trích lại từ trang phapvan.ca, chưa tìm ra xuất xứ và tác giả; xin đăng ở đây để chia sẻ với bạn đọc nhân mùa Vu Lan Báo Hiếu - BBT)

Suốt thời thơ ấu và cả khi lớn lên, lúc nào tôi cũng ghét mẹ tôi. Lý do chính có lẽ vì bà chỉ có một con mắt. Bà là đầu đề để bạn bè trong lớp chế giễu, châm chọc tôi. Mẹ tôi làm nghề nấu ăn để nuôi tôi ăn học. Một lần bà đến trường để kiểm tôi làm tôi phát怒. Sao bà lại có thể làm như thế với tôi? Tôi lơ bà đi, ném cho bà một cái nhìn đầy căm ghét rồi chạy biển. Ngày hôm sau, một trong những đứa bạn học trong lớp la lên:

"Ê, tao thấy rồi. Mẹ mày chỉ có một mắt!".

Tôi xấu hổ chỉ muốn chôn mình xuống đất. Tôi chỉ muốn bà biến mất khỏi cuộc đời tôi. Ngày hôm đó đi học về tôi nói thẳng với bà:

"Mẹ chỉ muốn biến con thành trò cười!".

Mẹ tôi không nói gì. Còn tôi, tôi chẳng để ý gì đến cảm xúc của mẹ, vì lúc ấy lòng tôi tràn đầy giận dữ. Tôi chỉ muốn thoát ra khỏi nhà, không còn liên hệ gì với mẹ tôi. Vì thế tôi cố gắng học hành thật chăm chỉ, và sau cùng, tôi có được một học bổng để đi học ở Singapore.

Sau đó, tôi lập gia đình, mua nhà và có mấy đứa con. Vợ tôi là con nhà gia thế, tôi giấu nàng về bà mẹ của mình, chỉ nói mình mồ côi từ nhỏ. Tôi hài lòng với cuộc sống, với vợ con và những tiện nghi vật chất tôi có được ở Singapore. Tôi mua cho mẹ một căn nhà nhỏ, thỉnh thoảng lên vợ gởi một ít tiền về biểu bà, tự nhủ thế là đầy đủ bốn phận. Tôi buộc mẹ không được liên hệ gì với tôi.

Một ngày kia, mẹ bắt chột đến thăm. Nhiều năm rồi bà không gặp tôi, thậm chí bà cũng chưa bao giờ nhìn thấy các cháu. Khi thấy một bà già trông có vẻ lam lũ đứng trước cửa, mấy đứa con tôi có đứa cười nhạo, có đứa hoảng sợ. Tôi vừa giận vừa lo vợ tôi biết chuyện, hét lên:

"Sao bà dám đến đây làm con tôi sợ thế? Đi khỏi đây ngay!".

Mẹ tôi chỉ nhỏ nhẹ trả lời:

"Ồ, xin lỗi, tôi nhầm địa chỉ!" và lặng lẽ quay đi.

Tôi không thèm liên lạc với bà trong suốt một thời gian dài. Hồi nhỏ, mẹ đã làm con bị chúng bạn trêu chọc nhục nhã, bây giờ mẹ còn định phá hỏng cuộc sống đang có của con hay sao? Một hôm, nhận được một lá thư mời họp mặt của trường cũ gởi đến tận nhà, tôi nói với vợ là phải đi công tác. Sau buổi họp mặt, tôi ghé qua căn nhà của mẹ, vì tò mò hơn là muốn thăm mẹ. Mấy người hàng xóm nói rằng mẹ tôi đã mất vài ngày trước đó và do không có thân nhân, sở an sinh xã hội đã lo mai táng chu đáo. Tôi không nhớ được lấy một giọt nước mắt. Họ trao lại cho tôi một lá thư mẹ để lại cho tôi:

"Con yêu quý, Lúc nào mẹ cũng nghĩ đến con. Mẹ xin lỗi về việc đã dám qua Singapore bắt ngờ và làm cho các cháu phải sợ hãi. Mẹ rất vui khi nghe nói con sắp về trường tham dự buổi họp mặt, nhưng mẹ sợ mẹ không bước nổi ra khỏi giường để đến đó nhìn con. Mẹ ân hận vì đã làm con xấu hổ với bạn bè trong suốt thời gian con đi học ở đây. Con biết không, hồi con còn nhỏ xíu, con bị tai nạn và hỏng mất một bên mắt. Mẹ không thể ngồi yên nhìn con lớn lên mà chỉ có một mắt, nên mẹ đã cho con con mắt của mẹ. Mẹ đã bán tất cả những gì mẹ có để bác sĩ có thể thay mắt cho con, nhưng chưa bao giờ mẹ hối hận về việc đó. Mẹ rất hạnh phúc vì con đã nên người, và mẹ kiêu hãnh vì những gì mẹ đã làm được cho con. Con đã nhìn thấy cả một thế giới mới, bằng con mắt của mẹ, thay cho mẹ.. Mẹ yêu con lắm, Mẹ..."



TRÊN SÔNG

Thu Nguyệt

"Tí ...tí ...tí ...tí, tí tí tí tí, tí tí tí tí, tí tí tí tí..."

Chú Đồi bao giờ cũng hát chi mỗi giai điệu ấy! Đó là bài hát "Ánh trăng sáng ngời, có cây đa to, có thangka cuội già, ôm một mối mơ..." Chú không hát thành lời mà chỉ đờn miêng. Chưa bao giờ tôi nghe chú hát bài nào khác, cũng chưa bao giờ tôi thấy chú lên cơn phá phách hoặc làm điều gì quá đáng dù trong làng ai cũng bảo là chú bị khủng. Chú khủng với ai chẳng biết, chớ với bọn trẻ con thì chú hết sức tốt bụng và cứng chùi, thậm chí chú còn bày trò cùng lũ trẻ chúng tôi chơi vui hết biết!

Chú ở một mình trong cái chòi dơ đến thất kinh! Hình như chẳng bao giờ chú giặt đồ, quét nhà hay rửa chén. Quần áo thì chú chẳng có gì, quanh năm chỉ độc cái quần cụt. Mùa lạnh, lạnh dữ lắm thì mới thấy chú lôi đầu đó ra một cái áo mốc meo, lỗ chỗ dầu giấm, chuột gặm. Nhà có rác rến gì thì chú chỉ có lấy chân mà đá, hất ra ngoài, chén bát ăn xong thì chú le lưỡi liếm bằng sạch, chẳng cần rửa, bữa sau lôi ra ăn tiếp. Vậy mà chú khỏe, khỏe dữ lắm! Quanh năm suốt tháng chẳng bao giờ thấy chú bệnh hoạn gì. Ai sai mướn việc chi chú cũng làm, nhưng muốn làm là làm, muốn nghỉ là nghỉ, bất kể trời đất. Có khi đang làm công cho người ta, nhưng hễ bọn con nít chúng tôi đi ngang, rù trèo cây hay tát vũng gì là chú bỏ ngang, vọt liền, không thèm đếm xỉa đến việc ai mắng la chưởi rủa hay hủy bỏ ngày công. Có lần, bọn tôi bị vạ lây nhưng cũng được một trận cười đã đời! Đó là lần chú đang giúp ông Bảy xóm trên kê lại nhà. Nhà ông Bảy là một cái nhà sàn nhỏ, kê trên mấy gốc tre già cho cao tránh mùa nước lụt. Lâu ngày, gốc tre mục, ông nhờ chú Đồi và mấy anh trai tráng trong xóm ra sức đỡ nhà lên, để thay mấy gốc tre mới. Đang hè hụi hết sức nâng góc nhà, nhe giữa lúc cao điểm, bọn trẻ chúng tôi lại chạy ù qua chơi trò bắt cướp. Thế là chú quên bẵng, chạy té theo chúng tôi. Đã vậy trong lúc vội vàng chạy, chú còn vấp khoèo vào chân anh con trai chú Bảy, làm cả bọn đang ịch bồng ngã lăn chiêng, thương thay cái nhà nhỏ xinh của ông Bảy, nó sụm bà chề thảm hại! Lần đó bọn trẻ chúng tôi đưa nào cũng bị má đập cho mấy roi vì tội... vô ý gây ra thiệt hại!!!

Hồn nhiên vô tư là thế, nhưng thật ra chú rất hay buồn. Nhất là vào những đêm trăng tròn sáng. Chú đem điều ra đồng thả, rồi ngồi bệt xuống bờ ranh, gát cắm lên đầu gối, im thin thít, bọn trẻ chúng tôi chọc phá thế nào chú cũng chẳng cười. Chú thả điều siêu đẳng! Chỉ cần đi vài bước là con điều bay rất ngoạn. Chú chỉ làm duy nhất một kiểu điều, đó là hình cái mặt trăng khuyết. Điều này thì cả làng ai cũng biết nguyên do, bởi đó cũng là căn nguyên cơn bệnh khủng của chú.

Ngày trước, chú và cô Mơ - vợ chú - sống rất hạnh phúc. Hai người thương nhau lắm, vì chơi thân với nhau từ lúc nhỏ. Đó là mối tình đẹp nhất trong lịch sử làng tôi. Cô Mơ rất thích thả điều. Ở quê tôi, trẻ con chỉ biết làm điều hình vuông và có hai cái đuôi dài phía sau (giống như con đá đười). Thương cô mơ, chú Đồi làm đủ kiểu điều, nhưng rất lại, cô thích nhất là cánh điều có hình trăng khuyết. Vào những đêm trăng tròn, mang điều ra thả, cô bảo rằng khi ấy nhìn lên bầu trời có cả hai cái mặt trăng, một tròn một khuyết... coi hay lắm!

Vậy rồi cô chết khi về làm vợ chú Đồi vừa được hai lần trăng tròn, bởi một cái bệnh mà bây giờ nghe ra rất khó giải thích: trúng gió! Làng tôi xa tình lý, ngày ấy phương tiện đi lại chủ yếu là bơi xuồng, trình độ dân trí thấp, trẻ con trong làng thì đứa nào đứa nấy như cù ấu củ co, quanh năm chẳng biết gì đến bệnh hoạn, ốm đau lật vật chỉ có cạo gió xông hơi là qua khỏi, nhà nào cũng có cái bồ lúa trong nhà bao lớn mà thôi. Cô Mơ bệnh, sau khi làm đủ cách cạo gió giác hơi mà vẫn không bớt, chú Đồi bơi xuồng chở cô đi nhà thương, giữa đường thì cô chết. Cô chết im ru nằm ở giữa xuồng, mắt vẫn mở hé nhìn lên vầng trăng tròn đêm mười sáu!!!

Từ ngày cô Mơ mất, chú Đồi đâm ra ngớ ngẩn, suốt ngày lang thang với lũ trẻ con, bày đủ mọi trò nghịch ngợm. Nhưng cứ hễ đến đêm trăng tròn là chú lại ra ruộng thả điều một mình. Mùa nước nổi, chú chống xuồng ra đồng, treo con điều lên ngọn cây sào rồi nằm lặc lự trên sóng nước. Thành thạo lại hát "tí tí tí tí..." như thế!

Làng xóm mỗi ngày mỗi khác. Cầu bắc, đường thông, xe honda đã chạy đầy trên lộ, phủ bụi lấp mù lên mấy lá đậu, đám cà trồng dọc hai bên. Trẻ con có những món đồ chơi bằng nhựa, điện tử... hấp dẫn hơn mấy cái tu hú, ngựa tàu chuối, súng cây lùn ... của chú Đồi. Chú cũng có tuổi rồi, không còn chạy nhanh như trước nữa, khó có thể làm thủ lĩnh cho những trận giặc giả. Ba tôi nói đùa: bây giờ bọn trẻ chơi trò đánh trận, chú Đồi chỉ có thể làm Tôn Tản mà thôi! Tuy nhiên, việc thả điều vào những đêm trăng tròn là không bao giờ chú bỏ. Cứ mỗi lần thấy trong xóm có nhiều nhà đi chợ mua tương (ăn chay ngày rằm) là chú Đồi về chòi chăm sóc lại con điều, để tối hôm sau đem ra thả. Đã thành lệ, hình như bầu trời làng tôi không thể nào thiếu con điều của chú Đồi vào những đêm trăng mười sáu.

Vậy rồi có một sự kiện thay đổi cuộc đời chú Đồi: Làng tôi vừa xây xong một ngôi chùa mới. Khánh thành vào lễ Phật đản ngày rằm tháng tư. Lễ hội rất vui, người ta thả đèn sáng cả một khúc sông. Những ngọn đèn trôi trên nước, tự soi bóng mình một hoá thành hai, lấp lánh như sao. Chú Đồi cũng hí hửng chạy theo lũ trẻ hò reo thích chí. Trong khi chạy nhảy, chú bất ngờ vấp xô vào người thầy trụ trì đang đứng bên bờ sông, một nhánh cây gần đó đâm vào làm trầy trán chú. Lũ trẻ sợ hãi hét, người lớn thì mắng chú hậu đậu vô ý, thất lễ. Riêng thầy trụ trì nhẹ nhàng đỡ chú đứng lên, hỏi chú có sao không? rồi dẫn chú vô chùa, tự tay xúc dầu vào vết thương cho chú... Không biết thầy từ tâm vỗ về chú những gì, nhưng lát sau trở ra, chú bỗng đứng trở nên đàng

hoàng hẳn. Chú đi theo bên thầy như một đứa bé ngoan. Chú đứng lẳng lặng ngắm những hoa đèn trôi trên sông, giống như lúc chú ngồi ngắm cánh điều bay trên đồng vậy.

Những ngọn đèn đã tắt, mọi người về hết, chú vẫn ngồi một mình bên bờ sông. Hình như trong mắt chú đang lấp lánh một ngọn đèn mới thấp...

Chú Đồi không còn thả điều như trước nữa. Hằng ngày, chú lên làm công quả trên chùa. Làng tôi vắng cánh điều của chú. Đám thanh niên trai gái trong làng bảo rằng buồn, vì đã rất thích và quen với hình ảnh đẹp đẽ, thơ mộng ấy. Người già bảo rằng mừng, vì trong làng không còn có người bị bệnh điên. Bọn trẻ con không quan tâm, mặc chú Đồi điên hay tỉnh, chúng vẫn còn đủ thứ trò chơi khác.

Hạnh Phúc Thật Gần

Này em!

Có phải khi mình mất đi hạnh phúc
Thì mới hay... hạnh phúc có trong đời.
Có phải khi mình mất đi người mẹ
Mới thật lòng gọi hai tiếng: "Mẹ ơi!"

... Có những mai nọ hồng ngoài hiên nở
Chân em qua, không buồn ngắm một lần,
Chợt chiều hôm gió về làm hoa vỡ
Nhìn phai tàn, rồi cúi xuống băng khuâng...

Có một người trải qua lần hoạn nạn
Mãi về sau khép lại "cửa tâm hồn".
Từ khi mắt thôi nhìn đời xán lạn
Ngọc châu và đôi mắt, quý nào hơn?

Ai cũng sống bằng con tim, nhịp thở
Mà quên đi hơi thở vốn nhiệm mầu
Cơn đau đến, muộn màng lòng chợt hiểu
Trút hơi tàn... đời sống sẽ còn đâu!

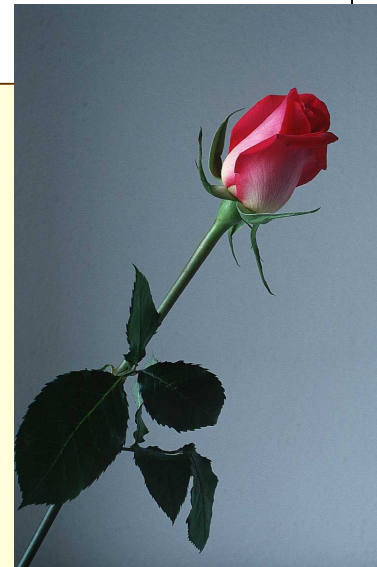
Có phải khi bên đời xa vắng mẹ
Mình mới hay, Mẹ... tất cả trong đời.
Có phải khi cha tạ từ dương thế
Cuộc chia lìa mới thấm nỗi đơn côi?

Em tôi ơi! Hãy về hôn lấy mẹ
Ôm lấy cha, thảo hiếu với huyền đường.
Là đôi mắt, là hoa, hơi thở nhẹ
Hãy ân cần gìn giữ lấy mà thương...

Chớ để khi mình mất đi hạnh phúc
Biết, vòng tay yêu dấu đã xa rồi,
Em có biết tôi mơ hoài bé dại
Được Mẹ bồng... ru giấc ngủ à ơi?...

Bên thềm VuLan 2010

THÍCH TÁNH TUỆ



THEO DÒNG NƯỚC TRÔI

Chiêu Hoàng

Mộng thân của nó là một đứa bé gái bảy tuổi. Nó nằm trên một cái bẻ chuối khô **chạy ngược dòng** trên dòng sông nhỏ. Khung cảnh thật êm đềm với hai hàng cây rù lá ven sông. Lòng con bé tràn ngập niềm vui, chân phải buông lơi xuống dòng suối mát, chân trái hơi co lại bên người. Nó cất cao tiếng hát, một điệu hát nhân gian cổ với âm thanh réo rắt, vui tươi. Hình như hai hàng cây bên đường cũng biết lắng nghe và cùng chung vui với nó.

Chiếc bẻ chuối vẫn trôi ngược dòng, điều kỳ diệu là chiếc bẻ có thể tránh những vật cản trên dòng nước trôi, một tảng đá, một đám lục bình, hay cả những nơi nước xoáy v.v... Chiếc bẻ vẫn bình thân trôi đi..., trôi đi...

Tiếng hát réo rắt từ những dòng chữ tuôn ra khỏi môi, âm thanh vòng lại lọt vào tai con bé... Những âm thanh mang ý nghĩa của những con chữ đập vào tâm thức của nó nói về một niềm vui mong manh dễ vỡ của một kiếp người. Vì ý nghĩ đó làm cho nó ngừng bật lời hát. Nó mãi mê rong ruổi theo ý nghĩ vừa chợt hiện trong tâm: **Vô Thường...**

Bẻ trôi thêm một đoạn nữa thì dừng lại ở một nơi thị tứ có vẻ nghèo nàn. Lúc đó trời đã về đêm. Dân cư ở đây đều có một da mặt màu chì với đôi mắt lơ lơ không có chiều sâu của tâm linh và hình như có một đời sống rất vội vã, vì ai ai cũng có một thái độ hối hả. Hối hả làm việc, hối hả ăn, hối hả chơi, hối hả ngủ nghỉ v.v...

Con bé bước lên bờ, hoàn toàn mù mịt với một cuộc sống như thế. Trong tâm vẫn miên man nghĩ đến sự vô thường. Nó đi dọc theo dòng sông, đi qua nhiều quán hàng xiêu vẹo được dựng lên một cách sơ sài bằng những mảnh gỗ với những ngọn đèn lù mù âm đăm. Một số chủ quán bước hẳn ra đường mời chào - nếu không nói là gần như lôi kéo khách qua đường - vào quán của mình. Nhưng chẳng ai nhìn thấy nó, chẳng ai thêm lời kéo. Nó tựa như một người tàng hình, đi vào một thành phố nhộn nhịp, xôn xao... Nó nhìn thấy nhiều người ngồi quanh những bàn tròn, ăn uống nhồm nhoàm những thức ăn cũ, thối. Ngay bên cạnh, một thùng nước sôi lớn được người đầu bếp bỏ nhiều loại sinh vật cua, hào, ốc hến, hình như chúng đang khóc vì đau đớn. Con bé đứng yên nhìn nồi nước sôi rồi linh cảm đến hình ảnh nước đông sôi với rất nhiều sinh linh nổi trôi khổ đau dưới địa ngục và khởi tâm thương cảm cho những sinh vật đang đau đớn chết đuối trong đó vì nóng.

Nó lại tiếp tục đi. Qua nhiều góc phố, nhiều ngôi làng âm đăm, tối tăm. Dân cư ở đây ai ai cũng gầy ốm, bệnh hoạn. Một người đàn ông bệnh hoạn hỏi tại sao nó lại đến đây? Nó không có câu trả lời. Trong lòng thầm thầm dấy lên một niềm sợ hãi. Gã bỗng vỗ lấy cánh tay của nó kéo tay

áo lên. Trên cánh tay hiện lên một bông sen nhỏ màu trắng nuột. Nó cũng không hiểu hình cánh sen đó có từ lúc nào. Nó cuống cuống dụi cánh tay lại rồi chạy chối chết về phía trước. Nó muốn trở về nhà, muốn nhảy lên cái bẻ đã đưa nó đi ngược dòng trôi dạt đến đây, nhưng nó không còn nhớ đường để trở về nữa. Nó muốn khóc lớn vì sợ, càng sợ, nó càng chạy miết... Cuối cùng thì đến bên một dòng sông nước đen như nước cống. Từ bờ bên này qua bờ bên kia là một khúc cây nhỏ bắc ngang làm cầu trơn như bôi mỡ. Bằng một cử động rất máy móc, nó bước lên cầu, hình như đôi tay ôm một cái gì đó trước ngực, đôi chân lướt đi không vướng bận, chỉ một thoáng đã qua đến bờ bên kia. Chừng quay đầu lại nó mới hốt kinh run rẩy vì sợ hãi khi nhận ra rằng, dưới dòng nước đen thẫm, cả ngàn ngàn người đang kêu la, chơi với ở dưới...

Hốt nhiên... Từ đáy tầng tâm thức, nó lại nghe được tiếng hát của mình.

À. Không!
Nó không hát mà đó chính là những câu chú nó đã học được từ một ngôi chùa cổ.

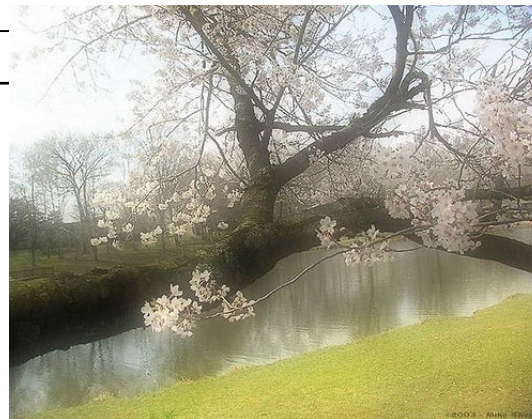
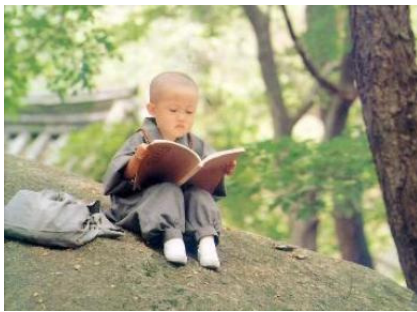
Nghe đâu, đó là câu chú cứu khổ, cứu nạn, đại từ, đại bi của ngài Quan Thế Âm...

*

Âm thanh câu chú dội ngược lại trong tâm thức đã vực nàng trở về. Nàng hé mắt nhìn qua hàng mi, thấy màu xanh lục của lá cùng với màu nắng lung linh đang cười đùa với gió, tựa như cuộc đời vẫn hồn nhiên xuôi chảy một dòng.

Dù biết rằng mình đã trở về với thực tại, nhưng tim nàng vẫn run lẩy bẩy vì hình ảnh khổ đau của mọi loài trong mơ rơi rớt lại vẫn còn rất rõ nét... Nàng nhận thấy mình đang liên miên tụng chú, âm thanh làm thành một vòng tròn nổi từ tâm thức đưa xuống môi, vòng lên hai lỗ tai rồi trở về tâm. Nàng nhắm hờ đôi mắt, lòng dịu lại...

*Nàng đang lên.
Một ngày mới lại bắt đầu.
Một giấc mộng nhỏ đã chấm dứt, và nàng lại bước trở về giấc mộng lớn của Nhân Gian.*



thơ

To my unborn son

"My son!" What simple, beautiful words!
"My boy!" What a wonderful phrase!
We're counting the months till you come to us -
The months, and the weeks, and the days!
"The new little stranger," some babes are called,
But that's not what you're going to be;
With double my virtues and half of my faults,
You can't be a stranger to me!
Your mother is straight as a sapling plant,
The cleanest and best of her clan -
You're bone of her bone, and flesh of her flesh,
And, by heaven, we'll make you a man!
Soon I shall take you in two strong arms -
You that shall howl for joy -
With a simple, passionate, wonderful pride
Because you're just - my boy!
And you shall lie in your mother's arms,
And croon at your mother's breast,
And I shall thank God I am there to shield
The two that I love the best.
A wonderful thing is a breaking wave,
And sweet is the scent of spring,
But the silent voice of an unborn babe
Is God's most beautiful thing.
We're listening now to that silent voice
And waiting, your mother and I -
Waiting to welcome the fruit of our love
When you come to us by and by.
We're hungry to show you a wonderful world
With wonderful things to be done,
We're aching to give you the best of us both
And we're lonely for you - my son!

Captain
Cyril Morton Thorne

Gửi con trai chưa ra đời

"Con trai của BỐ!" mấy lời
Nghe sao đơn giản, tuyệt vời biết bao
"Con tôi!" câu nói đẹp sao
Mẹ cùng với BỐ chờ chào đón con
Từng ngày, từng tháng nức lòng
Chờ con góp mặt vào trong gia đình.
"Bé con khách lạ mới sinh"
Mọi người thường gọi con mình vậy thôi
Nhưng con của BỐ khác người
Có nhiều tính tốt gấp đôi BỐ rồi
Còn lắm lỗi chỉ nửa thôi
Cho nên BỐ thấy con thời lạ đâu!
Mẹ con thẳng thắn hàng đầu
Như thân cây nhỏ vươn cao giữa trời
Thịt xương con hưởng trong người
Là xương thịt Mẹ tách rời trao con
Chúng ta đặt cả tâm hồn
Chờ nuôi con tới lớn khôn trưởng thành!
Mai này BỐ sẽ nhiệt tình
Ôm con trong cánh tay mình nâng niu
Vừa kiêu hãnh, vừa thường yêu
BỐ mừng con trẻ. Con reo vui đùa.
Rồi trong tay mẹ hiền từ
Con nắm chặt tiếng u ơ mấy lời
Dụi đầu ngực Mẹ thơm hơi
Và rồi BỐ cảm ơn Trời xanh kia
Đã cho BỐ được chờ che
Hai người yêu nhất còn gì quý hơn.
Đẹp thay làn sóng nhẹ lan
Thơm thay cũng chính là làn hương Xuân
Nhưng mà yếm lặng thanh âm
Của hài nhi sắp bước chân vào đời
Mới là tặng phẩm của Trời
Ban cho cuộc sống lứa đôi trọn bề.
Giờ đây BỐ Mẹ lắng nghe
Thanh âm con đó rất chi lặng thầm
Con là kết quả tuyệt trần
Của tình BỐ Mẹ vô ngần thắm tươi
Mai này con sẽ ra đời
Chờ con BỐ Mẹ nay thời ước mong.
BỐ và Mẹ rất nóng lòng
Chỉ cho con thấy ở trong cuộc đời
Bao điều đẹp để khắp nơi
Chờ làm bởi chính tay người mai sau,
BỐ và mẹ cũng khát khao
Đem gì quý nhất trao vào tay con,
Mong con lòng dạ mới mơn,
Nhấn đôi lời lúc con còn chưa sinh!

Tâm Minh
Ngô Tăng Giao dịch

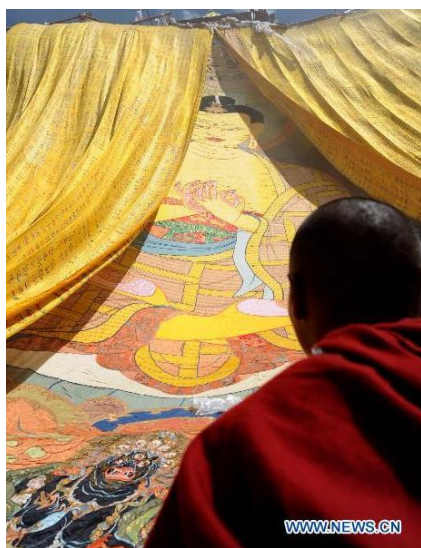


TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

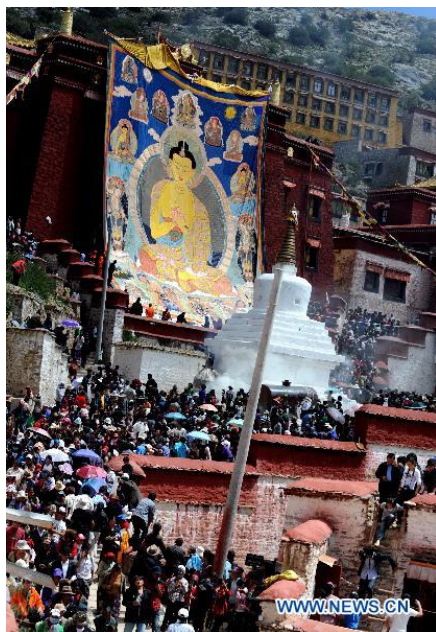
Diệu Âm lược dịch

TÂY TẠNG: Tín đồ hành hương chiêm bái tranh thangka Đức Phật lớn

Ảnh 1: Một nhà sư ngắm bức tranh thangka trong lễ treo thangka hàng năm tại Tu viện Ganden (ở thủ phủ Lhasa của Khu Tự trị Tây Tạng, tây nam Trung quốc) vào ngày 25-7-2010. Được xây dọc theo sườn Núi Wangbori, Tu viện Ganden vốn là tu viện nguyên thủy của giáo phái Gelug thuộc Phật giáo Kim cang thừa. Mỗi năm có hàng nghìn khách hành hương tập trung tại đây để chiêm bái tranh Phật khổng lồ trong lễ hội này, một trong những lễ Phật lớn nhất tại Tây tạng.



Ảnh 2: Nhân dân tham dự lễ treo tranh Phật tại Tu viện Ganden ở Lhasa, Tây Tạng vào ngày 25-7-2010.



Ảnh 3: Các nhà sư hành lễ vào lễ treo tranh Phật hàng năm tại Tu viện Ganden ở Lhasa, Tây Tạng.



Ảnh 4: Nhân dân tập trung tại Tu viện Ganden ở Lhasa, Tây Tạng để chiêm bái tranh Phật lớn.



(Tân Hoa Xã - July 26, 2010) - Photos: NEWS.CN

THÁI LAN: Các hoạt động công đức diễn ra tại nhiều tỉnh

Nhiều tỉnh khác nhau tại Thái Lan đã chứng kiến các hoạt động công đức và cúng dường sống động trong Ngày của Pháp Bảo (Asalha Puja) và Mùa Chay Phật giáo.

Tại tỉnh Suphaburi vào ngày 26-7-2010, hàng nghìn người dân địa phương ở Quận Muang đã lũ lượt đến các đền chùa để lễ Phật, và giúp làm đèn cây cho Pháp Bảo Nhật và Mùa Chay Phật giáo. Rất nhiều du khách cũng tham gia vào đám rước đèn cây thật nhiều màu sắc diễn ra vào buổi sáng, được tổ chức liên kết với 10 quận khác.

Cùng lúc đó, tại tỉnh Kalasin, cư dân địa phương đã đến các đền chùa gần nhà để mừng các ngày lễ lớn này, thể hiện sự sùng tín Phật giáo của họ. Họ đã cầu nguyện cho quốc gia được hoà bình trở lại, và cầu sức khoẻ cho nhà Vua và Hoàng hậu. Các vật phẩm cúng dường của Mùa Chay Phật giáo năm nay là lương khô và thức ăn nhanh.

Tại tỉnh Phatthalung, Tỉnh trưởng Winai Karuwanpat cùng với những người dân địa phương từ cộng đồng Lam Pam đã cúng dường cho những nhà sư đang đi thuyền. Đây là một lễ thường và là truyền thống được truyền lưu từ hơn 200 năm nay.

(NNT - July 27, 2010)

Ý ĐẠI LỢI: Thị trấn Jelsi tôn vinh Đức Đạt Lai Lạt Ma

Thị trấn nhỏ Jelsi ở miền trung nước Ý đã tặng giải Traglia, giải thưởng Quốc tế hàng năm của họ, cho Đức Đạt Lai Lạt Ma trong việc công nhận thông điệp của Ngài về tinh thần ái, tình thương và lòng từ bi.

Giải thưởng được nhận vào ngày 27-7-2010 bởi ông Tsenten Samdup Choekyapa, người đại diện của Đức Đạt Lai Lạt Ma có trụ sở tại Geneva, Thụy Sĩ. Lễ trao giải này được thị trấn Jelsi tổ chức như là một phần của Đại Lễ Hội do chính quyền khu vực tài trợ.

Khi nhận giải thưởng, ông Choekyapa nói rằng ông rất biết ơn và phấn khởi vì một thị trấn nhỏ ở miền trung nước Ý đã công nhận công trình của Đức Đạt Lai Lạt Ma và bày tỏ sự quan tâm về hoàn cảnh của người dân Tây tạng.

Trên 20.000 người từ khắp vùng này đã đến dự ngày đầu tiên của lễ hội.

Bốn nhà sư từ Tu viện Gaden Jangtse ở Nam Ấn Độ đã tạo tác một bức tranh đồ hình Mạn Đà La bằng cát và cầu nguyện cho hoà bình thế giới. Sau khi Đồ hình Cát được xóa đi, có rất đông người xếp hàng chờ để được nhận một phần cát nhỏ từ tranh này.

(Tibet Custom - July 31, 2010)



Tseten Samdup Choekyapa (người thứ 2 bên phải) thay mặt Đức Đạt Lai Lạt Ma nhận giải thưởng Traglia của thị trấn Jelsi, Ý Đại Lợi - Photo: Tibet Custom

TRUNG QUỐC: Chùa Thiếu Lâm vào danh sách di sản thế giới

Thiếu Lâm Tự là tu viện cổ và là quê hương của võ thuật kung fu của Trung quốc, nằm tại núi Tung Sơn ở tỉnh Hà Nam.

Vào ngày 01-8-2010, công trình kiến trúc cổ của Thiên Phật này đã được thêm vào Danh sách Di sản Thế giới trong một cuộc họp tại Brasillia, Brazil của Ủy ban Di sản Thế giới của UNESCO.

UNESCO nói rằng tổ hợp kiến trúc lịch sử này nổi bật về vẻ đẹp mỹ học tuyệt vời và những ý nghĩa sâu sắc về văn hoá.

Với một lịch sử hơn 2000 năm, tổ hợp này gồm 11 công trình truyền thống có những phong cách kiến trúc khác nhau, rất đặc trưng cho nền văn hoá Trung Hoa cổ.

Trụ trì chùa Thiếu Lâm là Shi Yongkin nói rằng sự công nhận của UNESCO là một vinh dự. Ông nói, "Đối với chư tăng, việc sống trong một di sản được thế giới công nhận là một điều tuyệt vời, nhưng đồng thời,

trách nhiệm bảo vệ của chúng tôi đối với ngôi chùa càng trở nên nghiêm cẩn hơn".

Ông nói thêm, "Tôi cũng mong kung fu Thiếu lâm sẽ được bổ sung vào danh sách di sản phi vật thể của UNESCO".

(The Economic Times - August 2, 2010)



Biểu diễn võ thuật mừng Chùa Thiếu Lâm trở thành một di sản thế giới vào ngày 01-8-2010 -Photo: China Daily

SINGAPORE: Cộng đồng Phật tử Singapore góp quỹ xây trường Đại học Nalanda ở Ấn Độ

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Singapore, ông George Yeo, nói rằng người dân nước ông - nhất là cộng đồng Phật tử - có thể đóng góp từ 5 đến 10 triệu đô la Singapore cho trường Đại học Nalanda ở bang Bihar, Ấn Độ.

Từng có một thời phát triển rực rỡ cách đây nhiều thế kỷ, và được xem là một biểu tượng của sự hợp tác toàn cầu về giáo dục, trường Đại học Nalanda sẽ là một trung tâm dành cho nghiên cứu Phật giáo, triết học và so sánh văn học, nghiên cứu lịch sử và sinh thái học và nghiên cứu môi trường.

Là một thành viên của Nhóm Cố vấn Nalanda (NMG), ông Yeo đã có các cuộc nói chuyện với một số vị lãnh đạo của cộng đồng Phật giáo Singapore.

Ông nói tại cuộc họp lần thứ 6 của NMG rằng có sự ủng hộ về nguyên tắc từ các lãnh đạo Phật giáo Singapore để giúp gây quỹ cho việc xây dựng Thư viện của trường Đại học Nalanda, một khi các dự án cho trường đại học mới này được soạn thảo và phê duyệt.

Ông Yeo đã cung cấp thông tin cập nhật tại cuộc họp, để thảo luận về khuôn khổ thực hiện và các hoạt động cho trường Đại học Nalanda, kể cả các việc chỉ định để điều hành trường Đại học và dự án.

Chính quyền bang Bihar đã dành phần đất khoảng 500 mẫu Anh cho khu đại học và lập các đồ án cho một phi trường quốc tế mới, đường xá và các dịch vụ hạ tầng cơ sở và phụ trợ khác để hỗ trợ trường đại học.

(Channel News Asia - August 4, 2010)

TÂY TẠNG: Những họa sĩ tranh Thangka hàng đầu

Lhasa, Tây Tạng - Hai mươi nghệ sĩ Tây Tạng đã được trao danh hiệu là những họa sĩ hàng đầu về tranh Thangka, một loại tranh cuộn có chủ đề Phật giáo.

Những người đoạt giải được chọn từ 50 họa sĩ Thangka chuyên nghiệp. Họ đã tập trung tại Lhasa trong tuần đầu tháng 8-2010 cho Hội chợ Triển lãm Nghệ thuật Thangka đang diễn ra.

Các tác phẩm của tất cả các họa sĩ đều được vẽ ngay tại Hội chợ Triển lãm này. Các giải thưởng được trao gồm 3 giải nhất, 6 giải nhì và 11 giải ba.

Thangka được vẽ bằng các chất liệu màu từ khoáng sản và chất hữu cơ, có nguồn gốc từ các vật liệu như san hô, mã não, đá đỏ, ngọc trai và vàng. Vì vậy tranh giữ được màu sắc qua hàng trăm năm.

Thangka là một loại hình nghệ thuật Phật giáo và thường dùng để thờ tại nhà. Tranh cũng là món quà lưu niệm lý tưởng đối với du khách đến Tây tạng.

Vào năm 1985, trường Đại học Tây Tạng bắt đầu tuyển sinh chuyên ngành tranh Thangka. Đến nay đã có 2 trong số 4 trường Thangka được xếp hạng Di sản Văn hoá Phi vật thể của Trung quốc, và mỗi năm chính quyền trung ương trao những quỹ đặc biệt cho công tác bảo tồn của các trường này.

(Xinhua News - August 6, 2010)



Một họa sĩ vẽ Thangka ở Tibet ngày August 6, 2010 - Photo: Xinhua

THÁI LAN: Lễ cúng dường thực phẩm cho chư tăng trên lưng voi

Tại thị trấn Surin của tỉnh Surin ở Thái Lan, lễ cúng dường thực phẩm cho chư tăng trên lưng voi (Tak Bat Bon Lang Chang) được tổ chức một ngày trước khi bắt đầu các lễ chính của Mùa Chay Phật giáo kéo dài 3 tháng. Năm nay lễ cúng dường chư tăng cưỡi voi này nhằm ngày 26-7 dương lịch.

Vào sáng sớm, khoảng 40 con voi từ làng voi Ta Klang kiên nhẫn chờ trên đường phố chính. Mỗi voi có 2 nhà sư ngồi trên yên. Phía trước là một quần tượng, và cuối yên có một người lính để giúp bỏ thực phẩm vào

một cái bao lớn. Năm nay có 83 nhà sư để đánh dấu sinh nhật thứ 83 sắp đến của Nhà Vua. Hàng nghìn người dân địa phương và khách tham quan đã tham gia sự kiện kéo dài một giờ này.

Các quan chức cấp tỉnh đã dựng 3 khán đài để mọi người có thể cúng dường thực phẩm (thường là lương khô) cho chư tăng. Những con voi đi qua mỗi khán đài, và người ta chen lấn để đặt vật phẩm cúng dường vào các bình bát của chư tăng, mặc dù đã có thông báo rằng đàn voi sẽ đi qua các khán đài nhiều lần cho đến khi không còn vật phẩm cúng dường nữa.

Nhưng mọi người vẫn chen lấn, trong khi một số khác cố chụp ảnh các con voi, vì đây là lễ duy nhất trong cả nước.

(Bangkok Post - August 8, 2010)



Chư tăng cỡi voi trong lễ cúng dường tại Surin, Thái Lan (BangkokPost)

ẤN ĐỘ: Những bài thuyết pháp của Đại sư Gyatso thu hút du khách tại Himachal Pradesh

Himachal Pradesh, Ấn Độ - Những bài thuyết pháp về tư tưởng Phật giáo của Đại sư Lobsang Jamphel Jampa Gyatso tại Tu viện Dagpo Shedrupling ở bang Himachal Pradesh thu hút nhiều du khách trong nước và quốc tế.

Hàng trăm người nước ngoài đã tập trung tại tu viện để nghe Đại sư Gyatso thuyết pháp vào mùa an cư thường niên được tổ chức nơi đây.

Tín đồ của Giáo phái Dagpo đến từ các nước Pháp, Anh, Úc, Thái Lan, Gia Nã Đại, Đức và Indonesia. Họ còn cho biết rằng họ phải đăng ký trước để được tham dự những bài thuyết pháp này, thường thì đăng ký trước 2 năm vì Đại sư Gyatso có một thời gian biểu rất bận rộn.

Những du khách ngoại quốc này rất hạnh phúc. Họ hy vọng có cơ hội được gặp Đức Đạt Lai Lạt Ma, người sẽ đến thăm Tu viện Dagpo Shedrupling vào ngày 16 - 8.

Tu viện tọa lạc tại làng Kais trong Thung lũng Kullu đẹp như tranh, có môi trường chung quanh yên tĩnh. Tu viện

được xây để tưởng niệm Tu viện Dagpo của thế kỷ thứ 15 tại Tây Tạng.

Người Tây tạng sống lưu vong tại Ấn Độ xem tu viện mới này là một cách để giữ gìn tôn giáo và văn hoá của họ.

Tại tu viện có hơn 200 học viên từ nhiều nước nghiên cứu và học Phật pháp.

(ANI - August 10, 2010)

HOA KỲ: Thiên sư Phật giáo người Mỹ Robert Aitken (1917 - 2010) từ trần

Ngày 05-7-2010, ông Robert Baker Aitken, một trong những thiên sư Phật giáo người Mỹ đầu tiên và là

một nhà hoạt động cộng đồng, đã từ trần ở tuổi 93 tại Bệnh viện Straub ở Honolulu (Hawaii).

Ông là nhà sáng lập, nhà lãnh đạo và là vị thầy của Tăng đoàn Kim cang Honolulu, một hội Thiên Phật quốc tế, và được tôn xưng là "Roshi" (Đại sư).

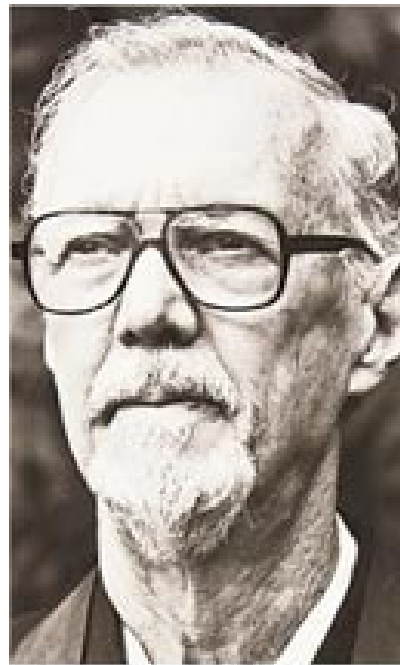
Cùng với người vợ thứ hai của mình, ông Aitken thành lập Tăng đoàn vào năm 1959 và mời các vị thầy từ Nhật Bản sang để hướng dẫn hội đoàn này.

Tăng đoàn Kim cang đã phát triển rực rỡ, nhất là sau khi ông Aitken được phê duyệt để giảng dạy độc lập vào năm 1974. Ngày nay tổ chức này là một phần của mạng lưới gồm các nhóm liên kết, với Trung tâm Thiên Palolo ở Honolulu là ngôi chùa chính tại bang Hawaii.

Ông Aitken cũng đã có một sự hợp tác lâu dài với các phong trào hoà bình và công bằng xã hội tại Hawaii. Ông đã viết được 13 cuốn sách.

Ngày 22-8-2010, Trung tâm Thiên Palolo sẽ tổ chức một lễ tưởng niệm thiên sư Aitken vào lúc 10 giờ sáng.

(Star - Advertiser - August 11, 2010)



Thiên sư Robert Aitken - Photo: Star - Advertiser

TRUNG QUỐC: Tháp Sứ ở Nam Kinh sẽ tôn trí xá lợi Đức Phật

Tháp Sứ Nam Kinh, còn gọi là Chùa Báo Ân, là một tháp cổ của Phật giáo tại tỉnh Giang Tô của Trung quốc. Đây từng là một kỳ quan thế giới vào thời trung cổ.

Vào năm 1856, tháp đã bị phá huỷ hoàn toàn trong cuộc chiến tranh giữa triều đình nhà Thanh và quân Thái Bình Thiên Quốc.

Năm nay tháp sẽ được xây dựng lại ngay tại địa điểm nguyên thủy. Một công viên hoang phế cũng sẽ được xây lại tại vị trí cũ.

Tháp Sứ sẽ là nơi tôn trí phần mảnh xương sọ của Đức Phật Thích Ca sau khi việc tái xây dựng hoàn thành vào cuối năm 2011.

Đầu tiên, Tháp Sứ được Hoàng đế nhà Minh là Yong Le (1403 - 1425) xây cho mẹ mình, gọi là Chùa Báo Ân. Theo sử biên, công trình xây tháp gồm 9 tầng, cao 78 mét này đã phải mất gần

20 năm, huy động 100.000 công nhân. Tháp có hình bát giác với đường kính 97 feet, được ốp lát bằng gạch sứ trắng sáng xen kẽ với gạch và đá nhiều màu.

Xá lợi linh thiêng của Đức Phật sẽ được tôn trí tại Tháp Sứ này hiện đang được tôn trí tại chùa Qixia ở Nam Kinh. Người ta đã tìm thấy xá lợi mảnh sọ của Đức Phật tại một phòng của Tháp Sứ dưới lòng đất và công bố phát hiện này vào tháng 6 năm nay.

(Xinhua - August 13, 2010)

NHẬT BẢN: Cam kết trao trả các bảo vật văn hóa Triều Tiên cho Nam Hàn

Cam kết của Nhật Bản về việc trao trả các vật tạo tác văn hóa từ triều đại cuối cùng của bán đảo Triều Tiên đã được hoan nghênh tại Nam Hàn - đặc biệt là đối với tăng sĩ Hye Moon ở Seoul, là người đã trải qua 4 năm nỗ lực để làm nên kết quả này.

Vào năm 2006, ông Hye đã bắt đầu một chiến dịch cho sự trở về của các bảo vật Triều Tiên mà Nhật Bản vẫn còn cất giữ - trong đó có các tài liệu hoàng gia của Triều đại Chosun (1392 - 1910).

Được Hội Nhật - Hàn giúp đỡ, trong 4 năm sau đó, tăng sĩ Hye đã thực hiện khoảng 40 chuyến thăm, gặp gỡ hàng chục quan chức chính phủ và các nhà lập pháp Nhật. Khi bắt đầu chiến dịch yêu cầu trao trả này, nhóm của ông chỉ gồm có vài nhà sư và một luật sư Nam Hàn ở Tokyo. Nhưng nó đã lan rộng đến các công dân và các nhà lập pháp Nam Hàn khác.

Tăng sĩ Hye không ngần ngại dùng mạng lưới của mình để truy cập vào bộ ngoại giao, cơ quan hoàng tộc và thủ tướng Nhật, kêu gọi các quan chức Nhật trao trả các tài liệu hoàng gia Chosun Triều Tiên.

Ngày 10-8-2010, chính phủ Nhật Bản đã đưa ra lời xin lỗi mới về sự cai trị thuộc địa Triều Tiên từ 1910 đến 1945, và cam kết trong tương lai gần sẽ trả lại các hiện vật mà Nam Hàn đã yêu cầu.

(The Daily Tribune - August 14, 2010)

NGA: Thêm một ngôi chùa khánh thành tại Nga

Ngày 15-8-2010, một ngôi chùa mới được khánh thành tại thành phố Chita ở Đông Siberia.

Vị lãnh đạo tinh thần của Phật tử Nga là Pandito Hambo Lama Damba Ayushev mô tả đây như là một sự kiện lịch sử. Ông nói rằng như vậy Chita trở thành thành phố thứ hai của Nga, sau St. Peterburg, được đón mừng một tu viện Phật giáo.

Ý tưởng xây chùa khởi phát vào khoảng 16 năm trước, nhưng đến năm 2007 mới bắt đầu việc xây dựng.

Tu viện trước kia tại Chita được xây cách đây 111 năm, nhưng 15 năm sau đã bị cháy rụi. Chùa mới được cho là giống nó, thể hiện những đặc điểm của nền kiến trúc Phật giáo Buryat.

Pho tượng Phật bằng đồng cao 1,8 mét cũng như các đầu rồng và bàn thờ Phật tại đây đều được đúc tại Ulan Bator, thủ đô của Mông Cổ.

(Prime Time Russia - August 15, 2010)



CHÁNH PHÁP

Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh
Trị sự: ĐĐ. Thích Đồng Trực
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Châu

Chủ biên: Vĩnh Hào

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

LIÊN LẠC:

- **Bài vở:** baivochanhphap@gmail.com
- **Quảng cáo/Phát hành:** (714) 638-0989
- **Chi phiếu ủng hộ,** xin ghi "CHANH PHÁP" và gửi về địa chỉ:

11502 Daniel Ave.
 Garden Grove, CA 92840 – U.S.A.
 Tel.: **(714) 638-0989**

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai hữu duyên trong cả thế giới của trời và người. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: *"Thế hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình sẽ trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."*

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hưởng vị.

www.chanhphap.net

Số **17**
9.2010

CỘNG ĐỒNG PHẬT GIÁO VIỆT NAM BẮC CALIFORNIA
 VIETNAMESE BUDDHIST COMMUNITY IN NORTHERN CALIFORNIA

Lễ Hội Cung Nghinh PHẬT NGỌC HÒA BÌNH



Ngày 2 đến ngày 17 tháng 10 năm 2010
CHÙA KIM QUANG
 3119 Alta Arden Expressway - Sacramento, CA 95825

Cúng Dường và Bảo Trợ xin liên lạc:
 T.T. Thích Nhật Huệ (408) 828-5707
 T.T. Thích Từ Lực (510) 331-6899
 Đ.Đ. Thích Thiện Duyên (916) 206-3757

For Sponsorship and Donation for Jade Buddha,
 please call:
 (408) 828-5707 • (510) 331-6899 • (916) 206-3757
 Make check payable to: Kim Quang Temple
 Memo: Phat Ngoc

THỨ BẢY, NGÀY 2 THÁNG 10

- 09 AM Lễ cúng nghinh Phật Ngọc
- 08 PM Thuyết Pháp: Vai trò hộ đạo của người Cư Sĩ HT. Thích Thái Siêu

CHỦ NHẬT, NGÀY 3 THÁNG 10

- 11 AM Đại lễ Khai Mạc
- 01 PM Văn nghệ Cúng dường Phật Ngọc
- 03 PM Thuyết pháp: Những bước đầu phát triển Phật Giáo Việt Nam tại Bắc Cali HT. Thích Minh Đạt

THỨ SÁU, NGÀY 8 THÁNG 10

- 07 PM Thuyết pháp: Tổng quan Phật Giáo Việt Nam Bắc Cali trong thập niên 1980 - 2000 (English)

THỨ BẢY, NGÀY 9 THÁNG 10

- 10 AM Thuyết pháp: Con Tim Hòa Bình TT. Thích Minh Thiện
- 11 AM Lễ cầu nguyện ngoài Biển, Lễ rải tro
- 03 PM Thuyết Pháp: Phật Giáo với môi sinh TT. Thích Giác Như
- 07 PM Đêm Thắp Nến & Văn Nghệ của các GDPT Bắc Cali

CHỦ NHẬT, NGÀY 10 THÁNG 10

- 10 AM Thuyết Pháp: Ý nghĩa và giá trị Phật Ngọc HT. Thích Thắng Hoan
- 11 AM Văn nghệ cúng dường Lễ Hội
- 04 PM Đại Lễ Trai Đàn Giải Oan Bạt Độ
- 07 PM Thuyết pháp: Hơi thở và Nụ cười của Bụt TT. Thích Huệ Tâm

THỨ SÁU, NGÀY 15 THÁNG 10

- 10 AM Khai kinh Trai Đàn Chấn Tế, thỉnh chư Hương linh an vị Đàn tràng
- 08 PM Đại Lễ Cầu Siêu Quy Y Linh

THỨ BẢY, NGÀY 16 THÁNG 10

- 10 AM Thuyết pháp: Ai là Phật? TT. Thích Từ Lực
- 03 PM Thuyết pháp: Nếp Sống Đạo TT. Thích Đồng Trí
- 07 PM Đêm Hoa Đăng cầu nguyện "Thắp Sáng Đèn Tâm"

CHỦ NHẬT, NGÀY 17 THÁNG 10

- 11 AM Lễ Cúng Dường Trai Tăng
- 02 PM Đại Lễ Bế Mạc Phật Ngọc
- 04 PM Đăng đàn chấn tế Âm Linh Cô Hồn

Your donations and sponsorships are tax-deductible according to federal law.

Địa chỉ tòa soạn:

CHÁNH PHÁP
 803 S. Sullivan Street
 Santa Ana, CA 92704

TO: _____

Báo Chánh Pháp số 17, tháng 9 năm 2010, do Chùa Phật Quang (San Jose, California) ủng hộ ấn phí; Chùa Cổ Lâm (Seattle, Washington) trang trải phụ phí in màu. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý bốn tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.